**1224 câu hỏi trắc nghiệm ôn thi viên chức giáo dục (giáo viên) bậc THCS và THPT**

**Phụ lục**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Trang** |
| 1 | Luật viên chức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức | 2-63 |
| 2 | Luật giáo dục | 63-141 |
| 3 | Quyết định 16/2008/QĐ-BGDĐT | 141-147 |
| 4 | Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT | 147-163 |
| 5 | Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo | 163-192 |
| 6 | Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 | 192-211 |
| 7 | Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT | 211-218 |
| 8 | Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI | 218-240 |
| 9 | Nghị định 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ | 240-291 |
| 10 | Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ | 292-301 |
| 11 | Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 | 301-339 |

1. Phạm vi điều chỉnh luật viên chức.
2. Luật này quy định về viên chức; quyền và nghĩa vụ của viên chức, tuyển dụng viên chức
3. Luật này quy định về viên chức; nghĩa vụ của viên chức; tuyển dụng, sử dụng vả quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Luật này quy định về việc tuyển dụng viên chức, quyền của viên chức.
5. **Luật này quy định về viên chức; quyền, nghĩa vụ của viên chức; tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập**
6. Viên chức là gì?
7. **Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.**
8. Viên chức được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương tứ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.
9. Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, được hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lâp.
10. Viên chức là công dân Việt Nam, làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, được hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật
11. Viên chức quản lý là gì?
12. Viên chức quản lý là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phải là công chức và được hưởng phụ cấp quản lý.
13. Viên chức quản lý là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm về điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phải là công chức .
14. Viên chức quản lý là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm về điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc nhưng không phải là công chức và được hưởng phụ cấp quản lý.
15. **Viên chức quản lý là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm về điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phải là công chức và được hưởng phụ cấp quản lý.**
16. Đạo đức nghề nghiệp là gì?
17. Đạo đức nghề nghiệp là những chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực
18. Đạo đức nghề nghiệp là những chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực trong hoạt động nghề nghiệp do tổ chức có thẩm quyền quy định.
19. **Đạo đức nghề nghiệp là những chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực trong hoạt động nghề nghiệp do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định.**
20. Đạo đức nghề nghiệp là những chuẩn mực về nhận thức trong hoạt động nghề nghiệp do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định.
21. Quy tắc ứng xử
22. Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của viên chức trong thi hành nhiệm vụ và trong quan hệ xã hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phù hợp với từng công việc trong các lĩnh vực đặc thù.
23. **Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của viên chức trong thi hành nhiệm vụ và trong quan hệ xã hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phù hợp với đặc thù công việc trong từng lĩnh vực hoạt động và được công khai để nhân dân giám sát việc chấp hành.**
24. Quy tắc ứng xử là chuẩn mực xử sự của viên chức trong thi hành nhiệm vụ và trong quan hệ xã hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phù hợp với đặc thù công việc trong tùng lĩnh vực hoạt động và được công khai để nhân dân giám sát.
25. Quỵ tắc ứng xử là chuẩn mực xử sự của viên chức trong thi hành nhiệm vụ, trong quan hệ xã hội do nhà nước ban hành, phù hợp với đặc thù công việc trong từng lĩnh vực hoạt động và được công khai để nhân dân giám sát.
26. Tuyển dụng
27. **Tuyển dụng là việc lựa chọn người có phẩm chất, trình độ và năng lực vào làm viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập.**
28. Tuyển dụng là việc lựa chọn người có phẩm chất, trình độ và năng lực vào làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập.
29. Tuyển dụng là việc lựa chọn người có phẩm chất, trình độ và năng lực.
30. Tuyển dụng là việc lựa chọn người có năng lực, phẩm chất và trình độ vào làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập.
31. Hợp đồng làm việc
32. Hợp đồng làm việc là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa viên chức với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về vị trí việc làm, tiền lương, chế độ đãi ngộ, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.
33. **Hợp đồng làm việc là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa viên chức hoặc người được tuyển dụng làm viên chức với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về vị trí việc làm, tiền lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.**
34. Hợp đồng làm việc là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa viên chức hoặc người được tuyển dụng với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về trí việc làm, tiền lương, chế độ đãi ngộ, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.
35. Hợp đồng làm việc là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa viên chức hoặc người được tuyển dụng làm viên chức với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về vị trí việc làm, tiền lương, chế độ đãi ngộ, điều kiện làm việc.
36. Hoạt động nghề nghiệp của viên chức
37. Hoạt động nghề nghiệp của viên chức là việc thực hiện công vỉệc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của luật này
38. **Hoạt động nghề nghiệp của viên chức là việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.**
39. Hoạt động nghề nghiệp của viên chức là việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan
40. Hoạt động nghề nghiệp của viên chức là việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập
41. Hoạt động nghề nghiệp của viên chức gồm mấy nguyên tắc
42. 1 nt
43. 2 nt
44. 3 nt
45. **4 nt**
46. Nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức
47. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và sự thống nhất quản lý của nhà nước
48. Bảo đảm quyền chủ động và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
49. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp. Tận tụy phục vụ nhân dân
50. **Cả 3 đáp án trên đều đúng**
51. Nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức
52. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử
53. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền và của nhân dân
54. Bảo đảm quyền chủ động và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
55. **Cảavàb.**
56. Có mấy nguyên tắc quản lý viên chức
57. 2nt
58. 3 nt
59. **4 nt**
60. 5 nt
61. Nguyên tắc quản lý viên chức
62. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá viên chức được thực hiện trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và căn cứ vào hợp đồng làm việc.
63. Thực hiện bỉnh đẳng giới, các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với viên chức là người có tài năng,người dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, viên chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước đối với viên chức.
64. **Cả a và b**
65. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
66. Vị trí việc làm là gì?
67. **Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.**
68. Vị trí việc làm là công việc gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.
69. Vị trí việc làm là công việc gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
70. Vị trí làm việc là công việc gắn với chức danh nghề nghiệp, lả căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.
71. Cơ quan nào quy định nguyên tắc, phương pháp xác định vị trí việc làm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định số lượng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.
72. **Chính phủ**
73. Nhà nước
74. Đảng Cộng Sản Việt Nam.
75. Chính phủ quy định
76. Chính phủ quy định phương pháp xác định vị trí việc làm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định số lượng, vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.
77. Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định vị trí việc làm, thẩm quyền, thủ tục quyết định số lượng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.
78. Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định vị trí việc làm, trình tự, thủ tục quyết định số lượng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.
79. **Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định vị trí việc làm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định số lượng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.**
80. Chức danh nghề nghiệp là gì?
81. **Chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp**
82. Chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của viên chức.
83. Chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của viên chức
84. Chức danh vụ của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập
85. Cơ quan nào quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghề nghiệp.
86. Bộ nội vụ chủ trì
87. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan.
88. Bộ giáo dục và đào tạo
89. **Cả a và b**
90. Đơn vị sự nghiệp công lập là gì?
91. Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước.
92. **Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chửc chính trị-xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước.**
93. Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công,
94. Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội thành lập, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước
95. Viên chức có mấy quyền về tiền lương và là những quyền nào?
96. 1 quyền
97. Được trả lương tương xứng với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý và kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi trong trường hợp làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, cùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm việc trong ngành nghề độc hại, nguy hiểm, lĩnh vực sự nghiệp đặc thù.
98. 2 quyền

l . Được trả lương tương xứng với vị trí việc lảm, chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý và kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp chính sách ưu đãi, trong trường hợp làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm việc trong ngành nghề độc hại, nguy hiểm, lĩnh vực sự nghiệp đặc thù.

1. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm công tác phí và chế độ khác theo quy định của pháp luật và quy chế cùa đơn vị sự nghiệp công ỉập.
2. **3 quyền**
3. **Được hưởng lương theo vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý và kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp chính sách ưu đãi, trong trường hợp làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm việc trong ngành nghề độc hại, nguy hiểm, lĩnh vực sự nghiệp đặc thù.**
4. **Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.**
5. **Được hưởng tiền thưởng, được xét nâng lương theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.**
6. Viên chức có mấy quyền về nghỉ ngơi và là những quyền nào?
7. 1 quyền
8. Được nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, nghỉ việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Do yêu cầu công việc, viên chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hằng năm thì được thanh toán một khoản tiền cho những ngày không nghỉ.
9. 2 quyền
10. Được nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, nghỉ việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Do yêu cầu công việc, viên chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hằng năm thì được thanh toán một khoản tiền cho số ngày không nghỉ.
11. Viên chức làm việc ở biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số hoặc trường hợp đặc biệt khác, nếu có yêu cầu, có thể gộp số ngày nghỉ phép của 2 năm để nghỉ 1 lần; nếu gộp số ngày nghỉ phép của 3 năm để nghỉ 1 lần thì phải được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
12. 3 quyền
13. Được nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, nghỉ việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Do yêu cầu công vỉệc, viền chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hằng năm thì được thanh toán một khoản tiền cho số ngày không nghỉ.
14. Viên chức làm việc ở biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số hoặc trường hợp đặc bỉệt khác; nếu có yêu cầu, được gộp sổ ngày nghỉ phép của 2 năm để nghỉ 1 lần; nếu gộp số ngày nghỉ phép của 3 năm để nghỉ 1 lần thì phải được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
15. Đối với lĩnh vực sự nghiệp đặc thù, viên chức được nghỉ việc và hưởng lương theo quy định của pháp luật.
16. **4 quyền**
17. **Được nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, nghỉ việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Do yêu cầu công việc, viên chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hằng năm thì được thanh toán một khoản tiền cho số ngày không nghỉ.**
18. **Viên chức làm việc ở biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiếu sổ hoặc trường hợp đặc biệt khác; nếu có yêu cầu, được gộp sổ ngày nghỉ phép của 2 năm đế nghỉ 1 lần; nếu gộp số ngày nghỉ phép của 3 năm để nghỉ 1 lần thì phải được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.**
19. **Đối với lĩnh vực sự nghiệp đặc thù, viên chức được nghỉ việc và hưởng lương theo quy định của pháp luật.**
20. **Được nghỉ không hưởng lương trong trường hợp có lý do chính đáng và được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.**
21. Trong điều 16 (mục 2 nghĩa vụ của viên chức) trong Luật Viên Chức quy định :Nghĩa vụ chung của viên chức gồm mấy nghĩa vụ?

A.4

**B.5**

C.6

D.7

1. Trong điều 17 (mục 2 nghĩa vụ của viên chức) trong luật viên chức quy định: Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp gồm mấy nghĩa vụ?

A.4

B.5

C.6

**D.7**

1. Trong điều 17 (mục 2 nghĩa vụ của viên chức) trong luật viên chức quy định. Khi phục vụ nhân dân, viên chức phải tuân thủ các quy định nào?
2. Có thái độ lịch sự, tôn trọng nhân dân. Chấp hành các quy định về đạo dức nghề nghiệp
3. Có tinh thần hợp tác, tác phong khiêm tốn
4. Không hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân
5. **Tất cả đáp án trên đều đúng**
6. Trong điều 18 (mục 2 nghĩa vụ của viên chức) trong luật viên chức quy định: Nghĩa vụ của viên chức quản lý gồm mấy nghĩa vụ?

A.4

**B.5**

C.6

D.7

1. Trong điều 19 (mục 2 nghĩa vụ của viên chức) trong luật viên chức quy định: Những việc viên chức không được làm gồm bao nhiêu việc ?

A.4

B.5

**C.6**

D.7

1. Trong điều 19 (mục 2 nghĩa vụ của viên chức) trong luật viên chức quy định: Những việc viên chức không được làm gồm?
2. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công
3. Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.
4. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.
5. **Tất cả 3 ý trên đều đúng**
6. Trong điều 19 (mục 2 nghĩa vụ của viên chức) trong luật viên chức quy định: Những việc viên chức không được làm gồm bao nhiêu việc ?
7. Lợi dụng nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội.
8. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp
9. Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của luật pháp có liên quan.
10. **Cả 3 đáp án trên đều đúng**
11. Điều 20 trong chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: Căn cứ tuyển dụng: Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu gì?
12. Nhu cầu công việc
13. Vị trí việc làm
14. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập.
15. **Cả 3 đáp án trên đều đúng.**
16. Điều 21 trong chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: Nguyên tắc tuyển dụng gồm mấy nguyên tắc:

**A. 5**

B.6

C.4

D.8

1. Điều 21 trong chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: Nguyên tắc tuyển dụng gồm những nguyên tắc nào?
2. Bảo đảm tính cạnh tranh
3. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng pháp luật.
4. Ưu tiên người có tài năng, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số
5. **Cả 3 đáp án đều đúng**
6. Điều 21 trong chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức - Luật Viên Chức quy định: Nguyên tắc tuyển dụng gồm những nguyên tắc nào ?
7. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.
8. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
9. **Cả 2 đáp án đều đúng**
10. Cả 2 đáp án đều sai
11. Điều 22 trong chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức - Luật Viên Chức quy định: Người có đủ điều kiện nào sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng kí dự tuyển viên chức.?
12. Người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam. Từ đủ 18 tuổi trở lên.
13. Có đơn đăng kí dự tuyển, có lí lịch rõ ràng.
14. Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kĩ năng phù họp với vị trí làm việc.
15. **Cả 3 đáp án trên đầu đúng.**
16. Điều 22 trong chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức - Luật Viên Chức quy định: Người có đủ điều kiện nào sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưõtng, tôn giáo được đăng kí dự tuyển viên chức.?
17. Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.
18. Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.
19. **Cả 2 đáp án đều đúng**
20. Cả 2 đáp án đều sai.
21. Điều 22 trong chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: Người không được đăng kí dự tuyển viên chức.?
22. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
23. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
24. Đang bị áp dụng biện pháp xử lí hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.
25. **Cả 3 đáp án trên đều đúng**
26. Điều 23 trong chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức - Luật Viên Chức quy định: Phương thức tuyển dụng viên chức là?
27. Thông qua thi tuyển
28. Thông qua xét tuyển
29. **Thông qua thi tuyển và xét tuyển**
30. Cả 3 đáp án đều sai.
31. Điều 24 trong chương III, Tuyển dụng, sử dựng viên chức- Luật Viên Chức quỵ định: Ai là người quy định chi tiết các nội dung liên quan đến tuyển dụng viên chức?
32. Nhà nước
33. Hiệu trưởng
34. Bộ giáo dục
35. **Chính phủ**
36. Điều 25 trong Hợp đồng làm việc của chương I1I Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: Có mấy loại hợp đồng làm việc?
    1. l
    2. 3
    3. **2.**
    4. 4
37. Điều 25 trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: Có mấy loại Hợp đồng làm việc?
38. **Hợp đồng làm việc xác định thời hạn và Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.**
39. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn
40. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn
41. Cả 3 đều sai
42. Điều 25: trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức - Luật Viên Chức quy định: hợp đồng làm việc xác định thời hạn là?
43. **Là hợp đồng mà trong đó 2 bên xác định thời hạn, thời điểm chẩm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng. Nó áp dụng đối vói người trúng tuyển vào viên chức, trừ trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 điều 58 của luật viên chức.**
44. Là hợp đồng mà trong đó 2 bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng. Nó không xác định thời hạn áp dụng đối với trường hợp đã thực hiện xong hợp đồng làm việc xác định thời hạn và trường hợp cán bộ, công chức chuyển ngành viên chức theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 điều 58 của luật viên chức.
45. Cả 2 đều đúng
46. Cả 2 đều sai
47. Điều 26: trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: hợp đồng làm việc gồm mấv nội dung?
48. **12**
49. 11
50. 14
51. 15
52. Điều 26: trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: hợp đồng làm việc gồm nhũng nội dung nào?
53. Tên, địa chỉ của đơn vị sự nghiệp công lập và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
54. Họ tên, địa chỉ, ngày, tháng, năm sinh của người được tuyển dụng
55. Công việc hoặc nhiệm vụ, vị trí việc làm và địa điểm làm việc.
56. Quyền và nghĩa vụ của các bên
57. **Tất cả đều đúng**
58. Điều 26: trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: hợp đồng làm việc gồm những nội dung nào dưới đây?
59. Loại hợp đồng, thời hạn và điều kiện chấm dứt hợp đồng làm việc.
60. Tiền lương, tiền thưởng và chế độ đãi ngộ khác; thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi.
61. Chế độ tập sự; điều kiện làm việc và các vấn đề liên quan đến bảo hộ lao động.
62. Bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; các cam kết khác gắn với tính chất, đặc điểm của ngành, lĩnh vực và điều kiện đặc thù của đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không trái quy định của luật này.
63. **Cả 4 đáp án đều đúng**
64. Điều 26: trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức - Luật Viên Chức quy định: Hình thức của hợp đồng làm việc là?
65. **Văn bản**
66. Công văn
67. Báo cáo
68. Cả 3 đều sai
69. Điều 27: trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định: chế độ tập sự được quy định trong thời gian bao lâu?
70. Từ 2 tháng đến 12 tháng
71. **Từ 3 tháng đến 12 tháng**
72. Từ 4 tháng đến 12 tháng
73. Từ 6 tháng đến 12 tháng.
74. Điều 27: trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức - Luật Viên Chức quy định: Ai là người quy định chi tiết chế độ tập sự?
75. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
76. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước
77. **Chính phủ**
78. Sở nội vụ
79. Điều 28: trong Hợp đồng làm việc của chương III Tuyển dụng, sử dụng viên chức- Luật Viên Chức quy định:trong quá trình làm việc, nếu 1 bên có yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng làm việc thì phải báo cho bên kia biết trước bao nhiêu thời gian?
80. **3 ngày**
81. 6 ngày
82. 12 ngày
83. 60 ngày
84. Viên chức không phải thực hiện chế độ tập sự nếu đã có thời gian làm từ bao lâu?
85. 12 tháng trở lên
86. 36 tháng trở lên
87. **Từ đủ 12 tháng trở lên**
88. Từ đủ 36 tháng trở lên
89. Điều 27 về Chế độ tập sự có mấy nguyên tắc?
90. 1 nguyên tắc
91. 2 nguyên tắc
92. **3nguyên tắc**
93. 4 nguyên tắc
94. Đối với hợp đồng xác định thời hạn thì trước khi hết hạn hợp đồng bao nhiêu ngày thì người đúng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định kí kết tiếp hoặc chấm dứt.
95. 30 ngày
96. **60 ngày**
97. 36 ngày
98. 24 ngày
99. Theo Điều 29: Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc.

Đơn vị sự nghiệp công lập được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức bị ốm đau trong thời hạn là bao lâu?

1. **12 tháng liên tục với hợp đồng không xác định thời hạn, 6 tháng liên tục đối với hợp đồng xác định thời hạn.**
2. 36 tháng liên tục với hợp đồng không xác định thời hạn, 12 tháng liên tục với hợp đồng xác định thời hạn.
3. Khoảng 12 tháng với hợp đồng không xác định thời hạn, khoảng 6 tháng đối với hợp đồngxác định thời hạn.
4. Khoảng 36 tháng với hợp đồng không xác định thời hạn, khoảng 12 tháng với hợp đồng xác định thời hạn.
5. Theo Điều 29: Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc quy định: Viên chức có mấy năm liên tiếp bị phân loại đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ thì bị đơn phương chấm dứt hợp đồng.
6. 1 năm
7. **2 năm**
8. 3 năm
9. 4 năm
10. Theo Điều 29: Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc quy định: Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 điều này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải báo cho viên chức biết trước bao nhiêu ngày khi đơn phương chấm dút hợp đồng làm việc?
11. 45 ngày đối với hợp đồng không xác địnhthời hạn, 30 ngày đối với hợp đồng xác định thời hạn.
12. **ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn, ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng xác định thời hạn.**
13. 60 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn, 30 ngày đối với hợp đồng xác định thời hạn.
14. Ít nhất 60 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn, ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng xác định thời hạn
15. Theo Điều 29: Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc quy định: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập không được đơn phương chấm dứt hợp đồng với viên chức nữ đang có thai và nuôi con bao nhiêu tháng tuổi.
16. Dưới 18 tháng tuổi
17. Dưới 24 tháng tuổi
18. **Dưới 36 tháng tuổi**
19. Dưới 12 tháng tuổi
20. Theo Điều 29: Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việcquy định: Viên chức làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc nhưng phải thông báo bằng văn bản với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước bao nhiêu ngày?
21. 60 ngày
22. ít nhất 60 ngày
23. 45 ngày
24. **ít nhất 45 ngày.**
25. Trường hợp viên chức bị ốm đau, bị tai nạn đã điều trị 6 tháng liên tục thì phải báo trước bao nhiêu ngày.
26. 30 ngày
27. 6 ngày
28. 3 ngày
29. **ít nhất 3 ngày**
30. Theo Điều 29: Đơn phương chấm dứt hơp đồng làm việcquy định: Viên chức làm việc theo hợp đồng xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bị tai nạn, khi bị ốm đau đã điều trị bao nhiêu tháng ?
31. ít nhất 3 tháng
32. ít nhất 6 tháng
33. **từ 3 tháng**
34. từ 6 tháng.
35. Theo Điều 29: “Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định: Viên chức phải báo bằng văn bản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc cho: người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước bao nhiêu ngày đối với các khoản a, b, c, d, e khoản 5 điều này?
36. Từ 3 ngày
37. **Ít nhất 3 ngày**
38. Từ 6 ngày
39. Ít nhất 6 ngày
40. Đối với điểm d khoản 5 Điều này
41. Từ 45 ngày
42. ít nhất 45 ngày
43. Từ 30 ngày
44. **ít nhất 30 ngày**
45. Thời hạn biệt phái không quá bao nhiêu năm?
46. **3 năm**
47. 6 năm
48. 1 năm
49. 2 năm
50. Không biệt phái viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới bao nhiêu tháng tuổi?
51. 12 tháng
52. 18 tháng
53. 24 tháng
54. **36 tháng.**
55. Điều 36: Biệt phái viên chức có mấy khoản?
56. 4 khoản
57. 5 khoản
58. 6 khoản
59. **7 khoản.**
60. Điều 37: Bổ nhiệm viên chức quản lý có bao nhiêukhoản:
61. 4 khoản
62. 5 khoản
63. **6 khoản**
64. 7 khoản
65. Việc bổ nhiệm viên chức quản lý phải căn cứ vào đâu?
66. Việc bổ nhiệm viên chức quản lý phải căn cứ vào nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập, tiêu chuẩn, điều kiện của chức vụ quản lý và theo đúng thẩm quyền.
67. **Việc bổ nhiệm viên chức quản lý phải căn cứ vào nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập, tiêu chuẩn, điều kiện của chức vụ quản lý và theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.**
68. Việc bổ nhiệm viên chức quản lý phải căn cứ vào nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập, điều kiện của chức vụ quản lý và theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.
69. Việc bổ nhiệm viên chức quản lý phải căn cứ vào nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập, tiêu chuẩn, điều kiện và theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.
70. Viên chức giữ chức vụ quản lý có thời hạn bao nhiêu năm
71. 5 năm
72. **Không quá 5 năm**
73. 3 năm
74. Không quá 3 năm
75. Cơ quan nào quy định chi tiết bổ nhiệm viên chức quản lý
76. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
77. **Chính phủ**
78. Cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập
79. Cấp có thẩm quyền
80. Điều 33: chế độ đào tạo, bồi dưỡng viên chức quy định: Hình thức đào tạo, bồi dưỡng viên chức gồm:
81. Đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ quản lý.
82. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
83. Bồi dưỡng nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ hoạt động nghề nghiệp.
84. **Cả 3 đáp án đều đúng**
85. Điều 33: chế độ đào tạo, bồi dưỡng viên chức quy định: Cơ quan nào được giao quản lý nhà nước về các lĩnh vực hoạt động của viên chức quy định chi tiết về nội dung, chương trình, hình thức, thời gian đào tạo, bồi dưỡng viên chức làm việc trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý.
86. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
87. **Các bộ, cơ quan ngang bộ**
88. Cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập
89. Cấp có thẩm quyền
90. Điều 34: quy định đơn vị nào có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng viên chức ?
91. Đơn vị ngoài công lập
92. **Đơn vị sự nghiệp công lập**
93. Đơn vị công lập
94. Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập
95. Điều 35: trách nhiệm và quyền lợi của viên chức trong đào tạo, bồi dưỡng quy định: “Viên chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng được hưởng tiền lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập; thời gian đào tạo, bồi dưỡng được tính là thời gian công tác liên tục, được xét nâng lương” điều này đúng hay sai?
96. **Đúng**
97. Sai
98. Điều 36 Biệt phái viên chức quy định: Biệt phái viên chức là gì?
99. Biệt phái viên chức là việc viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập này được cử đi làm việc tại cơ quan tổ chức, đơn vị khác.
100. **Biệt phái viên chức là việc viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập này được cử đi làm việc tại cơ quan tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu, nhiệm vụ trong một thời hạn nhất định.**
101. Biệt phái viên chức là việc viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập này được cử đi làm việc tại cơ quan tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu của hiệu trưởng.
102. Cả 3 đều đúng
103. Điều 36: Biệt phái viên chức quy định: Ai là người quết định việc biệt phái viên chức ?
104. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
105. Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp cộng lập.
106. Cả 2 đều sai
107. **Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.**
108. Điều 38: Xin thôi giữ chức vụ quản lí hoặc miễn nhiệm đối với viên chức quản lý quy định: Viên chức quản lí có thể xin thôi giữ chức vụ quản lí hoặc được miễn nhiệm nếu thuộc trường hợp nào?
109. Không đủ sức khỏe
110. Không đủ năng lực, uy tín
111. Theo yêu cầu nhiệm vụ
112. Vì lý do khác
113. **Tất cả đều đúng**
114. Điều 39: Mục đích đánh giá viên chức quy định:
115. Mục đích của đánh giá viên chức để làm căn cứ tiếp tục bố trí, sử dụng viện chức.
116. Mục đích của đánh giá viên chức để làm căn cứ tiếp tục bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm viên chức.
117. Mục đích của đánh giá viên chức để làm căn cứ tiếp tục bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng viên chức.
118. **Mục đích của đánh giá viên chức để làm căn cứ tiếp tục bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức.**
119. Điều 40: Căn cứ đánh giá viên chức quy định: Việc đánh giá viên chức được thực hiện dựa trên căn cứ nào?
120. Các cam kết trong hợp đồng làm việc đã ký kết.
121. Quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của viên chức.
122. **Cả 2 đều đúng**
123. Cả 2 đều sai
124. Điều 41: nội dung đánh giá viên chức quy định: Việc đánh giá viên chức được xem xét theo nội dung nào?
125. Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết.
126. Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp.
127. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức.
128. Việc thực hiện các nghĩa vụ khác của viên chức
129. **Cả 4 đáp án đều đúng**
130. Việc đánh giá viên chức được thực hiện khi nào?
131. Hàng năm
132. Khi kết thúc thời gian tập sự; trước khi ký kết hợp đồng làm việc; thay đổi vị trí việc làm
133. **Hàng năm; khi kết thúc thời gian tập sự; trước khi ký kết hợp đồng làm việc; thay đổi vị trí việc làm; khi xét khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm lại, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng**
134. Khi xét khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm lại, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng.
135. Điều 42: Phân loại đánh giá viên chức quy định: Hằng năm, căn cứ vào nội dung đánh giá, viên chức được phân thành mấy loại?
136. 3
137. **4`**
138. 5
139. 6
140. Điều 42: Phân loại đánh giá viên chức quy định: Hằng năm, căn cứ vào nội dung đánh giá, viên chức được phân thành những loại nào?
141. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
142. Hoàn thành tốt nhiệm vụ
143. Hoàn thành nhiệm vụ
144. Không hoàn thành nhiệm vụ
145. **Tất cả đều đúng.**
146. Điều 43: quy định trách nhiệm đánh giá viên chức thuộc thẩm quyền quản lý thuộc về ai?
147. Chính phủ
148. Bộ giáo dục
149. Đơn vị công lập
150. **Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập**
151. Điều 43 quy định chi tiết trình tự thủ tục đánh giá viên chức do cơ quan nào?
152. **Chính phủ**
153. Bộ giáo dục
154. Đơn vị công lập
155. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
156. Điều 44: thông báo kết quả đánh giá, phân loại viên chức quy định.
157. Nội dung đánh giá viên chức phải được thông báo cho viên chức.
158. Kết quả phân loại viên chức được công khai trong đơn vị sự nghiệp công lập.
159. Nếu không nhất trí với kết quả đánh giá và phân loại thì viên chức được quyền khiếu nại lên cấp cóthẩm quyền.
160. **Cả 3 đáp án trên đều đúng**
161. Điều 45: chế độ thôi việc quy định: Khi chấm dứt hợp đồng làm việc, viên chức được?
162. Hưởng trợ cấp thôi việc
163. Trợ cấp mất việc làm
164. Chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội.
165. **Cả 3 đều đúng**
166. Điều 45: chế độ thôi việc quy định: Viên chức không được hưởng trợ cấp thôi việc nếu thuộc trường hợp nào sau đây?
167. Bị buộc thôi việc
168. Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc mà vi phạm quy định tại các khoản 4,5 và 6 Điều 29 của luật này.
169. Chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Luật này.
170. **Cả 3 đều đúng**
171. Điều 46: Chế độ hưu trí quy định: Viên chức được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của?
172. Pháp luật về lao động
173. Pháp luật về bảo hiểm xã hội
174. **Pháp luật về lao động và Pháp luật về bảo hiểm xã hội**
175. Hội đồng nhà trường
176. Điều 46: Chế độ hưu trí quy định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu trước?
177. **6 tháng**
178. 4 tháng
179. 2 tháng
180. 5 tháng
181. Điều 46: Chế độ hưu trí quy định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu trước?
182. **3 tháng**
183. 4 tháng
184. 2 tháng
185. 5 tháng
186. Điều 47: Quản lý nhà nước về viên chức quy định cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về viên chức là?
187. Nhà nước
188. Đơn vị sự nghiệp công lập
189. **Chính phủ**
190. Cả 3 đều đúng
191. Điều 48: Quản lý viên chức quy định nội dung quản lý viên chức bao gồm mấy nội dung?
192. 7
193. 8
194. **9**
195. 10
196. Điều 48: Quản lýviên chức quy định nội dung quản lý viên chức bao gồm nội dung nào?
197. Xây dụng vị trí việc làm; bổ nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp.
198. Tuyển dụng viên chức; Kí hợp đồng làm việc
199. Thay đổi vị trí việc làm, biệt phái, chấm dứt hợp đồng làm việc, giải quyết chế độ thôi việc.
200. **Cả 3 đều đứng**
201. Điều 48: Quản lý viên chức quy định nội dung quản lý viên chức bao gồm nội dung nào?
202. Bổ nhiệm, miễn nhiệm viên chức quản lý, sắp xếp, bố trí và sử dụng viên chức theo nhu cầu công việc.
203. Thực hiện việc đánh giá, khen thưởng, kỷ luật viên chức
204. Thực hiện chế độ tiền lương, các chính sách đãi ngộ, chế độ đào tạo, bồi dưỡng viên chức
205. Lập, quản lý hồ sơ viên chức; thực hiện chế độ báo cáo về quản lý viên chức thuộc phạm vi quản lý.
206. **Cả 4 đều đúng**
207. Điều 48: cơ quan quyđịnh quản lý viên chức là?
208. Bộ giáo dục và đào tạo
209. Đơn vị sự nghiệp công lập
210. **Chính phủ**
211. Nhà nước
212. Điều 50: Kiểm tra, thanh tra?
213. Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập, thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý.
214. Bộ Nội vụ thanh tra việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
215. Các bộ, cơ quan ngang bộ, thanh tra việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp của viên chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý.
216. **Cả 3 đều đúng.**
217. Điều 51: Khen thưởng quy định:
218. Viên chức có công trạng, thành tích và cống hiến trong công tác, hoạt động nghề nghiệp thì được khen thưởng, tôn vinh theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.
219. Viên chức được khen thưởng do có công trạng, thành tích đặc biệt được xét nâng lương trước thời

hạn nâng lương vượt bậc theo quy định của Chính Phủ.

1. Viên chức hoàn thành tốt các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập giao phó.
2. **a vàb đúng.**
3. Điều 52: Các hình thức kỷ luật đối với viên chức quy định: Viên chức vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải chịu 1 trong các hình thức kỷ luật nào sau đây?
4. Khiển trách
5. Cảnh cáo
6. Cách chức
7. Buộc thôi viêc
8. **Cả 4 đáp án đều đúng.**
9. Điều 52: Các hình thức kỷ luật đối với viên chức quy định: Hình thức kỷ luật cách chức chỉ áp dụng đối với.
10. Viên chức
11. Cán bộ
12. **Viên chức quản lý**
13. Cả 3 đều sai.
14. Điều 52: Các hình thức kỷ luật đối với viên chức quy định: Quyết định kỷ luật được lưu vào hồ sơ viên chức đúng hay saỉ?
15. **Đúng**
16. Sai
17. Điều 52: Các hình thức kỷ luật đổi với viên chức quy định: Cơ quan nào quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với viên chức?
18. Đơn vị sự nghiệp công lập
19. Bộ giáo dục và đào tạo
20. **Chính phủ**
21. Các bộ, cơ quan ngang bộ
22. Điều 53: Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật quy định: Thời hiệu xử lý kỷ luật kể từ thời điểm có hành vì vi phạm là?
23. 12 tháng
24. **24 tháng**
25. 36 tháng
26. 6 tháng
27. Điều 53: Thời hiệu, thời hạn xừ lý kỷ luật quy định: Thời hạn xử lý kỷ luật không quá?
28. 1 tháng
29. Không quá 1 tháng
30. 2 tháng
31. **Không quá 2 tháng**
32. Điều 53: Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật quy định: Trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá?
33. 2 tháng
34. 3 tháng
35. **4 tháng**
36. 5 tháng
37. Điều 53: Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật quy định: Kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và tài liệu có liên quan cho đơn vị quản lý viên chức để xem xét xử lý kỷ luật trong thời hạn bao lâu?
38. 1 ngày
39. 2 ngày
40. **3 ngày**
41. 4 ngày
42. Điều 54: tạm đình chỉ công tác quy định: trong thời hạn xử lý kỷ luật ai là người quyết định tạm đình chỉ công tác của viên chức nếu thấy viên chức tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật?
43. Chính phủ
44. **Người đúng đầu đơn vị sự nghiệp công lập**
45. Đơn vị sự nghiệp công lập.
46. Bộ giáo dục và đào tạo
47. Điều 54: tạm đình chỉ công tác quy định: Thời hạn tạm đình chỉ công tác là?
48. Không quá 5 ngày
49. Không quá 10 ngày
50. **Không quá 15 ngày**
51. Không quá 20 ngày
52. Điều 54: tạm đình chỉ công tác quy định thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng không quá?
53. 20 ngày
54. 25 ngày
55. **30 ngày**
56. 40 ngày
57. Điều 54: tạm đình chỉ công tác quy định: Hểt thời gian tạm đình chỉ công tác, nếu viên chức không bị xử lý kỷ luật thì được?
58. **Bổ nhiệm vào vị trí việc làm cũ**
59. Bổ nhiệm vào vị trí việc làm khác
60. Chấm dứt hợp đồng làm việc
61. Cả 3 đều sai
62. Điều 54: tạm đình chỉ công tác quy định: Trong thời gian tạm đình chỉ công tác, viên chức được hưởng lương theoquy định của Chính phủ điều này đúng hay sai?
63. **Đúng**
64. Sai
65. Điều 55: trách nhiệm bồi thường, hoàn trả quy định: Cơ quan nào quy định chi tiết việc xác định mức hoàn trả của viên chức là?
66. Bộ giáo dục và đào tạo
67. Nhà nước
68. Pháp luật
69. **Chính phủ**
70. Điều 56: Các quy định khác liên quan đến kỉ luật viên chức: Viên chức bị khiển trách thì thời hạn nâng lương bị kéo dài?
71. 1 tháng
72. 2 tháng
73. **3 tháng**
74. 4 tháng
75. Điều 56: Các quy định khác lỉên quan đến kỷ luật viên chức: Viên chức bị cảnh cáo thì thời hạn nâng lương bị kéo dài?
76. 3 tháng
77. **6 tháng**
78. 5 tháng
79. 4 tháng
80. Điều 56: Các quy định khác liên quan đến kỷ luật viên chức: Trường hợp viên chức bị cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài đồng thời đơn vị sự nghệp công lập bố trí việc làm khác phù hơp?
81. 3 tháng
82. 6 tháng
83. **12 tháng**
84. 24 tháng
85. Điều 56: Các quy định khác liên quan đến kỷ luật viên chức: viên chức bị kỷ luật từ khiển trách đến cách chức thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm trong thời hạn bao nhiêu kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực?
86. 3 tháng
87. 6 tháng
88. **12 tháng**
89. 24 tháng
90. Điều 56: Các quy định khác liên quan đến kỉ luật viên chức: “viên chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được bổ nhiệm, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết nghỉ hưu hoặc thôi việc” đúng hay sai?
91. **Đúng**
92. Sai
93. Điều 58: Chuyển đổi giữa viên chức và cán bộ, công chức: Việc Chuyển đổi giữa viên chức và cán bộ, công chức được thực hiện theo mấy nội dụng?
94. 3
95. 4
96. 5
97. **6**
98. Điều 58: Chuyển đổi giữa viên chức và cán bộ, công chức: Cơ quan nào quy định việc Chuyển đổi giữa viên chức và cán bộ, công chức?
99. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
100. **Chính phủ**
101. Nhà nước
102. Các bộ, cơ quan ngang bộ
103. Điều 59: Quy định chuyển tiếp: “Viên chức được tuyển dụng trước ngày 1/7/2003 có các quyền, nghĩa vụ và được quản lý như viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn theo quy định của luật này.” Điều này đúng hay sai?
104. **Đúng**
105. Sai
106. Điều 61: Hiệu lực thi hành: Luật viên chức có hiệu lực thi hành từ ngày?
107. 1/1/2010
108. 1/1/2011
109. **1/1/2012**
110. 1/1/2013
111. Luật viên chức được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kì họp thứ 8 thông qua ngày?
112. 15/9/2010
113. **15/11/2010**
114. 15/10/2010
115. 15/12/2010
116. Luật Viên chức gồm bao nhiêu chương, bao nhiêu điều?
117. 6 chương, 60 điều
118. 7 chương, 62 điều,
119. **6 chương, 62 điều**
120. 7 chương, 70 điều
121. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Cơquannàoquyđịnhchitiếttiêuchíphânloạiđơnvịsựnghiệpcônglập,đốivớitừnglĩnhvựcsựnghiệp?
122. Bộnộivụ
123. Quốchội
124. Cơquanngangbộ
125. **Chínhphủ**
126. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Nộidungởphươngánnàosauđâylà

đúng?

1. Việcchuyểnđổiđơnvịsựnghiệpsangmôhìnhdoanhnghiệp,trừmộtsốđơnvịsựnghiệptronglĩnhvựcytế
2. **Việcchuyểnđổiđơnvịsựnghiệpsangmôhìnhdoanhnghiệp,trừđơnvịsựnghiệptronglĩnhvựcgiáodục**
3. Chếđộquảnlýđốivớiđơnvịsựnghiệpcônglậptheonguyêntắcbảotựchủtàichính
4. Tấtcảcácphươngánđềuđúng
5. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Nộidungởphươngánnàosauđâylà đúng? Việcchuyểnđổiđơnvịsựnghiệpsangmôhìnhdoanhnghiệp,trừmộtsốđơnvịsựnghiệptronglĩnhvựcytế
6. **ChếđộquảnlýđốivớiđơnvịsựnghiệpcônglậpTheo nguyêntắcbảođảmtinhgọn,hiệuquả**
7. Chếđộquảnlýđốivớiđơnvịsựnghiệpcônglậptheonguyêntắcbảotựchủtàichính
8. Tấtcảcácphươngánđềuđúng
9. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Nộidungởphươngánnàosauđâylàsai?
10. **Việcchuyểnđổiđơnvịsựnghiệpsangmôhìnhdoanhnghiệp,trừmộtsốđơnvịsựnghiệptronglĩnhvựcytế**
11. Chếđộquảnlýđốivớiđơnvịsựnghiệpcônglậptheonguyêntắcbảođảmtinhgọn,hiệuquả
12. Việcchuyểnđổiđơnvịsựnghiệpsangmôhìnhdoanhnghiệp,trừđơnvịsựnghiệptronglĩnhvựcytế
13. Tấtcảcácphươngánđềuđúng
14. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Nộidungởphươngánnàosauđâylàsai?
15. **ChếđộquảnlýđốivớiđơnvịsựnghiệpcônglậpTheo nguyêntắcbảotựchủtàichính**
16. Chếđộquảnlýđốivớiđơnvịsựnghiệpcônglậptheonguyêntắcbảođảmtinhgọn,hiệuquả
17. Việcchuyểnđổiđơnvịsựnghiệpsangmôhìnhdoanhnghiệp,trừđơnvịsựnghiệptronglĩnhvựcytếvàgiáodục
18. Tấtcảcácphươngánđềuđúng
19. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Nộidungởphươngánnàosauđâylà

đúng?

1. Chínhphủquyđịnhchitiếttiêuchíphânloạiđơnvịsựnghiệpcônglập,đốivớitừnglĩnhvựcsựnghiệp
2. Chếđộquảnlýđốivớiđơnvịsựnghiệpcônglậptheonguyêntắcbảođảmtinhgọn,hiệuquả
3. Việcchuyểnđổiđơnvịsựnghiệpsangmôhìnhdoanhnghiệp,trừđơnvịsựnghiệptronglĩnhvựcytếvàgiáodục
4. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng**
5. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Cơquannàoquyđịnhchitiếtcácloạihợpđồnglàmviệc?
6. **Chínhphủ**
7. Nhànước
8. Bộnộivụ
9. BộLaođộngThươngbinhvàXãhội
10. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Cóbaonhiêutrườnghợplàđốitượnghợpđồngkhôngxácđịnhthờihạntừ01/7/2020(*hưởng“viênchứcsuốtđời”*)?
11. **03trườnghợp**
12. 04trườnghợp
13. 05trườnghợp
14. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Đốivớihợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạn,trướckhihếthạnhợpđồnglàmviệcbaonhiêungày,ngườiđứngđầuđơnvịsựnghiệpcônglậpkýkếttiếphoặcchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức?
15. 30ngày
16. 45ngày
17. 15ngày
18. **60ngày**
19. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Đốivớihợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạn,trướckhihếthạnhợpđồnglàmviệc60ngày,Ailàngườikýkếttiếphoặcchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức?
20. GiámđốcSởnộivụ
21. GiámđốcSởquảnlýViênchức
22. ChủtịchUỷbannhândâncấptỉnh,huyện
23. **Ngườiđứngđầuđơnvịsựnghiệpcônglập**
24. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Đốivớihợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạn,trướckhihếthạnhợpđồnglàmviệc60ngày,ngườiđứngđầuđơnvịsựnghiệpcônglậpxửlýhợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạnvớiViênchứcnhưthếnào?
25. Kýkếttiếphợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạnvớiviênchức(1)
26. Chấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức(2)
27. **Phươngán(1)hoặc(2)**
28. KýhợpđồngkhôngxácđịnhthờihạnlàmviệcvớiViênchức
29. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Cóbaonhiêutrườnghợpđơnvịsựnghiệpcônglậpđượcđơnphươngchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức
30. 3trườnghợp
31. 4trườnghợp
32. 5trườnghợp
33. **6trườnghợp**
34. TheoLuậtViênchức2010.Cóbaonhiêutrườnghợpđơnvịsựnghiệpcônglậpđượcđơnphươngchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức?
35. 3trườnghợp
36. 4trườnghợp
37. **5trườnghợp**
38. 6trườnghợp
39. TheoLuậtViênchức2010thìLuậtViênchứcsửađổi2019bổsungthêmbaonhiêutrườnghợpđơnvịsựnghiệpcônglậpđượcđơnphươngchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức?
40. 2trườnghợp
41. 3trườnghợp
42. 4trườnghợp
43. **1trườnghợp**
44. TheoLuậtViênchức2010thìLuậtViênchứcsửađổi2019bổsungthêmtrườnghợpnàosauđâyđơnvịsựnghiệpcônglậpđượcđơnphươngchấmdứthợp
45. Có02nămliêntiếpbịxếploạichấtlượngởmứcđộkhônghoànthànhnhiệmvụ;
46. Bịbuộcthôiviệc
47. Bịốmđauđãđiềutrị12thángliêntục*(làmviệctheohợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạn);*Bịốmđauđãđiềutrị06thángliêntụcmàkhảnănglàmviệcchưahồiphục(*làmviệctheohợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạn*)
48. Dothiêntai,hỏahoạnhoặcnhữnglýdobấtkhảkhángkháctheoquyđịnhcủaChínhphủlàmchođơnvịsựnghiệpcônglậpbuộcphảithuhẹpquymô,khiếnvịtríviệclàmmàviênchứcđangđảmnhậnkhôngcòn;
49. Khiđơnvịsựnghiệpcônglậpchấmdứthoạtđộngtheoquyếtđịnhcủacơquancóthẩmquyền.
50. **Viênchứckhôngđạtyêucầusauthờigiantậpsự**
51. TheoLuậtViênchức2019.Trườnghợpnàosauđâyđơnvịsựnghiệpcônglậpđượcđơnphươngchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức?

**A.Có02nămliêntiếpbịxếploạichấtlượngởmứcđộkhônghoànthànhnhiệmvụ**

1. Có02nămbịxếploạichấtlượngởmứcđộkhônghoànthànhnhiệmvụ
2. Có03nămkhôngliêntiếpbịxếploạichấtlượngởmứcđộkhônghoànthànhnhiệmvụ
3. Khôngcóphươngánnàođúng
4. TheoLuậtViênchức2019.Viênchứckhôngđạtyêucầusauthờigiantậpsựthìđơnvịsựnghiệpcônglậpđượcđơnphươngchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức,nộidungnàyđượcthểhiệnởtheoLuậtnào?
5. **LuậtViênchứcsửađổi2019**
6. LuậtViênchức2010
7. BộLuậtLaođộng2019
8. Tấtcảcácphươngán
9. TheoLuậtViênchức2019.TrườnghợpViênchứcbịốmđauđãđiềutrị06thángliêntụcmàkhảnănglàmviệcchưahồiphụcthìđơnvịsựnghiệpcônglậpđượcđơnphươngchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchức,trườnghợpnàyápdụngcholoạihợpđồngnào?
10. Hợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạn
11. **Hợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạn**
12. Tấtcảcácphươngán
13. **Theo** LuậtViênchứcsửađổinăm2019.CơquannàoquyđịnhchitiếtNộidung

đánhgiáViênchức?

1. Bộnộivụ
2. **Chínhphủ**
3. Cơquanngangbộ
4. NgườiđứngđầucơquanquảnlýViênchức
5. **Theo** LuậtViênchứcsửađổinăm2019.AilàngườibanhànhquychếđánhgiáViênchứccủacơquan,tổchức,đơnvịmình?

A.Ngườiđứngđầucơquancóthẩmquyềnquảnlýviênchức(1)

B.GiámđốcSởnộivụ

**C.Phươngán(1)hoặc(2)**

D.Ngườiđứngđầucơquan,tổchứctrựctiếpsửdụngviênchức(2)

1. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.CóbaonhiêunộidungđánhgiáViênchứckhôngquảnlý?
2. 6nội dung
3. 7nộidung
4. 8nộidung
5. **5nộidung**
6. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.CóbaonhiêunộidungđánhgiáViênchứcquảnlý?
7. **7nội dung**
8. 8nộidung
9. 6nộidung
10. 5nộidung
11. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.NgoàinhữngnộidungđánhgiáViênchứckhôngquảnlýthìcòncóbaonhiêunộidungđánhgiáViênchứcquảnlý?
12. **2nội dung**
13. 3nộidung
14. 4nộidung
15. 5nộidung
16. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.NộidungởphươngánnàosauđâykhôngphảilànộidungđánhgiácủaViênchứckhôngquảnlý?
17. Chấphànhđườnglối,chủtrương,chínhsáchcủaĐảngvàphápluậtcủaNhànước,quyđịnhcủacơquan,tổchức,đơnvị
18. Việcthựchiệnquyđịnhvềđạođứcnghềnghiệp
19. Tinhthầntráchnhiệm,tháiđộphụcvụnhândân,tinhthầnhợptácvớiđồngnghiệpvàviệcthựchiệnquytắcứngxửcủaviênchức
20. **Khôngcóphươngánnàođúng**
21. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.NộidungởphươngánnàosauđâykhôngphảilànộidungđánhgiácủaViênchứckhôngquảnlý?
22. Kếtquảthựchiệncôngviệchoặcnhiệmvụtheohợpđồnglàmviệcđãkýkết,theokếhoạchđềrahoặctheocôngviệccụthểđượcgiao;tiếnđộ,chấtlượngthựchiệnnhiệmvụ.Việcđánhgiákếtquảthựchiệnnhiệmvụphảigắnvớivịtríviệclàm,thểhiệnthôngquacôngviệc,sảnphẩmcụthể
23. Việcthựchiệncácnghĩavụkháccủaviênchức
24. Tinhthầntráchnhiệm,tháiđộphụcvụnhândân,tinhthầnhợptácvớiđồngnghiệpvàviệcthựchiệnquytắcứngxửcủaviênchức
25. **Khôngcóphươngánnàođúng**
26. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.NộidungởphươngánnàosauđâylànộidungđánhgiácủaViênchứckhôngquảnlý?
27. Việcthựchiệnquyđịnhvềđạođứcnghềnghiệp;
28. Tinhthầntráchnhiệm,tháiđộphụcvụnhândân,tinhthầnhợptácvớiđồngnghiệpvàviệcthựchiệnquytắcứngxửcủaviênchức;
29. Việcthựchiệncácnghĩavụkháccủaviênchức.
30. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng**
31. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.NộidungởphươngánnàosauđâylànộidungđánhgiácủaViênchứckhôngquảnlý?
32. Chấphànhđườnglối,chủtrương,chínhsáchcủaĐảngvàphápluậtcủaNhànước,quyđịnhcủacơquan,tổchức,đơnvị
33. Kếtquảthựchiệncôngviệchoặcnhiệmvụtheohợpđồnglàmviệcđãkýkết,theokếhoạchđềrahoặctheocôngviệccụthểđượcgiao;tiếnđộ,chấtlượngthựchiệnnhiệmvụ.Việcđánhgiákếtquảthựchiệnnhiệmvụphảigắnvớivịtríviệclàm,thểhiệnthôngquacôngviệc,sảnphẩmcụthể
34. Việcthựchiệnquyđịnhvềđạođứcnghềnghiệp
35. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng**
36. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.NộidungởphươngánnàosauđâylànộidungđánhgiácủaViênchứckhôngquảnlývàViênchứcquảnlý?
37. Kếtquảthựchiệncôngviệchoặcnhiệmvụtheohợpđồnglàmviệcđãkýkết,theokếhoạchđềrahoặctheocôngviệccụthểđượcgiao;tiếnđộ,chấtlượngthựchiệnnhiệmvụ.Việcđánhgiákếtquảthựchiệnnhiệmvụphảigắnvớivịtríviệclàm,thểhiệnthôngquacôngviệc,sảnphẩmcụthể
38. Việcthựchiệnquyđịnhvềđạođứcnghềnghiệp
39. Tinhthầntráchnhiệm,tháiđộphụcvụnhândân,tinhthầnhợptácvớiđồngnghiệpvàviệcthựchiệnquytắcứngxửcủaviênchức
40. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng**
41. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Nộidungởphươngánnàosauđâycónộidungkhôngđúng?
42. **MộttrongnhữngnộidungđánhgiácủaViênchứckhôngquảnlýlàmứcxếploạichấtlượngcủacánhânkhôngcaohơnmứcxếploạichấtlượngcủacơquan,tổchức,đơnvịtrựctiếpphụtrách.**
43. MộttrongnhữngnộidungđánhgiácủaViênchứcquảnlýlàmứcxếploạichấtlượngcủacánhânkhôngcaohơnmứcxếploạichấtlượngcủacơquan,tổchức,đơnvịtrựctiếpphụtrách.
44. Nănglựcquảnlý,điềuhànhvàtổchứcthựchiệnnhiệmvụlàmộttrongnhữngnộidungđánhgiácủaViênchứcquảnlý.
45. Khôngcóphươngánnàođúng
46. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.NộidungđánhgiáViênchức“Việcthựchiệnquyđịnhvềđạođứcnghềnghiệp”làmộttrongnhữngnộidungđánhgiácủaViênchứcnào?
47. Viênchứcquảnlý(1)
48. Viênchứckhôngquảnlý(2)
49. **Cả(1)và(2)đúng**
50. Khôngcóphươngánnàođúng
51. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.ThờiđiểmđánhgiáViênchức

đượcthựchiệnvào?

1. Đánhgiáhàngnăm
2. Đánhgiátrướckhikếtthúcthờigiantậpsự,kýkếttiếphợpđồnglàmviệc,thayđổivịtríviệclàm
3. Đánhgiátrướckhixétkhenthưởng,kỷluật,bổnhiệm,bổnhiệmlại,quyhoạch
4. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng**
5. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.ThờiđiểmđánhgiáViênchứcởphươngánnàosauđâycónộidungkhôngđúng?
6. **Khôngcóphươngánđúng**
7. Đánhgiátrướckhikýkếttiếphợpđồnglàmviệc,thayđổivịtríviệclàm
8. Đánhgiátrướckhixétkhenthưởng,kỷluật,bổnhiệm,bổnhiệmlại,quyhoạch
9. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.ThờiđiểmđánhgiáViênchứcởphươngánnàosauđâycónộidungkhôngđúng?
10. Đánhgiáhàngnăm
11. **Đánhgiásaukhiquyhoạch**
12. Đánhgiátrướckhixétkhenthưởng,kỷluật,bổnhiệm,bổnhiệmlại
13. Khôngcóphươngánnàođúng
14. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Căncứvàođặcthùcôngviệccủacơquan,tổchức,đơnvị,ngườiđứngđầucơquancóthẩmquyềnquảnlýviênchứcbanhànhhoặcgiaongườiđứngđầucơquan,tổchứctrựctiếpsửdụngviênchứcbanhànhquyđịnhđánhgiáviênchứctheo..............phùhợpvớiđặcthùcôngviệccủacơquan,tổchức,đơnvịmình,bảođảmcôngkhai,dânchủ,kháchquan,địnhlượngbằngkếtquả,sảnphẩmcụthể?
15. Quý
16. Tháng
17. Tuần
18. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng**
19. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Căncứvàođặcthùcôngviệccủacơquan,tổchức,đơnvị,Ailàngườibanhànhbanhànhquyđịnhđánhgiáviênchứctheoquý,thánghoặctuầnphùhợpvớiđặcthùcôngviệccủacơquan,tổchức,đơnvịmình,bảođảmcôngkhai,dânchủ,kháchquan,địnhlượngbằngkếtquả,sảnphẩmcụthể?
20. Ngườiđứngđầucơquancóthẩmquyềnquảnlýviênchức(1)
21. Giámđốcsởnộivụ(3)
22. **Phươngán(1)hoặc(2)**
23. Ngườiđứngđầucơquan,tổchứctrựctiếpsửdụngviênchức(2)
24. Phươngán(2)hoặc(3)
25. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.ĐánhgiáViênchứctheoquý,thánghoặctuầnlàkếtquảđánhgiálàmcăncứđểthựchiệnđánhgiáViênchức:
26. Đánhgiáhàngnăm
27. Đánhgiátrướckhikếtthúcthờigiantậpsự,kýkếttiếphợpđồnglàmviệc,thayđổivịtríviệclàm
28. Đánhgiátrướckhixétkhenthưởng,kỷluật,bổnhiệm,bổnhiệmlại,quyhoạch
29. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng.**
30. 02trườnghợp
31. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Viênchứcsaukhixonghợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạnsẽđượckýkếthợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnkhithuộcmộttrongtrườnghợpnàosauđây?*“viênchứcsuốtđời”từ01/7/2020*
32. Viênchứcđượctuyểndụngtrướcngày01/7/2020
33. Viênchứcđượctiếpnhận,bổnhiệmvàovịtríviệclàmđượcphápluậtquyđịnhlàcôngchứcthìquyếtđịnhtiếpnhận,bổnhiệmđồngthờilàquyếtđịnhtuyểndụng
34. Ngườiđượctuyểndụnglàmviênchứclàmviệctạivùngcóđiềukiệnkinhtế-xãhộiđặcbiệtkhókhan.
35. **Tấtcảphươngán**
36. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Nộidungởphươngánnàosauđâylàđúng?
37. **Hợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạnlàhợpđồngmàtrongđóhaibênxácđịnhthờihạn,thờiđiểmchấmdứthiệulựccủahợpđồngtrongkhoảngthờigiantừđủ12thángđến60tháng**
38. Hợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạnlàhợpđồngmàtrongđóhaibênxácđịnhthờihạn,thờiđiểmchấmdứthiệulựccủahợpđồngtrongkhoảngthờigiantừđủ12thángđến36tháng
39. HợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnápdụngđốivớiViênchứcđượctuyểndụngtrướcngày31tháng12năm2019
40. Tấtcảcácphươngán
41. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Nộidungởphươngánnàosauđâylàđúng?
42. Hợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạnlàhợpđồngmàtrongđóhaibênxácđịnhthờihạn,thờiđiểmchấmdứthiệulựccủahợpđồngtrongkhoảngthờigiantừđủ12thángđến60tháng
43. Từngày01/7/2020sẽkhôngcòntrườnghợpviênchứcthựchiệnxonghợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạnđượcmặcnhiênchuyểnsanghợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnnữa,màthayvàođóviênchứcsẽphảikýhợpđồnglàmviệccóthờihạn
44. Chínhphủquyđịnhchitiếtcácloạihợpđồnglàmviệc
45. **Tấtcảcácphươngán**
46. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Hợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnlàhợpđồngmàtrongđóhaibênkhôngxácđịnhthờihạn,thờiđiểmchấmdứthiệulựccủahợpđồng.Hợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnkhôngápdụng
47. Viênchứcđượctuyểndụngtrướcngày01tháng7năm2020;
48. Viênchứcđượctiếpnhận,bổnhiệmvàovịtríviệclàmđượcphápluậtquyđịnhlàcôngchứcthìquyếtđịnhtiếpnhận,bổnhiệmđồngthờilàquyếtđịnhtuyểndụng
49. Ngườiđượctuyểndụnglàmviênchứclàmviệctạivùngcóđiềukiệnkinhtế-xãhộiđặcbiệtkhókhăn.
50. **Khôngcóphươngánnàođúng.**
51. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Hợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnlàhợpđồngmàtrongđóhaibênkhôngxácđịnhthờihạn,thờiđiểmchấmdứthiệulựccủahợpđồng.Hợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnkhôngápdụngđốivớitrườnghợpnàosauđây:
52. **Viênchứcđượctuyểndụngsaungày01tháng7năm2020.**
53. Viênchứcđượctiếpnhận,bổnhiệmvàovịtríviệclàmđượcphápluậtquyđịnhlàcôngchứcthìquyếtđịnhtiếpnhận,bổnhiệmđồngthờilàquyếtđịnhtuyểndụng
54. Ngườiđượctuyểndụnglàmviênchứclàmviệctạivùngcóđiềukiệnkinhtế-xãhộiđặcbiệtkhókhăn.
55. Khôngcóphươnánnàođúng.
56. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.CóbaonhiêuloạiHợpđồnglàmviệc?
57. 01loạihợpđồng
58. **02loạihợpđồng**
59. 03loạihợpđồng
60. 04loạihợpđồng
61. TheoLuậtViênchứcsửađổi2019.Hợpđồnglàmviệccó?
62. Hợpđồngxácđịnhthờihạn(1)
63. Hợpđồngkhôngxácđịnhthờihạn(2)
64. Hợpđồngngắnhạn(3)
65. **Phươngán(1)và(2)**
66. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Thờihiệu,thờihạnxửlýkỷluậtđượcsửađổibổsungtạiđiềubaonhiêuLuậtviênchức2010.
67. **Điều53**
68. Điều54
69. Điều55
70. TheoLuậtViênchức2010thìthờihiệuxửlýkỷluậtđốivớiViênchứcđượcxácđịnhlà24tháng,kểtừthờiđiểmcóhànhviviphạm,nhưngtheoLuậtViên chứcsửađổinăm2019đãtăngthờihiệunàylênmứctốiđalàbaonhiêutháng,kểtừthờiđiểmcóhànhviphạm?

A.36tháng

**B.60tháng**

1. 48tháng
2. 30tháng
3. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Viênchứcsẽkhôngđượcápdụngthờihiệuxửlýkỷluậtvàbịxemxétxửlýkỷluậtvàobấtcứthờiđiểmnàonếubịpháthiệnlàcómộttrongcáchànhviviphạm:
4. Viênchứclàđảngviêncóhànhviviphạmđếnmứcphảikỷluậtbằnghìnhthứckhaitrừ;
5. Cóhànhviviphạmquyđịnhvềcôngtácbảovệchínhtrịnộibộ;
6. Cóhànhvixâmhạiđếnlợiíchquốcgiatronglĩnhvựcquốcphòng,anninh,đốingoại;
7. Sửdụngvănbằng,chứngchỉ,giấychứngnhận,xácnhậngiảhoặckhônghợppháp.
8. **Tấtcảcácphươngán**
9. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.CóbaonhiêuhànhviViênchứcsẽkhôngđượcápdụngthờihiệuxửlýkỷluậtvàbịxemxétxửlýkỷluậtvàobấtcứthờiđiểmnàonếubịpháthiệnlàcómộttrongcáchànhviviphạm?
10. 2hànhvi
11. 3hànhvi
12. **4hànhvi**
13. 5hànhvi

TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Thờihiệuxửlýkỷluậtlà:

1. **Thờihạnmàkhihếtthờihạnđóthìviênchứccóhànhviviphạmkhôngbịxửlýkỷluật.Thờihiệuxửlýkỷluậtđượctínhtừthờiđiểmcóhànhviviphạm.**
2. ThờihiệuxửlýkỷluậtlàViênchứccóhànhviviphạmkhôngbịxửlýkỷluật.Thờihiệuxửlýkỷluậtđượctínhtừthờiđiểmcóhànhviviphạm.
3. ThờihiệuxửlýkỷluậtlàthờigianViênchứccóhànhviviphạmkhôngbịxửlýkỷluật.Thờihiệuxửlýkỷluậtđượctínhtừthờiđiểmcóhànhviviphạm.
4. Tấtcảcácphươngán
5. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Thờihiệuxửlýkỷluậtđượcquyđịnhbaonhiêunămđốivớihànhviviphạmítnghiêmtrọngđếnmứcphảikỷluậtbằnghìnhthứckhiểntrách?
6. 04năm
7. 03năm
8. **02năm**
9. 01năm
10. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Thờihiệuxửlýkỷluậtđượcquyđịnhbaonhiêunămkhôngthuộchànhvi“viphạmítnghiêmtrọngđếnmứcphảikỷluậtbằnghìnhthứckhiểntrách”?
11. **05năm**
12. 04năm
13. 03năm
14. 02năm
15. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.HànhviviphạmcủaViênchứcnàosauđâyđượcápdụngthờihiệuxửlýkỷluật?
16. Viênchứclàđảngviêncóhànhviviphạmđếnmứcphảikỷluậtbằnghìnhthứckhaitrừ.
17. Cóhànhviviphạmquyđịnhvềcôngtácbảovệchínhtrịnộibộ.
18. Cóhànhvixâmhạiđếnlợiíchquốcgiatronglĩnhvựcquốcphòng,anninh,đốingoại.
19. Sửdụngvănbằng,chứngchỉ,giấychứngnhận,xácnhậngiảhoặckhônghợppháp.
20. **Viênchứcbịkỷluậtbằnghìnhthứckhiểntrách**
21. Theo LuậtViênchứcsửađổinăm2019.ThờihạnxửlýkỷluậtđốivớiViênchứclà?
22. **LàThờihạnxửlýkỷluậtđốivớiviênchứclàkhoảngthờigiantừkhipháthiệnhànhviviphạmcủaviênchứcđếnkhicóquyếtđịnhxửlýkỷluậtcủacấpcóthẩmquyền**
23. LàthờihạnxửlýkỷluậtđốivớiViênchứclàthờigianViênchứcchịuhìnhthứcxửlýkỷluậttừkhicóquyếtđịnhxửlýkỷluậtcủacơquan,tổchứccóthẩmquyền.
24. LàthờihạnmàkhihếtthờihạnđóthìViênchứccóhànhviviphạmkhôngbịxửlýkỷluật.Thờihiệuxửlýkỷluậtđượctínhtừthờiđiểmcóhànhviviphạm.
25. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Thờihạnxửlýkỷluậtkhôngquábaonhiêungày(Trừtrườnghợpvụviệccótìnhtiếtphứctạpcầncóthờigianthanhtra,kiểmtrađểxácminhlàmrõthêm)
26. **90ngày**
27. 60ngày
28. 120ngày
29. 30ngày
30. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Thờihạnxửlýkỷluậtđốivớitrườnghợpvụviệccótìnhtiếtphứctạpcầncóthờigianthanhtra,kiểmtrađểxácminhlàmrõthêmthìthờihạnxửlýkỷluậtcóthểkéodàinhưngkhôngquábaonhiêungày:
31. **150ngày**
32. 180ngày
33. 120ngày
34. 90ngày
35. TheoLuậtViênchứcsửađổinăm2019.Trườnghợpviênchứcđãbịkhởitố,truytốhoặcđãcóquyếtđịnhđưaraxétxửtheothủtụctốtụnghìnhsựnhưngsauđócóquyếtđịnhđìnhchỉđiềutrahoặcđìnhchỉvụánmàhànhviviphạmcódấuhiệuviphạmkỷluậtthìbịxemxétxửlýkỷluật.Thờigianđiềutra,truytố,xétxửtheothủtụctốtụnghìnhsựkhôngđượctínhvàothờihạnxửlýkỷluật.Trongthờihạn.........ngàylàmviệc,kểtừngàyraquyếtđịnhđìnhchỉđiềutra,đìnhchỉvụán,ngườiraquyếtđịnhphảigửiquyếtđịnhvàtàiliệucóliênquanchocơquan,tổchức,đơnvịquảnlýviênchứcđểxemxétxửlýkỷluật?
36. **03**
37. 07
38. 10
39. 05
40. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Cơquannàoquyđịnhviệcápdụngcáchìnhthứckỷluật,trìnhtự,thủtụcvàthẩmquyềnxửlýkỷluậtđốivớiviênchức
41. Quốchội
42. **Chínhphủ**
43. Nhànước
44. BộNộivụ
45. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.HìnhthứckỷluậtnàosauđâykhôngápdụngđốivớiViênchức?
46. Khiểntrách;Cảnhcáo
47. **Hạbậclương**
48. Cáchchức;Buộcthôiviệc.
49. Khôngcóphươngánnàođúng
50. TheoLuậtCánbộ,Côngchứcsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâyápdụngđốivớiViênchứcquảnlý?

1. Khiểntrách;Cảnhcáo
2. Buộcthôiviệc.
3. Cáchchức;
4. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâyápdụngđốivớiViênchứckhôngquảnlý?

1. Khiểntrách
2. Buộcthôiviệc
3. Cảnhcáo
4. **Tấtcảcácphươngánđềuđúng**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâykhôngphảilàhìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứckhôngquảnlý?

1. Khiểntrách;
2. Buộcthôiviệc.
3. **Cách chức**
4. Cảnhcáo
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâykhôngphảilàhìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứcquảnlý

1. Khiểntrách;Cảnhcáo
2. Buộcthôiviệc.
3. Cáchchức;
4. **Giángchức**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâykhôngphảilàhìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứcquảnlý?

1. Khiểntrách;Cảnhcáo
2. Buộcthôiviệc.
3. Cáchchức;
4. **XửphạthànhchínhhoặcGiángchức**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâykhôngphảilàhìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứckhôngquảnlý

1. Khiểntrách
2. Buộcthôiviệc.
3. Cảnhcáo
4. **Xửphạthànhchính**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâykhôngápdụngđốivớiViênchứckhôngquảnlý

1. Khiểntrách;
2. Buộcthôiviệc.
3. Cảnhcáo
4. **Cáchchức**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.CóbaonhiêuHìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứckhôngquảnlý
6. **3hìnhthức**
7. 5hìnhthức
8. 4hìnhthức
9. 2hìnhthức
10. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.CóbaonhiêuHìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứcquảnlý
11. **4hìnhthức**
12. 3hìnhthức
13. 5hìnhthức
14. 2hìnhthức
15. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.HìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứcquảnlýnhiềuhơnbaonhiêuHìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứckhôngchứcquảnlý?
16. 2hìnhthức
17. **1hìnhthức**
18. 3hìnhthức
19. 4hìnhthức
20. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâykhôngphảilàhìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứcgiữchứcquảnlý?

1. Khiểntrách;Cảnhcáo
2. Buộcthôiviệc.
3. Cáchchức
4. **Thôigiữchứcvụbầucử**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâykhôngphảilàhìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứcquảnlý?

1. Khiểntrách;Cảnhcáo
2. Buộcthôiviệc.
3. Cáchchức
4. **Bãinhiệm**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hìnhthứckỷluậtnàosau

đâykhôngphảilàhìnhthứckỷluậtđốivớiViênchứcquảnlý?

1. Khiểntrách;Cảnhcáo
2. Buộcthôiviệc.
3. Cáchchức
4. **Miễnnhiệm**
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứckhôngquảnlýbịkỷluậtnàosauđâybịhạnchếthựchiệnhoạtđộngnghềnghiệptheoquyđịnhcủaphápluậtcóliênquan?
6. Khiểntrách
7. Buộcthôiviệc
8. Cảnhcáo
9. **Tấtcảcácphươngán**
10. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.QuyếtđịnhkỷluậtcủaViênchứcđược?
11. **Lưuvàohồsơviênchức**
12. CôngkhaitạiđơnvịnơiViênchứclàmviệc
13. Côngkhaitrêncácphươngtiệnthôngtinđạichúng
14. Tấtcảcácphươngán
15. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứccócôngtrạng,thànhtíchvàcốnghiếntrongcôngtác,hoạtđộngnghềnghiệpthìđược?
16. **Đượckhenthưởng,tônvinhtheoquyđịnhcủaphápluậtvềthiđua,khenthưởng**
17. Tấtcácphươngán
18. Đượckýkếthợpđồngkhôngxácđịnhthờihạnlàmviệc
19. Đượccộngđiểmưutiêntrongkỳthithănghạngviênchức
20. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứcđượckhenthưởngdocócôngtrạng,thànhtíchđặcbiệtđượcxétnânglươngtrướcthờihạn,nânglươngvượtbậctheoquyđịnhcủacơquannào?
21. Bộnộivụ
22. **Chínhphủ**
23. BộLaođộngthươngbinhvàxãhội
24. Nhànước
25. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Trongthờihạnxửlýkỷluật,cơquannàoquyếtđịnhtạmđìnhchỉcôngtáccủaviênchứcnếuthấyviênchứctiếptụclàmviệccóthểgâykhókhănchoviệcxemxét,xửlýkỷluật
26. **Ngườiđứngđầuđơnvịsựnghiệpcônglập**
27. SởNộivụ
28. Chínhphủ
29. NgườiđứngđầucơquanquảnlýViênchức
30. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Thờigiantạmđìnhchỉcôngtáckhôngquábaonhiêu ngày
31. **15ngày**
32. 20ngày
33. 30ngày
34. 10ngày
35. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Thờigiantạmđìnhchỉcôngtáckhôngquá15ngày,trườnghợpcầnthiếtcóthểkéodàithêmnhưngkhôngquábaonhiêungày?
36. 15ngày
37. 20ngày
38. **30ngày**
39. 10ngày
40. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Hếtthờigiantạmđìnhchỉcôngtác,nếuviênchứckhôngbịxửlýkỷluậtthìgiảiquyếtnhưthếnào?
    1. Đượcbốtrívàovịtríviệclàmmới
    2. Đượcngườiđứngđầuđơnvịsựnghiệpcônglậpxinlỗibằngvănbản
    3. **Đượcbốtrívàovịtríviệclàmcũ**
    4. Đượcthôngbáotrênphươngtiệnthôngtinđạichúnglàkhôngbịxửlýkỷluật
41. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Trongthờigianbịtạmđìnhchỉcôngtác,viênchứcđượchưởnglươngtheoquyđịnhcủacơquannào?
42. ĐơnvịtrựctiếpsửdụngViênchứclàmviệc
43. BộLaođộngThươngBinhvàXãhội

**C.Chínhphủ**

D.Bộnộivụ

1. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.AilàngườiphảibồithườngthiệthạikhiViênchứclàmmất,hưhỏngtrangbị,thiếtbịhoặccóhànhvikhácgâythiệthạitàisảncủađơnvịsựnghiệpcônglập?
2. **Viênchức**
3. Ngườiđứngđầuđơnvịsựnghiệpcônglập
4. Ngườiđứngđầucơquanquảnlýviênchức
5. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứckhithựchiệncôngviệchoặcnhiệmvụđượcphâncôngcólỗigâythiệthạichongườikhácmàđơnvịsựnghiệpcônglậpphảibồithườngthìailàngườicónghĩavụhoàntrảchođơnvịsựnghiệpcônglập?
6. **Viênchức**
7. Ngườiđứngđầuđơnvịsựnghiệpcônglập
8. Ngườiđứngđầucơquanquảnlýviênchức
9. Tấtcảcácphươngán
10. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Cơquanquyđịnhchitiếtviệcxácđịnhmứchoàntrảcủaviênchức?
11. Ngườiđứngđầucơquanquảnlýviênchức
12. BộNộivụ
13. **Chínhphủ**
14. Nhànước
15. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứcbịkhiểntráchthìthờihạnnânglươngbịkéodàibaonhiêutháng?
16. **03tháng**
17. 04tháng
18. 05tháng
19. 06tháng
20. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứcbịcảnhcáothìthờihạnnânglươngbịkéodàibaonhiêutháng?
21. 03tháng
22. 04tháng
23. 05tháng
24. **06tháng**
25. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Trườnghợpviênchứcbịcáchchứcthìthờihạnnânglươngbịkéodàibaonhiêutháng?
26. 06tháng
27. 09tháng
28. **12tháng**
29. 18tháng
30. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Trườnghợpviênchứcbịcáchchứcthìgiảiquyếtnhưthếnào?
31. **Đơnvịsựnghiệpcônglậpbốtrívịtríviệclàmkhácphùhợp**
32. Đơnvịsựnghiệpcônglậpchothôiviệc
33. Viênchứcđượckýhợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnlàmviệc
34. Khôngcóphươngánnàođúng
35. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.ViênchứcquảnlýđãbịkỷluậtcáchchứcdothamnhũnghoặcbịTòaánkếtánvềhànhvithamnhũngthìkhôngđược?
36. **Khôngđượcbổnhiệmvàovịtríquảnlý**
37. Khôngđượcnânglươngtrongthờigian5năm
38. Khôngđượcbốtrívịtríviệclàmkhác
39. Khôngcóphươngánnàođúng
40. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứcbịcấmhànhnghềhoặcbịhạnchếhoạtđộngnghềnghiệptrongmộtthờihạnnhấtđịnhtheoquyếtđịnhcủacơquancóthẩmquyền,nếukhôngbịxửlýkỷluậtbuộcthôiviệcthìđơnvịsựnghiệpcônglậpgiảiquyếtnhưthếnào?
41. **Phảibốtríviênchứcvàovịtríviệclàmkháckhôngliênquanđếnhoạtđộngnghềnghiệpbịcấmhoặcbịhạnchế.**
42. PhảibốtríviênchứcvàovịtríviệclàmtheovịtríviệclàmmàViênchứcđảmnhiệmtrướckhiviênchứcbịcấmhànhnghềhoặcbịhạnchếhoạtđộngnghềnghiệp
43. PhảibốtríviênchứcvàovịtríviệclàmtheovịtríviệclàmthấphơnvịtríviệclàmmàViênchứcđảmnhiệmtrướckhiviênchứcbịcấmhànhnghềhoặcbịhạnchếhoạtđộngnghềnghiệp
44. Khôngcóphươngánđúng
45. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứcbịxửlýkỷluật,bịtạmđìnhchỉcôngtáchoặcphảibồithường,hoàntrảtheoquyếtđịnhcủađơnvịsựnghiệpcônglậpnếuthấykhôngthỏađángthìcóquyềngì?
46. Quyềnkhiếunại
47. Yêucầugiảiquyếttheotrìnhtựdophápluậtquyđịnh.
48. Quyềnkhởikiện
49. **Tấtcảcácphươngán**
50. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Trườnghợpviênchứcbịkỷluậtbằnghìnhthứckhiểntráchhoặccảnhcáothìkhôngthựchiệnviệcquyhoạch,đàotạo,bồidưỡng,bổnhiệmvàochứcvụcaohơntrongthờihạnbaonhiêutháng,kểtừngàyquyếtđịnhkỷluậtcóhiệulực?
51. **12tháng**
52. 15tháng
53. 09tháng
54. 06thángư
55. Theo Luật Viên chức 2010 và sửa đổi năm 2019, trường hợp viên chức bị kỷ luật bằng hình thức cách chức thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm trong thời hạn bao nhiêu tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực?
56. 12tháng
57. **24tháng**
58. 36tháng
59. 60tháng
60. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứcđangtrongthờihạnxửlýkỷluật,đangbịđiềutra,truytố,xétxửthìkhôngđược?
61. Khôngđượcbổnhiệm.
62. Khôngđượcbiệtphái,đàotạo,bồidưỡng
63. Khôngđượcthôiviệc
64. **Tấtcảcácphươngán**
65. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Quátrìnhcốnghiến,thờigiancôngtáccủaviênchứctrướckhichuyểnsanglàmcánbộ,côngchứcvàngượclạiđượcxemxétkhithựchiệncácnộidungliênquanđến?
66. Đếnđàotạo,bồidưỡng
67. Đếnkhenthưởng
68. Đếncácquyềnlợikhác
69. **Tấtcảcácphươngán**
70. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Việctuyểndụngviênchứcvàolàmcôngchứcphảithựchiệntheoquyđịnhcủa?
71. **Phápluậtvềcánbộ,côngchức**
72. Chínhphủ
73. Bộnộivụ
74. CơquanquảnlýCánbộ,côngchức
75. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Cánbộ,côngchứcđượcchuyểnsanglàmviênchứctạiđơnvịsựnghiệpcônglậpkhiđápứngcácđiềukiệntheoquyđịnhcủa?
76. PhápluậtvềCánbộ,Côngchức
77. **LuậtViênchức2010vàLuậtsửađổi,bổsungmộtsốđiềucủaLuậtCánbộ,côngchứcvàLuậtViênchức2019**
78. LuậtCánbộ,Côngchức2008vàLuậtsửađổi,bổsungmộtsốđiềucủaLuậtCánbộ,côngchứcvàLuậtViênchức2019
79. CơquanquảnlýCánbộ,côngchức
80. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứcđượctuyểndụngtrướcngày01tháng7năm2020nhưngchưakýkếthợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnthìtiếptụcthựchiệnhợpđồnglàmviệcđãkýkết;saukhikếtthúcthờihạncủahợpđồnglàmviệcđãkýkếtthìgiảiquyếtnhưthếnào?
    1. **Viênchứcđượckýkếthợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnnếuđápứng**

B.Viênchứcđượckýkếthợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạnnếuđápứngđầyđủ

cácyêucầutheoquyđịnhcủaphápluật

1. ĐơnvịsựnghiệpcônglậpchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiViênchức
2. Viênchứcphảitrãiquaviệcsáthạchkiểmđịnhcủahộiđồngtrướckhikýtiếphợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạn
3. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Viênchứcđượctuyểndụngtrướcngày01tháng7năm2020nhưngchưakýkếthợpđồnglàmviệckhôngxácđịnhthờihạnthìxửlýnhưthếnào?
4. **Tiếptụcthựchiệnhợpđồnglàmviệcđãkýkết**
5. Chấmdứtthựchiệnhợpđồnglàmviệcđãkýkết

C.CơquanquảnlýViênchứclậphộiđồngkiểmđịnhviênchức,nếuviênchứcđạtyêucầuthìkýtiếphợpđồnglàmviệcxácđịnhthờihạn.NếuViênchứckhôngđạtyêucầuthìchấmdứthợpđồnglàmviệcvớiviênchứcđãký

D.Khôngcóphươngánnàođúng

1. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.CơquannàoquyđịnhviệcápdụngLuậtviênchứcđốivớingườilàmviệctrongcácđơnvịsựnghiệpthuộctổchứcchínhtrịxãhội-nghềnghiệp,tổchứcxãhội,tổchứcxãhội-nghềnghiệp,đơnvịsựnghiệpcônglập,doanhnghiệpnhànước,doanhnghiệpdoNhànướcnắmgiữtrên50%vốnđiềulệ.
2. **Chínhphủ**
3. Quốchội
4. Bộnộivụ
5. Nhànước
6. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Cơquannàoquyđịnhviệcxửlýkỷluậtđốivớiviênchứcsaukhinghỉviệc,nghỉhưumớipháthiệncóhànhviviphạmtrongthờigiancôngtác?
7. **Chínhphủ**
8. Quốchội
9. Bộnộivụ
10. Nhànước
11. TheoLuậtViênchức2010vàsửađổinăm2019.Việcxửlýkỷluậtđốivớiviênchứcđãnghỉviệc,nghỉhưucóhànhviviphạmtrongthờigiancôngtáctrướcngày01tháng7năm2020đượcthựchiệntheoquyđịnhcủa?
12. PhápluậtvềViênchức
13. **LuậtViênchức2010vàLuậtsửađổi,bổsungmộtsốđiềucủaLuậtCánbộ,côngchứcvàLuậtViênchức2019**
14. Luậtphòngchốngthamnhũng2018
15. CơquanquảnlýViênchức
16. Theo Luật giáo dục 2019. Chọn phương án đúng về Tính chất, nguyên lý giáo dục?
17. Tất cả các phương án đều đúng
18. Hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp
19. Hoạt động giáo dục nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.
20. **Hoạt động giáo dục được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.**
21. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục thường xuyên là?

A. Giáo dục mà mọi công dân trong độ tuổi quy định bắt buộc phải học tập để đạt được trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm điều kiện để thực hiện

**B. Giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được tổ chức linh hoạt về hình thức thực hiện chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học.**

C. Quá trình tổ chức hoạt động giáo dục để mọi công dân trong độ tuổi đều được học tập và đạt đến trình độ học vấn nhất định theo quy định của pháp luật.

D. Giáo dục theo khóa học trong cơ sở giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được thiết lập theo mục tiêu của các cấp học, trình độ đào tạo và được cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phổ cập giáo dục là?

A. Giáo dục theo khóa học trong cơ sở giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được thiết lập theo mục tiêu của các cấp học, trình độ đào tạo và được cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân.

**B. Quá trình tổ chức hoạt động giáo dục để mọi công dân trong độ tuổi đều được học tập và đạt đến trình độ học vấn nhất định theo quy định của pháp luật.**

C. Giáo dục mà mọi công dân trong độ tuổi quy định bắt buộc phải học tập để đạt được trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm điều kiện để thực hiện

D. Giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được tổ chức linh hoạt về hình thức thực hiện chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục bắt buộc là?

**A. Giáo dục mà mọi công dân trong độ tuổi quy định bắt buộc phải học tập để đạt được trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm điều kiện để thực hiện**

B. Giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được tổ chức linh hoạt về hình thức thực hiện chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học.

C. Quá trình tổ chức hoạt động giáo dục để mọi công dân trong độ tuổi đều được học tập và đạt đến trình độ học vấn nhất định theo quy định của pháp luật.

D. Giáo dục theo khóa học trong cơ sở giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được thiết lập theo mục tiêu của các cấp học, trình độ đào tạo và được cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Kiểm định chất lượng giáo dục là?

A. Đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề.

**B. Hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành.**

C. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình giáo dục

D. Kiến thức, kỹ năng cơ bản, cốt lõi trong chương trình giáo dục trung học phổ thông mà người học phải tích lũy để có thể tiếp tục học trình độ giáo dục nghề nghiệp cao hơn.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông là?

A. Đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề.

B. Đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

C. Hình thức tổ chức quá trình giáo dục, đào tạo theo năm học.

**D. Kiến thức, kỹ năng cơ bản, cốt lõi trong chương trình giáo dục trung học phổ thông mà người học phải tích lũy để có thể tiếp tục học trình độ giáo dục nghề nghiệp cao hơn.**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Niên chế là?

A. Kiến thức, kỹ năng cơ bản, cốt lõi trong chương trình giáo dục trung học phổ thông mà người học phải tích lũy để có thể tiếp tục học trình độ giáo dục nghề nghiệp cao hơn.

B. Đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

C. Đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề.

**D. Hình thức tổ chức quá trình giáo dục, đào tạo theo năm học.**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Tín chỉ là?

A. Hình thức tổ chức quá trình giáo dục, đào tạo theo năm học.

**B. Đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.**

C. Kiến thức, kỹ năng cơ bản, cốt lõi trong chương trình giáo dục trung học phổ thông mà người học phải tích lũy để có thể tiếp tục học trình độ giáo dục nghề nghiệp cao hơn.

D. Đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Mô-đun là?

A. Hình thức tổ chức quá trình giáo dục, đào tạo theo năm học.

B. Kiến thức, kỹ năng cơ bản, cốt lõi trong chương trình giáo dục trung học phổ thông mà người học phải tích lũy để có thể tiếp tục học trình độ giáo dục nghề nghiệp cao hơn.

C. Đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

**D. Đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề.**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà đầu tư là?

A. Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhà trường, cơ sở giáo dục của nhà đầu tư nước ngoài và cơ sở giáo dục khác

B. Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

C. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, gồm nhà đầu tư nước ngoài

**D. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước gồm nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục là?

A. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước gồm nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

**B. Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhà trường và cơ sở giáo dục khác.**

C. Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhà trường, cơ sở giáo dục của nhà đầu tư nước ngoài và cơ sở giáo dục khác

D. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, gồm nhà đầu tư nước ngoài

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Giáo dục phổ thông gồm?

A. Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở

**B. Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông**

C. Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên

D. Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông và bổ túc văn hoá

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Ai là người quyết định phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia Việt Nam?

**A. Thủ tướng Chính phủ**

B. Chủ tịch nước

C. Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo

D. Chủ tịch Quốc hội

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm?

**A. Giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.**

B. Giáo dục chính quy và giáo dục bổ túc

C. Giáo dục chính quy và giáo dục tại chức

D. Giáo dục chính quy và giáo dục vừa học vừa làm

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Giáo dục mầm non gồm?

A. Giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo

B. Giáo dục nhà mẫu giáo và cơ sở giáo dục mẫu giáo

C. Giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo tư nhân

**D. Giáo dục nhà trẻ và giáo dục trường mẫu giáo**

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Ai là người quy định thời gian đào tạo, tiêu chuẩn cho từng trình độ đào tạo, khối lượng học tập tối thiểu đối với trình độ của giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học?  
   A. Chủ tịch nước

**B. Thủ tướng Chính phủ**

C. Hiệu trưởng các trường Đại học

D. Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Giáo dục đại học đào tạo trình độ?

A. Trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ

B. Trình độ trung cấp, trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ

C. Trình độ đại học, trình độ sau đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ

**D. Trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ**

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ?

A. Đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và đại học

B. Đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, đại học và thạc sỹ

**C. Đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác**

D. Đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, đại học và thạc sỹ, tiến sỹ

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục phải bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên" là?

A. Yêu cầu về nội dung giáo dục

**B. Yêu cầu về phương pháp giáo dục**

C. Tất cả phương án

D. Yêu cầu về chương trình giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại" là?

**A. Yêu cầu về nội dung giáo dục**

B. Yêu cầu về phương pháp giáo dục

C. Tất cả phương án

D. Yêu cầu về chương trình giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học" là?

A. Tất cả phương án

**B. Yêu cầu về phương pháp giáo dục**

C. Yêu cầu về nội dung giáo dục

D. Yêu cầu về chương trình giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên" là?

A. Phương pháp giáo dục

B. Chương trình giáo dục

**C. Yêu cầu về nội dung giáo dục**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây thuộc về yêu cầu nội dung giáo dục?

A. Cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp học, mỗi cấp học hoặc các môn học, mô-đun, ngành học đối với từng trình độ đào tạo.

B. Bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.

**C. Giáo dục phải phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học**

D. Giáo dục thể hiện mục tiêu giáo dục

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây thuộc về yêu cầu phương pháp giáo dục?

**A. Giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học**

B. Tất cả các phương án

C. Giáo dục phải coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

D. Giáo dục phải bảo đảm tính khoa học và thực tiễn; kế thừa, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây thuộc về chương trình giáo dục?

A. Giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên

B. Tất cả phương án

**C. Giáo dục phải đáp ứng mục tiêu bình đẳng giới, yêu cầu hội nhập quốc tế**

D. Giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Chương trình giáo dục được tổ chức thực hiện theo năm học đối với giáo dục nào?

**A. Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông**

B. Giáo dục mầm non

C. Giáo dục thường xuyên và giáo dục phổ thông

D. Giáo dục phổ thông

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Kết quả học tập môn học hoặc tín chỉ, mô-đun mà người học tích lũy được khi theo học một chương trình giáo dục được công nhận để xem xét về giá trị chuyển đổi cho môn học hoặc tín chỉ, mô-đun tương ứng trong chương trình giáo dục khác khi nào?

A.  Khi Người chuyển hình thức học tập hoặc học lên cấp học, trình độ đào tạo cao hơn.

B.  Khi Người học chuyên ngành, nghề đào tạo

C.  Khi Người học chuyên ngành, nghề đào tạo, chuyển hình thức học tập hoặc học lên cấp học, trình độ đào tạo cao hơn hoặc người học bảo lưu kết quả học tập

**D. Khi Người học chuyên ngành, nghề đào tạo, chuyển hình thức học tập hoặc học lên cấp học, trình độ đào tạo cao hơn.**

1. Bộ nào trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định việc thực hiện chương trình giáo dục và việc công nhận về giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp quy định của Luật Giáo dục 2019?

**A. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

C. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Y tế

D.  Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục phải bảo đảm tính khoa học và thực tiễn" là?

A. Phương pháp giáo dục

**B. Chương trình giáo dục**

C. Tất cả phương án

D. Nội dung giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục thể hiện cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp học, mỗi cấp học hoặc các môn học, mô-đun, ngành học đối với từng trình độ đào tạo." là?

A. Chương trình giáo dục

B. Nội dung giáo dục

C. Phương pháp giáo dục

D. Mục đích giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục phải kế thừa, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo" là?

**A. Chương trình giáo dục**

B. Nội dung giáo dục

C. Mục đích giáo dục

D. Phương pháp giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Chương trình giáo dục được tổ chức thực hiện theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ hoặc kết hợp giữa tín chỉ và niên chế đối với?

A. Giáo dục nghề nghiệp

B. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và Giáo dục thường xuyên

C. Giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học.

**D. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.**

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục phải tạo điều kiện cho phân luồng, chuyển đổi giữa các trình độ đào tạo, ngành đào tạo và hình thức giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân để địa phương và cơ sở giáo dục chủ động triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp" là?

**A. Chương trình giáo dục**

B. Mục tiêu giáo dục

C. Nội dung giáo dục

D. Phương pháp giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục phải đáp ứng mục tiêu bình đẳng giới, yêu cầu hội nhập quốc tế" là?

**A. Chương trình giáo dục**

B. Nội dung giáo dục

C. Mục đích giáo dục

D. Phương pháp giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu giảng dạy phải đáp ứng yêu cầu về?

**A. Phương pháp giáo dục**

B. Nội dung giáo dục

C. Mục đích giáo dục

D. Chương trình giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục thể hiện mục tiêu giáo dục; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học; phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục; phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp học, mỗi cấp học hoặc các môn học, mô-đun, ngành học đối với từng trình độ đào tạo" là?

**A. Chương trình giáo dục**

B. Phương pháp giáo dục

C. Nội dung giáo dục

D. Mục đích giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực người học quy định trong chương trình giáo dục phải được cụ thể hóa thành sách giáo khoa đối với giáo dục phổ thông; giáo trình và tài liệu giảng dạy đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học" là?

A. Nội dung giáo dục

**B. Chương trình giáo dục**

C. Phương pháp giáo dục

D. Mục đích giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục thể hiện quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học" là?

A. Phương pháp giáo dục

**B. Chương trình giáo dục**

C. Nội dug giáo dục

D. Mục đích giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Phương án nào sau đây là cơ sở bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện?

A. Nội dung giáo dục

**B. Chương trình giáo dục**

C. Phương pháp giáo dục

D. Mục đích giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục thể hiện phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục; phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục" là?

A. Mục đích giáo dục

B. Nội dung giáo dục

**C. Chương trình giáo dục**

D. Phương pháp giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. "Giáo dục thể hiện mục tiêu giáo dục" là?

**A. Chương trình giáo dục**

B. Nội dung giáo dục

C. Mục đích giáo dục

D. Phương pháp giáo dục

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Hướng nghiệp trong giáo dục là?

A. Biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

**B. Hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài cơ sở giáo dục để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.**

C. Tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

D. hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài cơ sở giáo dục để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về phân luồng trong giáo dục là?

A. Hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài cơ sở giáo dục để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân

**B. Biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.**

C. Tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

D. Hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài cơ sở giáo dục để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội?
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo
3. Nhà nước
4. Quốc hội
5. **Chính phủ**
6. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết về liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân?

A. Bộ giáo dục và Đào tạo

B. Quốc hội

C. Nhà nước

**D. Chính phủ**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Liên thông trong giáo dục là?

A. Việc sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở các cấp học, trình độ khác cùng ngành, nghề đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành, nghề đào tạo, hình thức giáo dục và trình độ đào tạo khác phù hợp với yêu cầu nội dung tương ứng, bảo đảm liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học.

**B. Việc sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở các cấp học, trình độ khác cùng ngành, nghề đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành, nghề đào tạo, hình thức giáo dục và trình độ đào tạo khác phù hợp với yêu cầu nội dung tương ứng, bảo đảm liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.**

C. Việc sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở các cấp học, trình độ khác cùng ngành, nghề đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành, nghề đào tạo, hình thức giáo dục và trình độ đào tạo khác phù hợp với yêu cầu nội dung tương ứng, bảo đảm liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

D. Việc sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở các cấp học, trình độ khác cùng ngành, nghề đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành, nghề đào tạo, hình thức giáo dục và trình độ đào tạo khác phù hợp với yêu cầu nội dung tương ứng, bảo đảm liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên,  giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Việc liên thông trong giáo dục phải đáp ứng các điều kiện bảo đảm?

**A. Chất lượng**

B. Kế thừa kết quả học tập

C. Quyền lợi người học

D. Liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục Đaị học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ngôn ngữ chính thức dùng trong cơ sở giáo dục?

A. Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

B. Tiếng Việt và Tiếng Pháp

**C. Tiếng Việt**

D. Tiếng Việt và Tiếng Anh

1. Theo Luật giáo dục 2019. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cụ thể về nội dung giáo dục, cơ quan nào quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục?  
   A. Bộ giáo dục và Đào tạo

B. Quốc hội

**C. Chính phủ**

D. Nhà nước

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của cơ quan nào?

A. Nhà nước

**B. Chính phủ**

C. Bộ giáo dục và đào tạo

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ?

A. Bộ giáo dục và Đào tạo

**B. Nhà nước**

C. Chính phủ

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Người khuyết tật nghe, nói được học bằng ngôn ngữ ký hiệu, người khuyết tật nhìn được học bằng chữ nổi Braille theo quy định của Luật nào?  
   A. Luật giáo dục

B. Luật Lao động

**C. Luật Người khuyết tật**

D. Luật giáo dục nghề nghiệp

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ngoại ngữ quy định trong chương trình giáo dục là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong giao dụch?

**A. Quốc tế**

B. Ngoại giao

C. Văn hoá

D. Thương mại

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây không phải là Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân?

A.  Bằng tốt nghiệp trung cấp, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng cử nhân

**B. Bằng tốt nghiệp sơ cấp**

C. Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông

D.  Bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào ban hành hệ thống văn bằng giáo dục đại học và quy định văn bằng trình độ tương đương của một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù?

**A. Chính phủ**

B. Quốc hội

C. Bộ giáo dục và Đào tạo

D. Nhà nước

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo môi trường giáo dục an toàn, bảo đảm giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện để người học phát huy tiềm năng, năng khiếu của mình?

A. Chính phủ

B. Bộ giáo dục và Đào tạo

**C. Nhà nước**

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục cấp nào là giáo dục bắt buộc?

A. Trung học cơ sở

B. Tất cả phương án

**C. Tiểu học**

D. Mầm non

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em bao nhiêu tuổi?

A. 03 tuổi

B. 04 tuổi

**C. 05 tuổi**

D. 06 tuổi

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi?

A. Chính phủ

B. Bộ Lao động thương binh và Xã hội

**C. Nhà nước**

D. Bộ giáo dục và đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phổ cập giáo dục cho cấp học nào?

A. Tất cả phương án

**B. Trung học cơ sở.**

C. Tiểu học

D. Mầm non

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở?  
   A. Chính phủ

B. Quốc hội

C. Bộ giáo dục và Đào tạo

**D.  Nhà nước**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào chịu trách nhiệm thực hiện giáo dục bắt buộc trong cả nước; quyết định kế hoạch, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục?  
   A. Chính phủ

B. Bộ giáo dục và đào tạo

**C. Nhà nước**

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc?

A. Nhân dân

B. Đồng bào

**C. Mọi công dân**

D. Cử tri

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc?

A. Người giám hộ

B. Gia đình

**C. Gia đình, người giám hộ**

D. Chính quyền địa phương

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục hòa nhập là?

A. Phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học

B. Tôn trọng sự đa dạng, khác biệt của người học và không phân biệt đối xử.

**C. Tất cả phương án**

D. Bảo đảm quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của người học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có chính sách hỗ trợ thực hiện giáo dục hòa nhập cho người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật Trẻ em, người học là người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật và quy định khác của pháp luật có liên quan?

**A. Nhà nước**

B. Bộ giáo dục và Đào tạo

C. Quốc hội

D. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của cơ quan, tổ chức nào?

**A. Nhà nước và của toàn dân**

B. Nhà nước

C. Bộ giáo dục và Đào tạo và Hội khuyến học

D. Toàn dân

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục?

A. Quốc hội

B. Chính phủ

C. Bộ giáo dục và Đào tạo

**D.  Nhà nước**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nào đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao?

**A. Dân lập, tư thục**

B. Dân lập

C. Tư thục

D. Công lập

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với cơ sở giáo dục thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh?

A. Cá nhân

B. Tổ chức

C. Gia đình

**D. Tất cả phương án**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào khuyến khích và bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho giáo dục?

A. Quốc hội

B. Chính phủ

**C. Nhà nước**

D. Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động giáo dục?  
   A. Lãnh đạo chính quyền địa phương

B. Lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo

C. Hiệu trưởng các trường

**D. Cán bộ quản lý giáo dục**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai có trách nhiệm học tập, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và thực hiện các chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật?

**A. Cán bộ quản lý giáo dục**

B. Tất cả mọi người công tác trong ngành giáo dục

C. Hiệu trưởng các trường

D. Thầy, cô giáo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có kế hoạch xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục?  
   A. Bộ giáo dục và Đạo tạo

**B. Nhà nước**

C. Sở giáo dục và Đạo tạo

D. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Hoạt động khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ của tổ chức nào?

**A. Cơ sở giáo dục**

B. Viện nghiên cứu

C. Trung tâm khoa học

D. Cơ sở khoa học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có chính sách ưu tiên phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục?

**A.  Nhà nước**

B. Bộ giáo dục và Đào tạo

C. Bộ khoa học và Công nghệ

D. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Không truyền bá tôn giáo, tiến hành các lễ nghi tôn giáo trong cơ quan, tổ chức nào?

A. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

**B. Tất cả phương án**

C. Cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân

D. Lực lượng vũ trang nhân dân.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây là bị **Cấm lợi dụng hoạt động giáo dục?**

A. Hoạt động giáo dục để xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, phá hoại thuần phong mỹ tục, truyền bá mê tín, hủ tục, lôi kéo người học vào các tệ nạn xã hội.

**B. Tất cả phương án**

C. Hoạt động giáo dục vì mục đích vụ lợi

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án về hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục?  
   **A. Tất cả phương án**

B. Xuyên tạc nội dung giáo dục;Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi, tuyển sinh; Hút thuốc; uống rượu, bia; gây rối an ninh, trật tự.

C. Lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ giáo dục để ép buộc đóng góp tiền hoặc hiện vật; Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền

D. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, người lao động của cơ sở giáo dục và người học

1. Luật Giáo dục 2019. Cấm giáo viên, giảng viên hút thuốc ở đâu?

A. Trong giờ giải lao

B. Trong lớp học

C. Trong giờ học

**D. Trong trường học**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Có bao nhiêu hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục?

A. 3

B. 5

**C. 6**

D. 4

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục mầm non bao gồm?

A. Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập

**B. Tất cả phương án**

C. Trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập

D. Trường mầm non, lớp mầm non độc lập

1. Theo Luật giáo dục 2019. Có bao nhiêu Cơ sở giáo dục mầm non?

**A. 3**

B. 5

C. 4

D. 2

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập nhận trẻ em từ bao nhiêu?

A. 06 tháng tuổi đến 03 tuổi;

B. 03 tháng tuổi đến 02 tuổi;

C. 03 tháng tuổi đến 04 tuổi;

**D. 03 tháng tuổi đến 03 tuổi**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập nhận trẻ em từ?

**A. 03 tuổi đến 06 tuổi**

B. 02 tuổi đến 05 tuổi

C. 03 tuổi đến 05 tuổi

D. 04 tuổi đến 06 tuổi

1. Theo Luật giáo dục 2019. Trường mầm non, lớp mầm non độc lập là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ?

**A. 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.**

B. 06 tháng tuổi đến 06 tuổi.

C. 02 tháng tuổi đến 06 tuổi.

D. 09 tháng tuổi đến 06 tuổi.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết **Chính sách phát triển giáo dục mầm non?**

A. Quốc hội

B. Bộ giáo dục và Đào tạo

**C. Chính phủ**

D. Nhà nước

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội?

A. Chính phủ

B. Quốc hội

**C. Nhà nước**

D. Bộ giáo dục và đào tạo

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định ngưỡng đầu vào trình độ cao đẳng, trình độ đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe?  
   **a. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,**

b. Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ y tế

c. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

d. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Y tế

1. Theo Luật giáo dục 2019.Cơ quan nào có chính sách đầu tư phát triển giáo dục mầm non; ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp?

A. Quốc hội

**B.  Nhà nước**

C. Đảng

D. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ?

A. 04 tháng tuổi đến 06 tuổi

B. 06 tháng tuổi đến 06 tuổi

**C. 03 tháng tuổi đến 06 tuổi**

D. 02 tháng tuổi đến 06 tuổi

1. Theo Luật giáo dục 2019. Chọn phương án đúng về Nội dung giáo dục mầm non phải?

**a. Tất cả phương án đều đúng**

b. Tôn trọng sự khác biệt; phù hợp với các độ tuổi và liên thông với giáo dục tiểu học.

c. Bảo đảm phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em; hài hòa giữa bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục trẻ em

d. Phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, kỹ năng xã hội, trí tuệ, thẩm mỹ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương pháp giáo dục mầm non được quy định là?

A. Giáo dục mẫu giáo phải tạo điều kiện cho trẻ em được vui chơi, trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh bằng nhiều hình thức, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ em

B. Kích thích sự phát triển các giác quan, cảm xúc và các chức năng tâm sinh lý

C. Giáo dục nhà trẻ phải tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em được tích cực hoạt động, vui chơi, tạo sự gắn bó giữa người lớn với trẻ em

**D. Tất cả phương án**

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Chương trình giáo dục mầm non phải bảo đảm yêu cầu nào sau đây?

**A. Tất cả phương án**

B. Thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non

C. Quy định yêu cầu cần đạt ở mỗi độ tuổi, các hoạt động giáo dục, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ em

D. Thống nhất trong cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục mầm non

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục mầm non do Cơ quan nào thành lập để thẩm định chương trình giáo dục mầm non?

A. Sở giáo dục và Đào tạo

**B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

C. Chính phủ

D. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào ban hành chương trình giáo dục mầm non sau khi được thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục mầm non?

A. Nhà xuất bản giáo dục

**B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

C. Sở giáo dục

D. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục mầm non, Hội đồng phải có ít nhất bao nhiêu tổng số thành viên là nhà giáo đang giảng dạy ở giáo dục mầm non?

A. Một nửa

**B. Một phần ba**

C. Hai phần ba

D. Một phần tư

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục tiểu học được thực hiện trong bao nhiêu năm học?

A. 04 năm

B. 05 năm hoặc 6 năm

**C. 05 năm**

D. 06 năm

1. Theo Luật giáo dục 2019. Tuổi của học sinh vào học lớp một là bao nhiêu tuổi và được tính theo năm?

A. 05 tuổi

B. 07 tuổi

**C. 06 tuổi**

D. 06 tuổi hoặc 05 tuổi

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bao nhiêu năm học?

**A. 04 năm**

B. 04 năm hoặc 03 năm

C. 05 năm

D. 03 năm

1. Theo Luật giáo dục 2019. Tuổi của học sinh vào học lớp sáu là bao nhiêu tuổi và được tính theo năm?

A. 12 tuổi

B. 11 tuổi hoặc 12 tuổi

**C. 11 tuổi**

D. 10 tuổi hoặc 11 tuổi

Điều 28

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong 03 năm học?

**A. 03 năm**

B. 04 năm

C. 03 năm hoặc 04 năm

D. 02 năm hoặc 03 năm

1. Theo Luật giáo dục 2019. Tuổi của học sinh vào học lớp mười là bao nhiêu tuổi và được tính theo năm?  
   A. 16 tuổi

**B. 15 tuổi**

C. 14 tuổi

D. 15 tuổi hoặc 14 tuổi

1. Theo Luật giáo dục 2019. Học sinh học vượt lớp trong trường hợp nào?

A. Chỉ số IQ cao

B. Thông minh

**C. Phát triển sớm về trí tuệ**

D. Theo nguyện vọng của cha mẹ học sinh

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về trường hợp học sinh được học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định?

A. Học sinh học lưu ban; Học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh là người khuyết tật,

B. Học sinh kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh ở nước ngoài về nước

C. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật

**D. Tất cả các phương án đều đúng**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục phổ thông được chia thành những giai đoạn nào?

A. Giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục phát triển

**B. Giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp**

C. Giai đoạn giáo dục phổ thông và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp

D. Giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục giai đoạn nâng cao

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục phổ thông được chia thành bao nhiêu giai đoạn?

**A. 02 giai đoạn**

B. 02 giai đoạn hoặc 03 giai đoạn

C. 04 giai đoạn

D. 03 giai đoạn

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giai đoạn giáo dục cơ bản gồm cấp học nào?

**A. Tiểu học và cấp trung học cơ sở**

B. Mầm non; tiểu học và cấp trung học cơ sở

C. Tiểu học; cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp là cấp học nào?

A. Trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở

B. Trung học phổ thông; trung học cơ sở và Tiểu học

C. Trung học cơ sở

**D. Trung học phổ thông**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Học sinh trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp được học khối lượng kiến thức văn hóa ở cấp học nào?

**A. Trung học phổ thông.**

B. Trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở

C. Trung học cơ sở hoặc Tiểu học

D. Trung học cơ sở

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người có quyền quy định việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào học lớp một?

A. Thủ tướng Chính phủ

B. Chủ tịch nước

C. Chủ tịch Quốc hội

**D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp?

**A. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

B. Chủ tịch Quốc hội

C. Chủ tịch nước

D. Thủ tướng Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc." là?

A. Chương trình giáo dục phổ thông

B. Yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông

**C. Mục tiêu của giáo dục phổ thông**

D. Yêu cầu về phương pháp giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. “Giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở” là?

**A. Mục tiêu của giáo dục phổ thông**

B. Yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông

C. Chương trình giáo dục phổ thông

D. Yêu cầu về phương pháp giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. “Giáo dục trung học cơ sở nhằm củng cố và phát triển kết quả của giáo dục tiểu học; bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp” là?

**A. Mục tiêu của giáo dục phổ thông**

B. Yêu cầu về phương pháp giáo dục phổ thông

C. Yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông

D. Chương trình giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. “Giáo dục trung học phổ thông nhằm trang bị kiến thức công dân; bảo đảm cho học sinh củng cố, phát triển kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có hiểu biết thông thường về kỹ thuật, hướng nghiệp; có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” là?

A. Chương trình giáo dục phổ thông

B. Yêu cầu về phương pháp giáo dục phổ thông

C. Yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông

**D. Mục tiêu của giáo dục phổ thông**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Mục tiêu của giáo dục phổ thông "Nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo" thuộc về?

A. Giáo dục trung học phổ thông

B. Giáo dục tiểu học

C. Giáo dục trung học cơ sở

**D. Giáo dục phổ thông**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Mục tiêu của giáo dục phổ thông "Nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh" thuộc về của giáo dục?

**A. Giáo dục tiểu học**

B. Giáo dục trung học cơ sở

C. Giáo dục trung học phổ thông

D. Giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Mục tiêu của giáo dục phổ thông "Nhằm bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp" thuộc về của giáo dục?

A. Giáo dục trung học phổ thông

B. Giáo dục tiểu học

C. Giáo dục phổ thông

**D. Giáo dục trung học cơ sở**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Mục tiêu của giáo dục phổ thông "Nhằm trang bị kiến thức công dân" thuộc về của giáo dục?

A. Giáo dục phổ thông

**B. Giáo dục trung học phổ thông**

C. Giáo dục tiểu học

D. Giáo dục trung học cơ sở

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Củng cố, phát triển nội dung đã học ở tiểu học, bảo đảm cho học sinh có hiểu biết phổ thông cơ bản về tiếng Việt, toán, lịch sử dân tộc; kiến thức khác về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật, tin học, ngoại ngữ; có hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp;" là yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông ở cấp học nào sau đây?
2. Giáo dục trung học phổ thông
3. **Giáo dục trung học cơ sở**
4. Giáo dục tất cả các cấp học phổ thông
5. Giáo dục tiểu học
6. Theo Luật giáo dục 2019. “Phải bảo đảm tính phổ thông, cơ bản, toàn diện, hướng nghiệp và có hệ thống; gắn với thực tiễn cuộc sống, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục ở mỗi cấp học” là?

A. Yêu cầu về phương pháp giáo dục phổ thông

**B. Yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông**

C. Chương trình giáo dục phổ thông

D. Mục tiêu của giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Phải bảo đảm cho học sinh nền tảng phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, kỹ năng xã hội; có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có nhận thức đạo đức xã hội; có kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết và tính toán; có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh; có hiểu biết ban đầu về hát, múa, âm nhạc, mỹ thuật" là yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông ở cấp học nào sau đây?

**A. Giáo dục tiểu học**

B. Giáo dục trung học phổ thông

C. Tất cả các cấp học phổ thông

D. Giáo dục trung học cơ sở

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Củng cố, phát triển nội dung đã học ở tiểu học, bảo đảm cho học sinh có hiểu biết phổ thông cơ bản về tiếng Việt, toán, lịch sử dân tộc; kiến thức khác về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật, tin học, ngoại ngữ; có hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp;" là yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông ở cấp học nào sau đây?

A. Giáo dục tiểu học

B. Giáo dục trung học phổ thông

**C. Giáo dục trung học cơ sở**

D. Giáo dục tất cả các cấp học phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Củng cố, phát triển nội dung đã học ở trung học cơ sở, hoàn thành nội dung giáo dục phổ thông; bảo đảm chuẩn kiến thức phổ thông cơ bản, toàn diện và hướng nghiệp cho học sinh, có nội dung nâng cao ở một số môn học để phát triển năng lực, đáp ứng nguyện vọng của học sinh." là yêu cầu về nội dung giáo dục phổ thông ở cấp học nào sau đây?

A. Giáo dục tất cả các cấp học phổ thông

B. Giáo dục trung học cơ sở

**C. Giáo dục trung học phổ thông**

D. Giáo dục tiểu học

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh phù hợp với đặc trưng từng môn học, lớp học và đặc điểm đối tượng học sinh" là?

A. Chương trình giáo dục phổ thông

B. Nội dung giáo dục phổ thông

C. Mục tiêu của giáo dục phổ thông

**D. Phương pháp giáo dục phổ thông**

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học" là?

A. Chương trình giáo dục phổ thông

B. Mục tiêu giáo dục phổ thông

C. Nội dung giáo dục phổ thông

**D. Phương pháp giáo dục phổ thông**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Chọn phương án đúng về "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào quá trình giáo dục." là?

A. Nội dung giáo dục phổ thông

**B. Phương pháp giáo dục phổ thông**

C. Chương trình giáo dục phổ thông

D. Mục tiêu giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nội dung nào của giáo dục phổ thông thông nào được lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân và thực nghiệm trước khi ban hành; được công bố công khai sau khi ban hành?

A. Nội dung giáo dục phổ thông

B. Mục tiêu giáo dục phổ thông

C. Phương pháp giáo dục phổ thông

**D. Chương trình giáo dục phổ thông**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nội dung nào của giáo dục phổ thông thông nào yêu cầu thống nhất trong cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục phổ thông?

A. Mục tiêu giáo dục phổ thông

B. Phương pháp giáo dục phổ thông

**C. Chương trình giáo dục phổ thông**

D. Nội dung giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông do cơ quan nào thành lập để thẩm định chương trình giáo dục phổ thông?

A. Chủ tịch Quốc hội

B. Thủ tướng Chính phủ

C. Chủ tịch nước

**D.  Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông. Hội đồng phải có ít nhất bao nhiêu tổng số thành viên là nhà giáo đang giảng dạy ở cấp học tương ứng?

**A. Một phần ba**

B. Một nửa

C. Một phần tư

D. Hai phần ba

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người chịu trách nhiệm về chất lượng chương trình giáo dục phổ thông?

A. Hiệu trưởng trường phổ thông

B. Giám đốc sở giáo dục và Đào tạo

C. Thầy cô giáo và Hiệu trưởng trường phổ thông

**D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người quyết định việc thành lập hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định tài liệu giáo dục địa phương?

A. Giám đốc sở giáo dục và Đào tạo

B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

C. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

**D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người chịu trách nhiệm về sách giáo khoa giáo dục phổ thông; phê duyệt sách giáo khoa để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông sau khi được Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa thẩm định; quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa giáo dục phổ thông; quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động, tiêu chuẩn, số lượng và cơ cấu thành viên của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa và hội đồng thẩm định cấp tỉnh?

A. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Giám đốc sở giáo dục và Đào tạo

B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

**C. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

1. Theo Luật giáo dục 2019. Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa do ai là người dó quyền thành lập theo từng môn học, hoạt động giáo dục ở từng cấp học để thẩm định sách giáo khoa?

A. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Giám đốc sở giáo dục và Đào tạo

B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

**C. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

D. Thủ tướng Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Chọn phương án đúng về Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa, Hội đồng phải có ít nhất bao nhiêu tổng số thành viên là nhà giáo đang giảng dạy ở cấp học tương ứng?

A. Một phần tư

B. Hai phần ba

**C. Một phần ba**

D. Một nửa

1. Theo Luật giáo dục 2019. Tài liệu giáo dục địa phương do cơ quan nào tổ chức biên soạn đáp ứng nhu cầu và phù hợp với đặc điểm của địa phương, được hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt?

A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở giáo dục và Đào tạo

B. Sở giáo dục và Đào tạo

**C. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

D. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quyết định việc lựa chọn sách giáo khoa sử dụng ổn định trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo?

A. Sở giáo dục và Đào tạo

B. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**C. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Mỗi môn học có bao nhiêu sách giáo khoa?

A. Một sách giáo khoa

**B. Một hoặc một số sách giáo khoa**

C. Một số sách giáo khoa

D. Luật giáo dục 2019 không qui định

1. Theo Luật giáo dục 2019. Thực hiện xã hội hóa việc biên soạn sách giáo khoa; việc xuất bản sách giáo khoa thực hiện theo quy định của?

A. Quốc hội

B. Bộ Giáo dục và Đào tạo

**C.  Pháp luật**

D. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Chọn phương án đúng về Sách giáo khoa thể hiện dưới dạng?

A. Sách in, sách chữ nổi Braille, sách điện tử;

**B. Sách in, sách chữ nổi Braille, sách điện tử; sách giáo khoa**

C. Sách in, sách chữ nổi Braille

D. Sách in, sách điện tử, sách tham khảo

1. Luật Giáo dục 2019. Chọn phương án đúng về Mỗi môn học phổ thông sẽ có bao nhiêu sách giáo khoa?

A. Không có phương án nào đúng

B. Một số sách giáo khoa

C. Một sách giáo khoa

**D. Một hoặc một số sách giáo khoa**

1. Luật Giáo dục 2019. Việc xuất bản sách giáo khoa thực hiện theo quy định của?

A. Bộ Giáo dục và Đào tạo

B. Nhà nước

**C. Pháp luật**

D. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây không thuộc cơ sở giáo dục phổ thông?

A. Trường trung học phổ thông

B. Trường phổ thông có nhiều cấp học

**C. Trường giáo dưỡng**

D. Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở

1. Luật Giáo dục 2019. Trượt tốt nghiệp THPT được?

A. Cấp giấy chứng nhận học xong lớp 12

**B. Giấy Xác nhận hoàn thành chương trình**

C. Tất cả các phương án

D. Cấp giấy bảo lưu kết quả học tập 12 năm

1. Luật Giáo dục 2019. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi hoặc thi không đạt yêu cầu thì được Ai cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông?

A. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

B. Trưởng phòng giáo dục và Đào tạo

C. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo

**D. Hiệu trưởng nhà trường**

1. Luật Giáo dục Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo 2019. Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông được sử dụng để?

**A. Tất cả các phương án**

B. Sử dụng trong trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

C. Theo học giáo dục nghề nghiệp

D. Đăng ký dự thi lấy bằng tốt nghiệp trung học phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục nghề nghiệp không đào tạo trình độ nào sau đây?

**a. Đại học**

b. Cao đẳng

c.  Trung cấp

d. Sơ cấp

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dụch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học trình độ cao hơn" là của Mục tiêu của giáo dục nào  sau đây?

A. Mục tiêu của giáo dục thường xuyên

B. Mục tiêu của giáo dục đại học

**C. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp**

D. Mục tiêu của giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Tổ chức và hoạt động giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật nào?  
   **A.  Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật giáo dục 2019**

B.  Luật Giáo dục nghề nghiệp

C.  Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật giáo dục Đại học

D. Luật giáo dục 2019

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục đại học đào tạo trình độ nào?

a. Đại học, Cao học, tiến sĩ.

**b. Đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.**

c. Trung cấp, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

d. Sơ cấp, trung cấp, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Giáo dục đại học không đào tạo trình nào?

A. Đại học, Thạc sĩ

B. Tiến sĩ, Đại học

**C. Trung cấp, cao đẳng**

D. Thạc sĩ, Tiến sỹ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo dục đại học không đào tạo trình nào?  
   A. Thạc sĩ

B. Đại học

**C. Cao đẳng**

D. Tiến sĩ

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân." là của Mục tiêu của giáo dục nào  sau đây?
2. Mục tiêu của giáo dục phổ thông
3. **Mục tiêu của giáo dục đại học**
4. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp
5. Mục tiêu của giáo dục thường xuyên
6. Theo Luật giáo dục 2019. "Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế" là của Mục tiêu của giáo dục nào  sau đây?

A. Mục tiêu của giáo dục thường xuyên

B. Mục tiêu của giáo dục phổ thông

**C. Mục tiêu của giáo dục đại học**

D. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân." là của Mục tiêu của giáo dục nào sau đây?

A. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp

**B. Mục tiêu của giáo dục đại học**

C. Mục tiêu của giáo dục thường xuyên

D. Mục tiêu của giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Tổ chức và hoạt động giáo dục đại học được thực hiện theo quy định của Luật nào?

A. Luật Giáo dục 2019

B.  Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp

**C.  Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục 2019**

D.  Luật Giáo dục đại học

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Nhằm tạo điều kiện cho mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học tập suốt đời nhằm phát huy năng lực cá nhân, hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội; góp phần xây dựng xã hội học tập" là của Mục tiêu của giáo dục nào sau đây?

**A. Mục tiêu của giáo dục thường xuyên**

B. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp

C. Mục tiêu của giáo dục phổ thông

D. Mục tiêu của giáo dục đại học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhiệm vụ "Thực hiện xóa mù chữ cho người trong độ tuổi theo quy định của pháp luật" là nhiệm vụ của?

A. Nhiệm vụ của giáo dục nghề nghiệp

B. Nhiệm vụ của giáo dục đại học

C. Nhiệm vụ của giáo dục phổ thông

**D. Nhiệm vụ của giáo dục thường xuyên**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhiệm vụ "Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực làm việc; cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết trong cuộc sống cho mọi người; tạo cơ hội cho người có nhu cầu học tập nâng cao trình độ học vấn" là nhiệm vụ của?

A. Nhiệm vụ của giáo dục nghề nghiệp

B. Nhiệm vụ của giáo dục Đại học

**C. Nhiệm vụ của giáo dục thường xuyên**

D. Nhiệm vụ của giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Chương trình giáo dục thường xuyên?

**A. Tất cả các phương án đều đúng**

B. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; Chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân.

C. Chương trình xóa mù chữ

D. Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về "Chương trình xóa mù chữ" là chương trình giáo dục nào sau đây?

A. Chương trình giáo dục Đại học

**B. Chương trình giáo dục thường xuyên**

C. Chương trình giáo dục phổ thông

D. Chương trình giáo dục nghề nghiệp

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về "Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ" là chương trình giáo dục nào sau đây?

A. Chương trình giáo dục phổ thông

B. Chương trình giáo dục nghề nghiệp

**C. Chương trình giáo dục thường xuyên**

D. Chương trình giáo dục đại học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về "Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp" là chương trình giáo dục nào sau đây?

A. Chương trình giáo dục nghề nghiệp

B. Chương trình giáo dục Đại học

**C. Chương trình giáo dục thường xuyên**

D. Chương trình giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về "Chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân." là chương trình giáo dục nào sau đây?

A. Chương trình giáo dục nghề nghiệp

B. Chương trình giáo dục phổ thông

**C. Chương trình giáo dục thường xuyên**

D. Chương trình giáo dục Đại học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Hình thức thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên?

A. Học từ xa

**B. Tất cả các phương án đều đúng**

C. Vừa làm vừa học

D. Tự học, tự học có hướng dẫn; Hình thức học khác theo nhu cầu của người học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Hình thức học nào trong các phương án sau đây không phải là của hình thức thực hiên chương trình giáo dục thường xuyên?

A. Học từ xa

B. Tự học, tự học có hướng dẫn

**C. Học tập trung**

D. Vừa làm vừa học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương pháp giáo dục thường xuyên phải phát huy tính chủ động của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực nào?

A. Năng lực tự nghiên cứu

B. Năng lực vận dụng

**C. Năng lực tự học**

D. Năng lực thực tiễn

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết về chương trình, sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu giáo dục thường xuyên?  
   A. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

C. Thủ tướng Chính phủ

D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Cơ sở giáo dục thường xuyên?

A. Trung tâm học tập cộng đồng

**B. Tất cả các phương án đều đúng**

C. Trung tâm giáo dục thường xuyên; Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

D. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Theo Luật giáo dục 2019. Việc liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học được thực hiện theo quy định của Luật nào?  
   A. Luật Lao động

B. Luật Giáo dục phổ thông

**C. Luật Giáo dục đại học.**

D. Luật Giáo dục nghề nghiệp

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ, được thực hiện tại cơ sở giáo dục thường xuyên nào?

A. Trung tâm học tập cộng đồng

B. Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

**C. Tất cả các phương án đều đúng**

D. Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Chương trình xóa mù chữ, không được thực hiện tại cơ sở giáo dục thường xuyên nào?

**A. Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên**

B. Trung tâm học tập cộng đồng

C. Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học khi thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên phải được cơ quan nào cho phép?

A. Nhà nước

**B. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục có thẩm quyền**

C. Chính phủ

D. Bộ Lao động thương binh và xã hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Trường tư thục hoạt động?

A. Xã hội hoá

B. Vì lợi nhuận

**C. Không vì lợi nhuận**

D. Đa dạng hoá loại hình giáo dục

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Việc chuyển đổi loại hình nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được thực hiện theo nguyên tắc nào sau đây?

A. Bảo đảm quyền của giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động và người học; Không làm thất thoát đất đai, vốn và tài sản

B. Thực hiện quy định của điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của loại hình nhà trường ở mỗi cấp học, trình độ đào tạo

C. Chỉ chuyển đổi loại hình nhà trường từ trường tư thục sang trường tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

**D. Tất cả các phương án đều đúng**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được tổ chức theo các loại hình nào sau đây?

A. Trường công lập; Trường dân lập

B. Trường dân lập; Trường tư thục

C. Trường công lập; Trường tư thục

**D. Trường công lập; Trường dân lập; Trường tư thục**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết việc chuyển đổi loại hình nhà trường quy định Việc chuyển đổi loại hình nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân?

A. Bộ giáo dục và Đào tạo

**B. Chính phủ**

C. Nhà nước

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quyết định thành lập trường công lập và cho phép thành lập trường dân lập, trường tư thục đối với trường mầm non, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú ( Không phải do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị)

**A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

B. Giám đốc sở giáo dục và Đào tạo

C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào quyết định thành lập trường công lập và cho phép thành lập trường dân lập, trường tư thục đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung cấp trên địa bàn tỉnh, trừ trường trung cấp trực thuộc và trường do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị.

A. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

B. Giám đốc sở Giáo dục và Đạo tạo

**C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào quyết định thành lập trường công lập và cho phép thành lập trường dân lập, trường tư thục đối với trường trung cấp trực thuộc?

**A. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ**

B. Thủ tướng Chính phủ

C. Chủ tich nước

D. Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào quyết định thành lập trường công lập và cho phép thành lập trường dân lập, trường tư thục đối với trường dự bị đại học, cao đẳng sư phạm và trường trực thuộc Bộ; trường mầm non, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị

A. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quang ngang bộ

**B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

C. Bộ trưởng Bộ ngoại giao

D. Thủ tướng Chính phủ

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào quyết định thành lập trường công lập và cho phép thành lập trường dân lập, trường tư thục đối với trường cao đẳng, trừ trường cao đẳng sư phạm?

A. Thủ tướng Chính phủ

**B. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

C. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ

D. Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào quyết định thành lập trường công lập và cho phép thành lập trường dân lập, trường tư thục đối với cơ sở giáo dục đại học?

A. Chủ tịch nước

**B. Thủ tướng Chính phủ**

C. Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội

D. Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Ai là người có quyền cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học. Thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường ở các cấp học, trình độ đào tạo khác thực hiện theo quy định của Chính phủ?

**A. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và Xã hội

C. Thủ tướng Chính phủ

D. Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và Xã hội

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết điều kiện, thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập; cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục; sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường quy định?

**A. Chính phủ**

B. Bộ Lao động thương binh và xã hội

C. Tất cả các phương án

D. Bộ giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ban hành điều lệ nhà trường, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục?

**A.  Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,**

B. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

C.  Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

D. Hiệu trưởng nhà trường

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định điều kiện học sinh được học trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học?

**a. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

b. Bộ trưởng Lao động thương binh và Xã hội

c. Nhà nước

d. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chương trình giáo dục nâng cao, quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên, trường năng khiếu?

A. Chính phủ

B. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

C.  Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

**D.  Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan nào quy định chương trình giáo dục cho trường giáo dưỡng?

A. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

C. Bộ tư pháp

D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Viện Hàn lâm, viện do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ được phép đào tạo trình độ nào?

**A. Tiến sĩ.**

B. Thạc sĩ

C. Cư nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ.

D. Thạc sĩ và Tiến sĩ.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà giáo giảng dạy ở cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục khác, giảng dạy trình độ sơ cấp, trung cấp gọi là?

A. Giảng viên

**B.  Giáo viên**

C. Thầy, cô giáo

D. Nhà giáo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà giáo giảng dạy từ trình độ cao đẳng trở lên gọi là?  
   **A. Giảng viên.**

B. Thầy, cô giáo

C. Giáo viên

D. Nhà giáo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà giáo phải đáp ứng bao nhiêu tiêu chuẩn?

A. 5 tiêu chuẩn

**B. 4 tiêu chuẩn**

C. 3 tiêu chuẩn

D. 2 tiêu chuẩn

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Nhà giáo phải đáp ứng tiêu chuẩn nào sau đây?

A. Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm

B. Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt

**C. Tất cả các phương án đều đúng**

D. Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư?

A. Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ

**B. Thủ tướng Chính phủ**

C. Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo

D. Chủ tịch nước

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà giáo có bao nhiêu nhiệm vụ?

A. 4 nhiệm vụ

**B. Hơn 4 nhiệm vụ**

C. 2 nhiệm vụ

D. 3 nhiệm vụ

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục." là?

**A. Nhiệm vụ của nhà giáo**

B. Quyền của nhà giáo

C. Nghĩa vụ của nhà giáo

D. Trách nhiệm của nhà giáo

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo." là?

A. Trách nhiệm của nhà giáo

B. Quyền của nhà giáo

C. Nghĩa vụ của nhà giáo

**D. Nhiệm vụ của nhà giáo**

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học." là?

A. Nghĩa vụ của nhà giáo

B. Quyền của nhà giáo

**C. Nhiệm vụ của nhà giáo**

D. Trách nhiệm của nhà giáo

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học." là?

**a. Nhiệm vụ của nhà giáo**

b. Trách nhiệm của nhà giáo

c. Nghĩa vụ của nhà giáo

d. Quyền của Nhà giáo

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Được hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục khác hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học." là?

A. Nhiệm vụ của nhà giáo

B. Nghĩa vụ của nhà giáo

**C. Quyền của nhà giáo**

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể." là?

A. Nghĩa vụ của nhà giáo

B. Trách nhiệm của nhà giáo

C. Nhiệm vụ của nhà giáo

**D. Quyền của nhà giáo**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Có bao nhiêu quyền của nhà giáo?

A. 6 quyền của nhà giáo

**B. 5 quyền của nhà giáo**

C. 3 quyền của nhà giáo

D. 4 quyền của nhà giáo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Người được cơ sở giáo dục mời giảng dạy được gọi là?

**A. Giáo viên thỉnh giảng hoặc giảng viên thỉnh giảng.**

B. Giáo viên thỉnh giảng

C. Giảng viên thỉnh giảng.

D. Thầy, cô thỉnh giảng

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo viên Tiểu học, Trung học Cơ sở và Trung học phổ thông qui định chuẩn trình độ đào tạo có bằng tốt nghiệp?

A. Tất cả các phương án

B. Cao đẳng trở lên

**C. Đại học trở lên**

D. Trung cấp trở lên

1. Theo Luật giáo dục 2019. Giáo viên Mầm non qui định chuẩn trình độ đào tạo có bằng tốt nghiệp?

A. Cao đẳng trở lên

**B. Cao đẳng sư phạm trở lên**

C. Trung cấp sư phạm trở lên

D. Đại học trở lên

1. Theo Luật giáo dục 2019. Qui định chuẩn trình độ đào tạo, đối với nhà giáo giảng dạy trình độ đại học có bằng tốt nghiệp?

A. Đại học

B. Tiến sỹ

C. Thạc sỹ

**D. Thạc sỹ hoặc Tiến sỹ**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Qui định chuẩn trình độ đào tạo, đối nhà giáo giảng dạy, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ?

A. Đại học

B. Thạc sĩ

C. Thạc sỹ hoặc Tiến sỹ

**D. Tiến sỹ**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án nào sau đây là đúng?

A. Giáo viên tiểu học đó là “Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm trở lên”

B. Tất cả phương án đều đúng

**C. Không bắt buộc tất cả giáo viên tiểu học có bằng sư phạm**

D. Bắt buộc tất cả giáo viên tiểu học có bằng sư phạm

1. Theo Luật giáo dục 2019. Chọn phương án đúng về Quy định về trình độ chuẩn của giáo viên tiểu học đó là?

**A. Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học. trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.**

B. Tất cả các phương án đều đúng

C. Có bằng cao đẳng thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học. trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cao đẳng thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

D. Có bằng trung cấp thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học. trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng trung cấp thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có chính sách đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo?

A. Đảng

B. Chính phủ

C. Bộ giáo dục và Đào tạo

**D. Nhà nước**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà giáo được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng lương và phụ cấp theo quy định của cơ quan nào?

**A. Chính phủ**

B. Bộ giáo dục và Đào tạo

C. Bộ tài chính

D. Bộ Lao động thương binh và xã hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo gồm?

A. cơ sở giáo dục có khoa sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

**B. trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.**

C. trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm

D. trường sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục gồm?

A. trường sư phạm, cơ sở giáo dục đại học có khoa quản lý giáo dục

B**. trường sư phạm, cơ sở giáo dục đại học có khoa quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục**

C. cơ sở giáo dục đại học có khoa quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục

D. trường sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người có quyền trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục?

A. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

C. Thủ tướng Chính phủ

D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây là đúng?

A. Nhà giáo được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ

B. Nhà giáo được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

C. Không có phương án nào đúng

**D. Bỏ phụ cấp thâm niên ra khỏi cơ cấu tiền lương của giáo viên**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây là đúng?

A. Nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp; được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

B. Nhà giáo được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ.

C. Nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp; được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

**D. Nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp; được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của Chính phủ.**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp; được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của?

A. Bộ giáo dục và Đào tạo

**B. Chính phủ**

C. Bộ lao động thương binh và xã hội

D. Bộ Tài chính

1. Luật Giáo dục 2019 quy định: “Nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp; được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của cơ quan nào”.

A. Bộ Giáo dục và Đào tạo

**B. Chính phủ**

C. Nhà nước

D. Bộ Tài chính

1. Theo Luật giáo dục 2019. Chọn phương án đúng về Nhà giáo công tác tại cơ sở giáo dục nào được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi?

A. trường chuyên, trường năng khiếu, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú,

B. trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường giáo dưỡng hoặc trường chuyên biệt khác, nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập

C. trường dự bị đại học

**D. Tất cả các phương án đều đúng**

1. Theo Luật Giáo dục 2019. Xác định phương án đúng?

A. Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về chế độ phụ cấp và các chính sách khác đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

B. Nhà nước có chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình.

**C. Tất cả các phương án đều đúng**

D. Nhà giáo công tác tại trường chuyên, trường năng khiếu, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường giáo dưỡng hoặc trường chuyên biệt khác, nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có chính sách khuyến khích, ưu đãi về chế độ phụ cấp và các chính sách khác đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn?

A. Bộ tài chính

B. Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động thương binh và xã hội

**C. Nhà nước**

D. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết Chính sách đối với nhà giáo?

A. Bộ giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động thương binh và xã hội

**B. Chính phủ**

C. Bộ Tài chính

D. Nhà nước

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thì được cơ quan nào phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú?

A. Bộ giáo dục và Đào tạo

B. Quốc hội

C. Chính phủ

**D. Nhà nước**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà hoạt động chính trị, xã hội có uy tín quốc tế, nhà giáo, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam được cơ sở giáo dục đại học phong tặng danh hiệu?  
   **A. Tiến sĩ danh dự.**

B. Nhà giáo ưu tú danh dự

C. Nhà giáo nhân dân danh dự.

D. Tiến sĩ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà hoạt động chính trị, xã hội có uy tín quốc tế, nhà giáo, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam, có bằng tiến sĩ, được cơ sở giáo dục đại học phong tặng danh hiệu?

A. Nhà giáo nhân dân danh dự

B. Nhà giáo ưu tú danh dự

C. Tiến sĩ danh dự

**D. Giáo sư danh dự**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết Phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự, Giáo sư danh dự?

**A. Chính phủ**

B. Nhà nước

C. Bộ giáo dục và Đào tạo

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non có các quyền nào sau đây?

A. Được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

B. Được chăm sóc sức khỏe và bảo vệ theo quy định của Luật Trẻ em và quy định khác của pháp luật có liên quan

**C. Tất cả các phương án**

D. Được miễn, giảm giá vé đối với các dụch vụ vui chơi, giải trí công cộng.

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chính sách đối với trẻ em A. Nhà nước

B. Bộ giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động thương binh và Xã hội

**C. Chính phủ**

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Có bao nhiêu nhiệm vụ của người học?

**A. 5**

B. 6

C. 4

D. 3

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về nhiệm vụ của người học?

A. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực

**B. Tất cả các phương án đều đúng**

C. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, quy tắc ứng xử của cơ sở giáo dục; Giữ gìn, bảo vệ tài sản của cơ sở giáo dục; Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục

D. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và người lao động của cơ sở giáo dục; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện nội quy, điều lệ, quy chế của cơ sở giáo dục; chấp hành quy định của pháp luật

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Giữ gìn, bảo vệ tài sản của cơ sở giáo dục" là:

A. Trách nhiệm của người học

B. Quyền của người học

C. Nghĩa vụ của người học

**D. Nhiệm vụ của người học.**

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục" là:

a. Nghĩa vụ của người học

**b. Nhiệm vụ của người học**

c. Quyền của người học

d. Trách nhiệm của người học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Có bao nhiêu quyền của người học?

a. 9

**b. 10**

c. 7

d. 8

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Học tập trong môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh" là:

A. Nhiệm vụ của người học

**B. Quyền của người học**

C. Trách nhiệm của người học

D. Nghĩa vụ của người học

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Được tôn trọng; bình đẳng về cơ hội giáo dục và học tập; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh; được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình" là:

A. Trách nhiệm của người học

**B. Quyền của người học**

C. Nhiệm vụ của người học

D. Nghĩa vụ của người học

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, điều kiện và thời hạn vay tiền để người học có điều kiện học tập?

A. Chính phủ

B. Ngân hàng nhà nước

**C.  Nhà nước**

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết **H**ọc bổng, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt?

A. Bộ Giáo dục và Đào tạo

**B.  Chính phủ**

C. Bộ tài chính

D. Nhà nước

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo?\

A. Chính phủ

B. Quốc hội

C. Bộ Giáo dục và Đào tạo

**D. Nhà nước**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà nước có chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho đối tượng nào sau đây?

A. người học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp

B. học sinh đạt kết quả học tập xuất sắc ở trường chuyên, trường năng khiếu

C. người học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên ở cơ sở giáo dục đại học

**D. Tất cả các phương án**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà nước có chính sách **cấp học bổng chính sách** cho đối tượng nào?

A. học sinh trường dự bị đại học; trường phổ thông dân tộc nội trú

B. sinh viên hệ cử tuyển

**C. Tất cả các phương án**

D. người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật.

1. Luật Giáo dục 2019. Học sinh, sinh viên sư phạm được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt sau bao nhiêu năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí mà Nhà nước đã hỗ trợ.

A. 04 năm

B. 03 năm

C. 01 năm

**D. 02 năm**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Học sinh, sinh viên sư phạm được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học. Người được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt sau bao nhiêu năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí mà Nhà nước đã hỗ trợ. Thời hạn hoàn trả tối đa bằng thời gian đào tạo?

**A. 02 năm**

B. 03 năm

C. 04 năm

D. 01 năm

1. Theo Luật giáo dục 2019. Học sinh, sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm giá vé khi sử dụng các dụch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của cơ quan nào?

A. Bộ giáo dục và Đào tạo

B. Bộ tài chính

C. Nhà nước

**D. Chính phủ.**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định chi tiết tiêu chuẩn và đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển; việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển và việc tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp?

**a. Chính phủ**

b. Nhà nước

c. Bộ Lao động thương binh và xã hội; Bộ giáo dục và Đào tạo

d. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào căn cứ vào nhu cầu của địa phương đề xuất, phân bổ chỉ tiêu cử tuyển; cử người đi học theo tiêu chuẩn, chỉ tiêu được duyệt; xét tuyển và bố trí việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp?

**A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

B. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cấp huyện và cấp xã

C. Chính phủ

D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cấp huyện

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào thực hiện tuyển sinh vào trung cấp, cao đẳng, đại học theo chế độ cử tuyển đối với học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người; học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; có chính sách tạo nguồn cử tuyển, tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng này vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và tăng thời gian học dự bị đại học?

A. Uỷ ban thường vụ Quốc hội

**B. Nhà nước**

C. Chính phủ

D. Bộ giáo dục và Đào tạo

1. Theo Luật giáo dục 2019. "thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, quy tắc ứng xử" là trách nhiệm của?

A. Trách nhiệm của gia đình

**B. Trách nhiệm của nhà trường**

C. Trách nhiệm của xã hội

D. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

1. Theo Luật giáo dục 2019. "chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để tổ chức hoặc tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường, bảo đảm an toàn cho người dạy và người học" là trách nhiệm của?

A. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

B. Trách nhiệm của xã hội

C. Trách nhiệm của gia đình

**D. Trách nhiệm của nhà trường**

1. Theo Luật giáo dục 2019. "thông báo về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ." là trách nhiệm của?

A. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

B. Trách nhiệm của xã hội

**C. Trách nhiệm của nhà trường**

D. Trách nhiệm của gia đình

1. Theo Luật giáo dục 2019. "tôn trọng nhà giáo, không được xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo" là trách nhiệm của?

A. Trách nhiệm của xã hội

**B. Trách nhiệm của gia đình**

C. Trách nhiệm của nhà trường

D. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Tiếp nhận thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của con hoặc người được giám hộ." là trách nhiệm của?

A. Trách nhiệm của gia đình

B. Trách nhiệm của nhà trường

C. Trách nhiệm của xã hội

**D. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Không tổ chức **Ban đại diện cha mẹ học sinh, trẻ mầm non,**ở?

**A. liên trường và ở các cấp hành chính.**

B. liên trường

C. các cấp hành chính.

D. Cơ quan chuyên môn của Uỷ ban nhân cấp tỉnh, huyện

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ban đại diện cha mẹ học sinh, trẻ mầm non được tổ chức trong mỗi năm học ở?

A. giáo dục mầm non

B. giáo dục phổ thông; giáo dục mầm non và giáo dục thường xuyên

**C. giáo dục phổ thông và giáo dục mầm non**

D. giáo dục phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ban đại diện cha mẹ học sinh, trẻ mầm non được tổ chức trong mỗi năm học ở giáo dục phổ thông và giáo dục mầm non, do cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, trẻ mầm non từng lớp, từng trường cử ra để phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh, trẻ mầm non và hoạt động theo quy định của cơ quan nào?

A. Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội

B. Thủ tướng Chính phủ

C. Chủ tịch nước

**D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Hỗ trợ, hợp tác với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện cho nhà giáo và người học tham quan, hoạt động trải nghiệm, thực tập, nghiên cứu khoa học." là trách nhiệm của?

A. Trách nhiệm của gia đình

**B. Trách nhiệm của xã hội**

C. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

D. Trách nhiệm của nhà trường

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Tham gia xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, ngăn chặn hoạt động có ảnh hưởng xấu đến người học" là trách nhiệm của?

**A. Trách nhiệm của xã hội**

B. Trách nhiệm của giai đình

C. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

D. Trách nhiệm của nhà trường

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Tạo điều kiện để công dân trong độ tuổi quy định thực hiện nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục, hoàn thành giáo dục bắt buộc để người học được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh" là trách nhiệm của?

**A. Trách nhiệm của xã hội**

B. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

C. Trách nhiệm của nhà trường

D. Trách nhiệm của gia đình

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Hỗ trợ các nguồn lực cho phát triển sự nghiệp giáo dục theo khả năng của mình" là trách nhiệm của?

A. Trách nhiệm của gia đình

B. Trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

**C. Trách nhiệm của xã hội**

D. Trách nhiệm của nhà trường

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có trách nhiệm động viên toàn dân chăm lo cho sự nghiệp giáo dục?

**A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận**

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; Gia đình và xã hội

C.  Các tổ chức thành viên của Mặt trận

D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có trách nhiệm phối hợp với nhà trường giáo dục, vận động thanh niên, thiếu niên và nhi đồng gương mẫu trong học tập, rèn luyện và tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục?

a. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Xã hội

b. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và gia đình

**c. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh**

d. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Xã hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ khuyến học, quỹ bảo trợ giáo dục?

**A. Nhà nước**

B. Hội khuyến học Việt nam

C. Bộ giáo dục và Đào tạo

D. Chính phủ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Việc thành lập và hoạt động của quỹ khuyến học, quỹ bảo trợ giáo dục thực hiện theo quy định của?

A. Luật giáo dục đại học

**B. Pháp luật.**

C. Luật giáo dục nghề nghiệp

D. Luật giáo dục 2019

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nhà nước ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu là bao nhiêu phần trăm tổng chi ngân sách nhà nước?

A. 5%

B. 10%

**C. 20%**

D. 15%

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào có trách nhiệm đưa việc xây dựng trường học, công trình thể dục, thể thao, văn hóa, nghệ thuật phục vụ giáo dục vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương; ưu tiên đầu tư tài chính và đất đai cho việc xây dựng trường học và ký túc xá cho học sinh, sinh viên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội?

A. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân

B. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp

**C. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp**

D. Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp

1. Theo Luật giáo dục 2019. Các khoản đóng góp, tài trợ cho giáo dục của tổ chức, cá nhân được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về?

A. Khen thưởng

B. Tài trợ

**C. Thuế.**

D. Ghi công

1. Theo Luật giáo dục 2019.  Học sinh nào trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí?

A. tiểu học và trung học cơ sở

**B. tiểu học**

C. trung học phổ thông

D. trung học cơ sở

1. Luật Giáo dục 2019. Lộ trình miễn học phí do cơ quan nào quy định.

**A. Chính phủ**

B. Bộ Giáo dục và Đào tạo

C. Bộ tài chính

D. Nhà nước

1. **Theo**Luật Giáo dục 2019. Miễn học phí cho bậc nào theo lộ trình?

A. Tiểu học

**B. Trung học cơ sở**

C. Trung học phổ thông

D. Mầm non

1. Theo Luật giáo dục 2019. Trẻ em mầm non bao nhiêu tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo được miễn học phí?

A. 03 tuổi

B. 04 tuổi

C. 05 tuổi hoặc 04 tuổi

**D. 05 tuổi**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Đối tượng nào được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định?

A. Trẻ em mầm non 04 tuổi không ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo

**B. Học sinh trung học cơ sở; trẻ em mầm non 05 tuổi không ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số,**

C. Tất cả phương án

D. Trung học cơ sở và trung học phổ thông

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định cơ chế thu và quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập?

A. Nhà nước

B. Bộ tài chính

C. Quốc hội

**D. Chính phủ**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ở địa bàn không đủ trường công lập, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do cơ quan nào quyết định?

A. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

B. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện

**C. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

D. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dụch vụ tuyển sinh các cấp học do địa phương quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua?

A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã

**B. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

C. Chính phủ

D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cấp huyện

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục nào được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và các dụch vụ khác bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp

A. Cơ sở giáo dục dân lập

**B. Cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục tư thục**

C. Cơ sở giáo dục tư thục

D. Cơ sở giáo dục tư thục; cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục công lập

Điều 99

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục nào hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính theo quy định của pháp luật?

a. Cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục tư thục và cơ sở giáo dục công lập

b. Cơ sở giáo dục dân lập

**c. Cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục tư thục**

d. Cơ sở giáo dục tư thục

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục phải công bố công khai chi phí của dụch vụ giáo dục, đào tạo và mức thu phí cho từng năm học đối với cơ sở giáo dục nào?

A. giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên

B. giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên

**C. giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông**

D. giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ sở giáo dục phải công bố công khai chi phí của dụch vụ giáo dục, đào tạo và mức thu phí cho từng năm học và dự kiến cho cả khóa học đối với cơ sở giáo dục nào?

a. giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên

b. giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên

**c. giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học**

d. giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên

1. Theo Luật giáo dục 2019. Tài sản của trường dân lập thuộc sở hữu của pháp nhân nhà trường. Tài sản của trường dân lập được cơ quan nào bảo hộ theo quy định của pháp luật?

A. Bộ giáo dục và Đào tạo

B. Chính phủ

C. Quốc hội

**D. Nhà nước**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Việc chuyển nhượng vốn đối với trường nào phải bảo đảm sự ổn định và phát triển của trường, được thực hiện theo quy định của Chính phủ?

A. trường tư thục, trường công lập

B. trường dân lập, trường công lập

C. trường dân lập, trường tư thục, trường công lập

**D. trường dân lập, trường tư thục**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nội dung "Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục" là?

**A. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục**

B. Nội dung quản lý giáo dục

C. Mục tiêu quản lý nhà nước về giáo dục

D. Yêu cầu quản lý nhà nước về giáo dục

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nội dung "Quy định tiêu chuẩn chức danh, chế độ làm việc của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục" là?

**A. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục**

B. Mục đích quản lý nhà nước về giáo dục

C. Nội dung quản lý giáo dục

D. Yêu cầu quản lý nhà nước về giáo dục

1. Theo Luật giáo dục 2019. Nội dung "Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục; giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục." là?

A. Nội dung quản giáo dục

**B. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục**

C. Mục tiêu quản lý nhà nước về giáo dục

D. Yêu cầu quản lý nhà nước về giáo dục

1. Theo Luật giáo dục 2019. Chính phủ trình cơ quan nào  trước khi quyết định việc áp dụng đại trà đối với chính sách mới trong giáo dục đã được thí điểm thành công mà việc áp dụng đại trà sẽ ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trong phạm vi cả nước?  
   A. Hội đồng giáo dục Quốc gia

B. Nhà nước

**C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

D. Quốc hội

1. Theo Luật giáo dục 2019. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nào?

A. giáo dục nghề nghiệp, giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm, giáo dục thường xuyên

B. giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm, giáo dục thường xuyên

**C. giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm, giáo dục thường xuyên**

D. giáo dục nghề nghiệp, giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm

1. Theo Luật giáo dục 2019. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nào, trừ trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm?

A. giáo dục thường xuyên, giáo dục dạy nghề

B. giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên

C. giáo dục thường xuyên

**D. giáo dục nghề nghiệp**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; việc hợp tác về giáo dục với tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

**A. Chính phủ**

B. Nhà nước

C. Bộ ngoại giao

D. Bộ giáo dục và đào tạo và Bộ ngoại giao

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục" là?

A. Đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục

B. Nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục

**C. Mục tiêu kiểm định chất lượng giáo dục**

1. Theo Luật giáo dục 2019. "Độc lập, khách quan, đúng pháp luật" là?

A. Mục tiêu kiểm định chất lượng giáo dục

**B. Nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục**

C. Đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục?

A. Trung thực, công khai, minh bạch

**B. Độc lập, khách quan, đúng pháp luật**

C. Tất cả các phương án đều đúng

D. Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Mục tiêu kiểm định chất lượng giáo dục?

**A. Xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo trong từng giai đoạn**

B. Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.

C. Trung thực, công khai, minh bạch

D. Độc lập, khách quan, đúng pháp luật

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây không phải là nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục?

a. Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ

b. Trung thực, công khai, minh bạch

**c. Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáodục**

d. Độc lập, khách quan, đúng pháp luật

1. Theo Luật giáo dục 2019. Phương án nào sau đây không phải là của Mục tiêu kiểm định chất lượng giáo dục?

**A. Độc lập, khách quan, đúng pháp luật**

B. Làm căn cứ để cơ sở giáo dục giải trình với chủ sở hữu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các bên liên quan và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục

C. Làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo, cho nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực

D. Xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo trong từng giai đoạn

1. Theo Luật giáo dục 2019. Đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục?

A. Chương trình đào tạo các trình độ đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

B. Cơ sở giáo dục

**C. Tất cả các phương án**

D. Cơ sở giáo dục đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Nội dung quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục?  
   A. Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục ở từng cấp học, trình độ đào tạo; nguyên tắc hoạt động, điều kiện và tiêu chuẩn của tổ chức, cá nhân hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; cấp, thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục

B. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục

C. Quản lý hoạt động kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục; Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục

**D. Tất cả các phương án đều đúng**

1. Theo Luật giáo dục 2019. Xác định phương án đúng về Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục?

A. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do Nhà nước thành lập

**B. Tất cả các phương án đều đúng**

C. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài thành lập

D. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài

1. Theo Luật giáo dục 2019. Kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật nào?

A. Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục 2019

**B. Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục đại học**

C.  Luật Giáo dục đại học

D. Luật Giáo dục nghề nghiệp

1. Theo Luật giáo dục 2019. Ai là người có quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và quy định trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên?

A.  Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội

**B.  Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

C. Tổng thanh tra chính phủ

D. Cục trưởng cục khảo thí

1. Theo Luật giáo dục 2019. Cơ quan nào quy định điều kiện, thủ tục thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quy định điều kiện và thủ tục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài được công nhận hoạt động tại Việt Nam?

**A. Chính phủ**

B. Nhà nước

C. Quốc hội

D. Bộ ngoại giao

1. Luật giáo dục 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày nào?

**A. Ngày 01 tháng 7 năm 2020.**

B. Ngày 01 tháng 6 năm 2020.

C. Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

D. Ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Quyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTquyđịnhvềnộidunggì?
2. **Đạođứcnhàgiáo.**
3. Chuẩnnghềnghiệpgiáoviên.
4. Nhữngđiềugiáoviênkhôngđượclàm.
5. Điềulệtrườngphổthông.
6. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,đốitượngnàothuộcđốitượngápdụngnhữngquyđịnhcủaquyếtđịnhnày?
7. **Nhàgiáođanglàmnhiệmvụgiảngdạy,giáodụcởcáccơsởgiáodụcthuộchệthốnggiáodụcquốcdân.**
8. Giáoviênmầmnon,tiểuhọcvàTHCS
9. Giáoviênphổthông.
10. Giáoviêncáctrườngcônglập.
11. Cáchànhvinhàgiáokhôngđượclàm:“trốntránhtráchnhiệm,thoáithácnhiệmvụ,tựýbỏviệc;khôngđimuộnvềsớm,bỏgiờ,bỏbuổidạy,cắtxén,dồnépchươngtrình,viphạmquychếchuyênmônlàmảnhhưởngđếnkỷcương,nềnếpcủanhàtrườngđượcquyđịnhtại:
12. **Quyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo.**
13. Luậtgiáodụcnăm2005,sửađổinăm2009.
14. Thôngtư30/2009/TT-BGDDTbanhànhQuyđịnhChuẩnnghềnghiệpgiáoviêntrunghọccơsở,giáoviêntrunghọcphổthông.
15. Thôngtư41/2010/TT-BGDĐT,điềulệtrườngtiểuhọc.
16. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,tạiđiều3.Phẩmchấtchínhtrịquyđịnhcụthểbằngbaonhiềumục?
17. 2
18. **3**
19. 4
20. 5
21. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,tạiđiều4.Đạođứcnghềnghiệp,quyđịnhcụthểbằngbaonhiềumục?
22. 2
23. **3**
24. 4
25. 5
26. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvề đạođứcnhàgiáo,tạiđiều5.Lốisống,tácphong,quyđịnhcụthểbằngbaonhiềumục?
27. 4
28. 5
29. **6**
30. 7
31. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,tạiđiều6.Giữgìn,bảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo,quyđịnhcụthểbằngbaonhiềumục?
32. 9
33. 10
34. **11**
35. 12
36. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,tạichươngII–Nhữngquyđịnhcụthể,đượcquyđịnhbằngbaonhiềuđiều?
37. **4**
38. 5
39. 6
40. 7
41. Quyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,đượcápdụngtừnămnào?
42. 2006
43. 2007
44. **2008**
45. 2009
46. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“Cóýthứctổchứckỷluật,chấphànhnghiêmsựđiềuđộng,phâncôngcủatổchức;cóýthứctậpthể,phấnđấuvìlợiíchchung”.làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
47. **Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.**
48. Điều5-Lốisống,tácphong.
49. Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.
50. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
51. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“Chấphànhnghiêmchỉnhchủtrương,đườnglối,chínhsáchcủaĐảng,phápluậtcủaNhànước;thihànhnhiệmvụtheođúngquyđịnhcủaphápluật.Khôngngừnghọc

tập,rènluyệnnângcaotrìnhđộlýluậnchínhtrịđểvậndụngvàohoạtđộnggiảngdạy,giáodụcvàđápứngyêucầunhiệmvụđượcgiao”.làmộttrongnhữngquyđịnhtại:

1. **Điều3-Phẩmchấtchínhtrị**.
2. Điều5-Lốisống,tácphong
3. Điều4-Đạođứcnghềnghiệp
4. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
5. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“Côngbằngtronggiảngdạyvàgiáodục,đánhgiáđúngthựcchấtnănglựccủangườihọc;thựchànhtiếtkiệm,

chốngbệnhthànhtích,chốngthamnhũng,lãngphí”làmộttrongnhữngquyđịnhtại:

1. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
2. Điều5-Lốisống,tácphong
3. **Điều4-Đạođứcnghềnghiệp**
4. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
5. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvề đạođứcnhàgiáo,“Gươngmẫuthựchiệnnghĩavụcôngdân,tíchcựcthamgiacáchoạtđộngchínhtrị,xãhội”.làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
6. **Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.**
7. Điều5-Lốisống,tácphong
8. Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.
9. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
10. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“Côngbằngtronggiảngdạyvàgiáodục,đánhgiáđúngthựcchấtnănglựccủangườihọc;thựchànhtiếtkiệm, chốngbệnhthànhtích,chốngthamnhũng,lãngphí”làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
11. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
12. Điều5-Lốisống,tácphong.
13. **Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.**
14. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
15. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“Thựchiệnphêbìnhvàtựphêbìnhthườngxuyên,nghiêmtúc;thườngxuyênhọctậpnângcaotrìnhđộchuyênmônnghiệpvụ,ngoạingữ,tinhọcđểhoànthànhtốtnhiệmvụđượcgiao,đápứngyêucầungàycàngcaocủasựnghiệpgiáodục”làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
16. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
17. Điều5-Lốisống,tácphong.
18. **Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.**
19. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
20. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvề đạođứcnhàgiáo,“Tậntụyvớicôngviệc;thựchiệnđúngđiềulệ,quychế,nộiquycủađơnvị,nhàtrường,củangành”làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
21. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
22. Điều5-Lốisống,tácphong.
23. **Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.**
24. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
25. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvề đạođứcnhàgiáo,“Sốngcólýtưởng,cómụcđích,cóýchívượtkhóvươnlên,cótinhthầnphấnđấuliêntụcvớiđộngcơtrongsángvàtưduysángtạo;thựchànhcần,kiệm,liêm,chính,chícôngvôtưtheotấmgươngđạođứcHồChíMinh”.làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
26. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
27. **Điều5-Lốisống,tácphong.**
28. Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.
29. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
30. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“Trangphục,trangsứckhithựchiệnnhiệmvụphảigiảndị,gọngàng,lịchsự,phùhợpvớinghềdạyhọc,khônggâyphảncảmvàphântánsựchúýcủangườihọc”.làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
31. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
32. **Điều5-Lốisống,tácphong.**
33. Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.
34. Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.
35. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“khôngtổchứcdạythêm,họcthêmtráivớiquyđịnh”.làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
36. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
37. Điều5-Lốisống,tácphong
38. Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.
39. **Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.**
40. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“Khôngtổchức,thamgiacáchoạtđộngliênquanđếntệnạnxãhộinhư :cờbạc,mạidâm,matuý,mêtín,dịđoan;khôngsửdụng,lưugiữ,truyềnbávănhoáphẩmđồitrụy,độchại”.làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
41. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
42. Điều5-Lốisống,tácphong
43. Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.
44. **Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.**
45. TheoQuyếtđịnh16/2008/QĐ-BGDĐTbanhànhquyđịnhvềđạođứcnhàgiáo,“Khôngxâmphạmthânthể,xúcphạmdanhdự,nhânphẩmcủangườihọc,đồngnghiệp,ngườikhác.Khônglàmảnhhưởngđếncôngviệc,sinhhoạtcủađồngnghiệpvàngườikhác”.làmộttrongnhữngquyđịnhtại:
46. Điều3-Phẩmchấtchínhtrị.
47. Điều5-Lốisống,tácphong
48. Điều4-Đạođứcnghềnghiệp.
49. **Điều6-Giữgìnbảovệtruyềnthốngđạođứcnhàgiáo.**
50. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT -NGÀY 22/8/2018, Quy định này không áp dụng đối với giáo viên trường?
51. trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú
52. trường tiêu học
53. trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
54. **trường Mầm non**
55. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông, ở mức tốt là phương án nào sau đây?
56. **Là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo; ảnh hưởng tốt và hỗ trợ đồng nghiệp hình thành phong cách nhà giáo**
57. Có ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực; ảnh hưởng tốt đến học sinh
58. Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông
59. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông, ở mức khá là phương án nào sau đây?
60. Là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo; ảnh hưởng tốt và hỗ trợ đồng nghiệp hình thành phong cách nhà giáo
61. **Có ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực; ảnh hưởng tốt đến học sinh**
62. Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông
63. Theothông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT -NGÀY 22/8/2018, Quy định này không áp dụng đối với giáo viên trường?
64. **Trường giáo dưỡng**
65. Trường tiêu học
66. Trường THCS
67. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông, ở mức đạt là phương án nào sau đây?
68. **Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông**
69. Có ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực; ảnh hưởng tốt đến học sinh
70. Là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo; ảnh hưởng tốt và hỗ trợ đồng nghiệp hình thành phong cách nhà giáo
71. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông "Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông " ở mức nào?
72. **Mức đạt**
73. Mức tốt
74. Mức khá
75. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông "Có ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực; ảnh hưởng tốt đến học sinh " ở mức nào?
76. **Mức khá**
77. Mức tốt
78. Mức đạt
79. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông "Là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo; ảnh hưởng tốt và hỗ trợ đồng nghiệp hình thành phong cách nhà giáo " ở mức nào?
80. Mức khá
81. Mức đạt
82. **Mức tốt**
83. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân "Đạt chuẩn trình độ đào tạo và hoàn thành đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định; có kế hoạch thường xuyên học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn bản thân" ở mức nào?
84. Mức tốt
85. Mức khá
86. **Mức đạt**
87. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân "Chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân" ở mức nào?
88. Mức đạt
89. Mức tốt
90. **Mức khá**
91. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân "Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục " ở mức nào?
92. Mức đạt
93. **Mức tốt**
94. Mức khá
95. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, có bao nhiêu tiêu chí về chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
96. **15 tiêu chí**
97. 5 tiêu chí
98. 14 tiêu chí
99. 3 tiêu chí
100. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh "Xây dựng được kế hoạch dạy học và giáo dục " ở mức nào?
101. Mức tốt
102. **Mức đạt**
103. Mức khá
104. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh "Chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương " ở mức nào?
105. Mức tốt
106. **Mức khá**
107. Mức đạt
108. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh "Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục. " ở mức nào?
109. Mức đạt
110. Mức khá
111. **Mức tốt**
112. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT -NGÀY 22/8/2018, Phương án nào sau đây không phải là của mục đích ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên.
113. Làm căn cứ để cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên; xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường, địa phương và của ngành Giáo dục.
114. Làm căn cứ để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên xây dựng, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông
115. **Làm căn cứ để đánh giá xếp loại giáo viên, trên cơ sở đó để buộc thôi việc những giáo viên không đủ chuẩn nghề nghiệp**
116. Làm căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách phát triển đội ngũ giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; lựa chọn, sử dụng đội ngũ giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán
117. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh "Áp dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh " ở mức nào?
118. Mức tốt
119. Mức khá
120. **Mức đạt**
121. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh "Chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế" ở mức nào?
122. Mức đạt
123. Mức tốt
124. **Mức khá**
125. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh "Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh" ở mức nào?
126. Mức đạt
127. Mức khá
128. **Mức tốt**
129. Theo thông tư Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt: Có tất cả các tiêu chí đạt từ mức khá trở lên, tối thiểu 2/3 tiêu chí đạt mức tốt, trong đó có các tiêu chí nào sau đây bắt buộc phải đạt mức tốt?
130. **Đạt mức tốt ở các tiêu chí của Tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ**
131. Đạt mức tốt ở các tiêu chí của Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nhà giáo
132. Đạt mức tốt ở các tiêu chí của Tiêu chuẩn 3. Xây dựng môi trường giáo dục
133. Đạt mức tốt ở các tiêu chí của Tiêu chuẩn 4. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội
134. Theo thông tư Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá: Có tất cả các tiêu chí đạt từ mức đạt trở lên, tối thiểu 2/3 tiêu chí đạt từ mức khá trở lên, trong đó các tiêu chí nào sau đây bắt buộc phải đạt mức khá trở lên?
135. **Đạt mức khá trở lên ở các tiêu chí của Tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ**
136. Đạt mức khá trở lên ở các tiêu chí của Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nhà giáo
137. Đạt mức khá trở lên ở các tiêu chí của Tiêu chuẩn 4. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia
138. Đạt mức khá trở lên ở các tiêu chí của Tiêu chuẩn 3. Xây dựng môi trường giáo dục
139. Theo thông tư Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt?
140. **Có tất cả các tiêu chí đạt từ mức đạt trở lên**
141. Có từ 2/3 các tiêu chí đạt từ mức đạt trở lên
142. Có ít nhất 1/2 các tiêu chí đạt từ mức đạt trở lên
143. Tất cả các phương án đều đùng
144. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, có bao nhiêu mức về Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
145. 5 mức
146. 2 mức
147. 4 mức
148. **3 mức**
149. Theo thông tư Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Chưa đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên?
150. Có ít nhất 1/2 tiêu chí được đánh giá chưa đạt
151. **Có tiêu chí được đánh giá chưa đạt**
152. Có ít nhất 2/3 tiêu chí được đánh giá chưa đạt
153. Theo thông tư Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Chưa đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên?
154. **Có ít nhất 1 tiêu chí được đánh giá chưa đạt**
155. Có trên 1/2 tiêu chí được đánh giá chưa đạt
156. Có ít nhất 1/2  tiêu chí được đánh giá chưa đạt
157. Có tù 2/3 tiêu chí được đánh giá chưa đạt
158. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Quy trình đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, được thực hiên mấy bước?
159. 5 bước
160. 4 bước
161. 2 bước
162. **3 bước**
163. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Chu kỳ đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Giáo viên tự đánh giá theo chu kỳ ................
164. một năm 2  lần vào cuối học kỳ của năm học
165. Tất cả các phương án đều đúng
166. một năm 9  lần vào cuối tháng của năm học
167. **một năm một lần vào cuối năm học**
168. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, có bao nhiêu tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
169. 6 Tiêu chuẩn
170. 4 Tiêu chuẩn
171. Tiêu chuẩn
172. **Tiêu chuẩn**
173. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Chu kỳ đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức đánh giá giáo viên theo chu kỳ.....................
174. **hai năm một lần vào cuối năm học**
175. năm năm một lần vào cuối năm học
176. hai một một lần vào cuối năm học
177. ba năm một lần vào cuối năm học
178. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Có bao nhiêu tiêu chuẩn lựa chọn giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán?
179. 4 tiêu chuẩn
180. **5 tiêu chuẩn**
181. 6 tiêu chuẩn
182. 7 tiêu chuẩn
183. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,  giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán có bao nhiêu nhiệm vụ?
184. **5 nhiệm vụ**
185. 6 nhiệm vụ
186. 7 nhiệm vụ
187. 4 nhiệm vụ
188. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 6. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh" Sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh" ở mức nào?
189. Mức tốt
190. Mức khá
191. **Mức đạt**
192. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,Tiêu chí 6. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh " Chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh " ở mức nào?
193. Mức đạt
194. **Mức khá**
195. Mức tốt
196. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, "Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo" là mức nào trong Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
197. Mức khá
198. **Mức đạt**
199. Mức tốt
200. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh "Hiểu các đối tượng học sinh và nắm vững quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ học sinh; thực hiện lồng ghép hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục " ở mức nào?
201. Mức tốt
202. Mức khá
203. **Mức đạt**
204. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh "Thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục" ở mức nào?
205. **Mức khá**
206. Mức đạt
207. Mức tốt
208. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh "Thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục" ở mức nào?
209. Mức tốt
210. Mức đạt
211. **Mức khá**
212. Mức chưa đạt
213. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh "Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục" ở mức nào?
214. Mức chưa đạt
215. Mức đạt
216. **Mức tốt**
217. Mức khá
218. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 8. Xây dựng văn hóa nhà trường, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt?
219. **Thực hiện đầy đủ nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường theo quy định;**
220. Đề xuất biện pháp thực hiện hiệu quả nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường theo quy định; có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả các vi phạm nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử trong lớp học và nhà trường trong phạm vi phụ trách (nếu có)
221. Là tấm gương mẫu mực, chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường
222. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, có bao nhiêu tiêu chí về tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông
223. 4 tiêu chí
224. 3 tiêu chí
225. 5 tiêu chí
226. **2 tiêu chí**
227. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt?
228. **Thực hiện đầy đủ các quy định về quyền dân chủ trong nhà trường, tổ chức học sinh thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường**
229. Đề xuất biện pháp phát huy quyền dân chủ của học sinh, của bản thân, cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ và đồng nghiệp trong nhà trường; phát hiện, phản ánh, ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy chế dân chủ của học sinh (nếu có)
230. Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thực hiện và phát huy quyền dân chủ của học sinh, của bản thân, cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ và đồng nghiệp.
231. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 10. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá?
232. **Đề xuất biện pháp xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; phát hiện, phản ánh, ngăn chặn, xử lí kịp thời các trường hợp vi phạm quy định về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường (nếu có)**
233. Là điển hình tiên tiến về thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; chia sẻ kinh nghiệm xây dựng và thực hiện trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường
234. Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường
235. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 11. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá?
236. Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành đối với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan
237. **Tạo dựng mối quan hệ lành mạnh, tin tưởng với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan**
238. Đề xuất với nhà trường các biện pháp tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan
239. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 12. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá?
240. **Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan trong việc thực hiện các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ và động viên học sinh học tập, thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục;**
241. Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh ở trên lớp; thông tin về chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên có liên quan; tiếp nhận thông tin từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên có liên quan về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh;
242. Giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về quá trình học tập, rèn luyện và thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục của học sinh.
243. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, "Có tinh thần tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo" là mức nào trong Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
244. Mức tốt
245. **Mức khá**
246. Mức đạt
247. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 13. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt?
248. Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh;
249. Tham gia tổ chức, cung cấp thông tin về nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan; tiếp nhận thông tin từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về đạo đức, lối sống của học sinh;
250. **Giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.**
251. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt?
252. Có thể sử dụng được các từ ngữ giao tiếp đơn giản bằng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) hoặc ngoại ngữ thứ hai (đối với giáo viên dạy ngoại ngữ) hoặc tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;
253. **Có thể viết và trình bày đoạn văn đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong hoạt động dạy học, giáo dục (ưu tiên tiếng Anh) hoặc ngoại ngữ thứ hai (đối với giáo viên dạy ngoại ngữ) hoặc tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc.**
254. Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày hoặc chủ đề đơn giản, quen thuộc liên quan đến hoạt động dạy học, giáo dục (ưu tiên tiếng Anh) hoặc biết ngoại ngữ thứ hai (đối với giáo viên dạy ngoại ngữ) hoặc tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;
255. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục, chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt?
256. **Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục tộc;**
257. Ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số trong hoạt động dạy học, giáo dục; cập nhật và sử dụng hiệu quả các phần mềm; khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục;
258. Sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản, thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục và quản lý học sinh theo quy định; hoàn thành các khóa đào tạo, bồi dưỡng, khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin và các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục theo quy định;
259. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 11. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan, "Chưa thực hiện được đầy đủ các quy định hiện hành đối với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan ", chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức nào?
260. Không có phương án nào đúng
261. Mức đạt
262. **Chưa đạt**
263. Mức đạt còn hạn chế
264. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân " Chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo và hoàn thành đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định; có kế hoạch thường xuyên học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn bản thân", chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức nào?
265. Mức đạt
266. **Mức chưa đạt**
267. Mức đạt còn hạn chế
268. Không có phương án nào đúng
269. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân " Chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo và hoàn thành đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định; có kế hoạch thường xuyên học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn bản thân", chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức nào?
270. Không có phương án nào đúng
271. Mức đạt còn hạn chế
272. **Mức chưa đạt**
273. Mức đạt
274. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, có bao nhiêu tiêu chí về Tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
275. **5 tiêu chí**
276. 6 tiêu chí
277. 7 tiêu chí
278. 8 tiêu chí
279. Theo thông tư Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018. Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo " Thực hiện chưa nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo", chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức nào?
280. Mức đạt còn hạn chế
281. Mức đạt
282. **Mức chưa đạt**
283. Không có phương án nào đúng
284. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, có bao nhiêu tiêu chí vềTiêu chuẩn 3. Xây dựng môi trường giáo dục ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
285. 6 tiêu chí
286. 4 tiêu chí
287. **3 tiêu chí**
288. 5 tiêu chí
289. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, có bao nhiêu tiêu chí về Tiêu chuẩn 4. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
290. 4 tiêu chí
291. **3 tiêu chí**
292. 6 tiêu chí
293. 5 tiêu chí
294. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, "Là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức nhà giáo" là mức nào trong Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông?
295. **Mức tốt**
296. Mức khá
297. Mức đạt
298. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018, có bao nhiêu tiêu chí về Tiêu chuẩn 5. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục ở các cơ sở giáo dục phổ thông?

A. 3 tiêu chí

**B. 2 tiêu chí**

C. 5 tiêu chí

D. 4 tiêu chí

1. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,  Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông, ở mức đạt là phương án nào sau đây?
2. Là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức nhà giáo
3. **Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo**
4. Có tinh thần tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo
5. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,  Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông, ở mức khá là phương án nào sau đây?
6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo
7. **Có tinh thần tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo**
8. Là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức nhà giáo
9. Theo thông tư  Số: 20/2018/TT-BGDĐT Ngày 22/8/2018,  Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông, ở mức tốt là phương án nào sau đây?
10. Có tinh thần tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo;
11. Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo
12. **Là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức nhà giáo**
13. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Điều lệ này áp dụng cho trường nào?
14. **Trường trung học**
15. Cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông
16. Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông
17. Trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt
18. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học có?
19. tư cách pháp nhân
20. con dấu riêng
21. **Tất cả phương án**
22. tài khoản
23. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Chọn Phương án đúng về nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học?
24. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
25. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.
26. **Tất cả phương án đều đúng**
27. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
28. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Phương án nào sau đây không phải là nhiệm vụ, quyền hạn của trường trung học?
29. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
30. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
31. **Tổ chức cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.**
32. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
33. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Chọn phương án sai về nhiệm vụ, quyền hạn của trường trung học?
34. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
35. **Không có phương án nào sai**
36. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
37. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công
38. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học có bao nhiêu nhiệm vụ và quyền hạn?
39. 9
40. **12**
41. 11
42. 10
43. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định Phương án sai về nhiệm vụ, quyền hạn của trường trung học?
44. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
45. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.
46. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường
47. **Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của nhà trường phù hợp với mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế được quy định của Luật Giáo dục và chủ trương, chính sách của Nhà nước về hội nhập quốc tế trong giáo dục phổ thông**
48. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Trường  do nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động, được thành lập theo quy định của pháp luật. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của trường trung học là nguồn ngoài ngân sách nhà nước", là loại hình trường nào?
49. **Tư thục**
50. Công lập
51. Công lập; dân lập; tư thục
52. Dân lập
53. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học được tổ chức theo bao nhiêu loại hình?
54. Hai hoặc ba
55. **Hai**
56. Ba
57. Bốn
58. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học được tổ chức theo loại hình nào?
59. **công lập; tư thục**
60. công lập
61. công lập; tư thục; dân lập
62. công lập; dân lập
63. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm", là loại hình trường nào?
64. **Trường trung học công lập**
65. Trường trung học dân lập
66. Trung học công lập hoặc trường trung học dân lập
67. Trường trung học tư thục
68. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học có một cấp học, gồm?
69. Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú
70. Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông; Trường trung học phổ thông chuyên
71. **Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông**
72. Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông; Trường phổ thông dân tộc nội trú
73. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm?
74. Trường tiểu học và trung học cơ sở.
75. Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông
76. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông
77. **Tất cả phương án**
78. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác, gồm?
79. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú
80. Trường, lớp dành cho người khuyết tật; Trường giáo dưỡng; Cơ sở giáo dục khác
81. **Tất cả phương án**
82. Trường trung học phổ thông chuyên, trường năng khiếu
83. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường "Trường trung học phổ thông chuyên" là trường?
84. Trường phổ thông có nhiều cấp học
85. Trường trung học có một cấp học
86. **Trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác**
87. Tất cả phương án
88. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về  "Trường phổ thông dân tộc nội trú" là trường?
89. Trường trung học có một cấp học
90. Trường phổ thông có nhiều cấp học
91. Không có phương án nào đúng
92. **Trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác**
93. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về việc đặt tên trường?
94. Trường Tiểu học và trung học cơ sở + tên riêng của trường
95. Trường trung học phổ thông + tên riêng của trường
96. **Tất cả phương án đều đúng**
97. Trường trung học cơ sở + tên riêng của trường
98. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về việc đặt tên trường?
99. Trường trung học phổ thông chuyên + Tên riêng của trường
100. **Tất cả các phưuomg án đều đúng**
101. Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông + tên riêng của trường
102. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông + tên riêng của trường
103. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tên trường được ghi ở đâu?
104. con dấu của trường
105. biển tên trường và giấy tờ giao dịch.
106. **Tất cả phương án**
107. quyết định thành lập trường
108. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Chọn phương án đúng về trường trung học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở thì Biển trường: Góc phía trên, bên trái; ghi nội dung nào sau đây?
109. Dòng thứ nhất: Sở giáo dục và Đào tạo; Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo
110. **Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân huyện và tên huyện; Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo**
111. Dòng thứ nhất: Phòng giáo dục và Đào tạo; Dòng thứ hai: Trường THCS +Tên trường
112. Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh và tên tỉnh; Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo
113. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Chọn phương án đúng về trường trung học có cấp trung học phổ thông thì Biển trường: Góc phía trên, bên trái; ghi nội dung nào sau đây?
114. Dòng thứ nhất: Sở Giáo dục và Đào tạo;  Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo; Dòng thứ ba: Trường THPT + Tên riêng của trường
115. Dòng thứ nhất: Sở Giáo dục và Đào tạo;  Dòng thứ hai: Trường THPT + tên riêng của trường
116. **Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh + tên tỉnh; Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo**
117. Dòng thứ nhất: Sở Giáo dục và Đào tạo;  Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo
118. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tên trường theo qui định được ghi ở vị trí nào trên Biển trường?
119. Góc phía trên, bên phải
120. **Ở giữa**
121. Góc phía trên, bên trái
122. Dòng trên cùng
123. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường được ghi ở vị trí nào trên Biển trường?
124. **Dưới cùng**
125. Góc phía trên, bên trái
126. Ở giữa
127. Trên cùng
128. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tên trường và biển tên trường của trường nào có quy chế tổ chức và hoạt động riêng?
129. Trường giáo dưỡng
130. Trường trung học phổ thông chuyên
131. **Trường chuyên biệt**
132. Trường, lớp dành cho người khuyết tật
133. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do cơ quan nào quản lý?
134. **Ủy ban nhân dân cấp huyện**
135. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Hội đồng nhân dân cấp huyện
136. Sở giáo dục và Đào tạo và Phòng giáo dục Đào tạo
137. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
138. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do ai là người quyết định thành lập?
139. Giám đốc sở giáo dục và Đào tạo
140. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
141. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
142. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**
143. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do cơ quan nào quản lý?
144. Uỷ ban nhân dân tỉnh
145. Sở giáo dục và Đào tạo và phòng giáo dục và Đào tạo
146. **Sở giáo dục và Đào tạo**
147. Phòng giáo dục và Đào tạo
148. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Ai là người ký quyết định thành lập?
149. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
150. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
151. Giám đốc sở giáo dục và Đào tạo
152. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**
153. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học có cấp tiểu học tuân theo các quy định của Điều lệ nào?
154. Điều lệ trường Tiểu học; Điều lệ trường THPT
155. Điều lệ trường Tiểu học; Điều lệ trường THCS
156. **Điều lệ trường Tiểu học; Điều lệ trường THCS; Điều lệ trường THPT**
157. Điều lệ trường Tiểu học
158. Điều lệ trường THCS; Điều lệ trường THPT
159. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Điều kiện, thủ tục thành lập; điều kiện hoạt động giáo dục; sáp nhập, chia, tách; đình chỉ hoạt động; giải thể trường trung học và các cơ sở giáo dục khác, được thực hiện theo quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục của cơ quan nào?
160. **Chính phủ**
161. Nhà nước
162. Bộ giáo dục và Đào tạo
163. Bộ giáo dục và Đào tạo và Chính phủ
164. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án sai về **Cơ cấu tổ chức của trường trung học?**
165. Hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật
166. Hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng;
167. **Hội đồng trường; Hội đồng tuyển sinh**
168. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án sai về **Cơ cấu tổ chức của trường trung học?**
169. Hội đồng tư vấn
170. Hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng
171. **Không có phương án nào sai**
172. Hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật
173. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về **Cơ cấu tổ chức của trường trung học?**
174. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh
175. Các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học
176. Tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt
177. **Tất cả phương án đều đúng**
178. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án sai về thành phần của hội đồng trường trung học công lập?
179. Đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng
180. **Hiệu trưởng; các phó hiệu trưởng; các giáo viên chủ nhiệm**
181. Hiệu trưởng; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
182. Đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.
183. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Hội đồng trường có chủ tịch, thư ký và các thành viên, số lượng thành viên của hội đồng trường là số lẻ, ít nhất là bao nhiêu người, nhiều nhất là bao nhiêu người.
184. ít nhất là 09 người, nhiều nhất là 13 người.
185. **ít nhất là 07 người, nhiều nhất là 15 người.**
186. ít nhất là 07 người, nhiều nhất là 09 người.
187. ít nhất là 05 người, nhiều nhất là 07 người.
188. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Nhiệm kỳ của hội đồng trường là bao nhiêu năm?
189. 4 năm
190. 03 năm hoặc 05 năm
191. 03 năm
192. **05 năm**
193. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Hội đồng trường hợp thường kỳ ít nhất bao nhiêu lần trong một năm?
194. 4 lần
195. **03 lần**
196. 02 lần
197. 02 lần hoặc 03 lần
198. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Phiên họp hội đồng trường được công nhận là hợp lệ khi có mặt từ bao nhiêu số thành viên của hội đồng trở lên (trong đó có chủ tịch hội đồng trường).
199. một phần tư số thành viên
200. ba phần tư số thành viên hoặc một nửa số thành viên
201. **ba phần tư số thành viên**
202. một phần hai số thành viên
203. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Quyết định của hội đồng trường được thông qua và có hiệu lực khi được ít nhất bao nhiêu số thành viên có mặt nhất trí?
204. Hai phần ba số thành viên hoặc Một phần hai số thành viên
205. Một phần tư số thành viên
206. Một phần hai số thành viên
207. **Hai phần ba số thành viên**
208. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Ai là người ra quyết định công nhận hội đồng trường trung học?
209. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
210. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
211. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
212. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo**
213. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Khẳng định phương án đúng về Thẩm quyền bổ nhiệm hoặc công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung học?
214. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo**
215. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
216. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
217. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
218. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Nhiệm kỳ của hiệu trưởng trường trung học là bao nhiêu năm?
219. 05 năm hoặc 04 năm
220. **05 năm**
221. 04 năm
222. 03 năm
223. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Hiệu trưởng công tác tại một trường trung học công lập không quá bao nhiêu nhiệm kỳ liên tiếp?
224. ba nhiệm kỳ
225. hai nhiệm kỳ hoặc ba nhiệm kỳ
226. **hai nhiệm kỳ**
227. hai nhiệm kỳ hoặc một nhiệm kỳ
228. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về **Các hội đồng khác trong nhà trường?**
229. **Hội đồng thi đua và khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn**
230. Hội đồng thi đua và kỷ luật; Hội đồng đánh giá giáo viên; Hội đồng tư vấn
231. Hội đồng thi đua và khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tuyển sinh
232. Hội đồng thi đua và khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng thanh tra
233. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất bao nhiêu lần trong 02 tuần?
234. **01 lần**
235. 03 lần
236. 01 lần hoặc 02 lần
237. 02 lần
238. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất 01 lần trong bao nhiêu tuần?
239. 02 tuần hoặc 01 tuần
240. 04 tuần
241. **02 tuần**
242. 01 tuần
243. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Đề xuất lựa chọn sách giáo khoa, xuất bản phẩm tham khảo để sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo"  là nhiệm vụ của?
244. Hội đồng trường
245. **Tổ chuyên môn**
246. Hiệu trưởng và các hiệu phó
247. Hiệu trưởng
248. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."  là nhiệm vụ của?
249. Hội động thi đua và khen thưởng
250. Hội đồng tư vấn
251. **Tổ chuyên môn**
252. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng
253. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. mỗi lớp học ở các cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá bao nhiêu học sinh?
254. **45 học sinh**
255. 40 học sinh
256. 50 học sinh
257. 55 học sinh
258. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động" là nhiệm vụ của?
259. **Tổ văn phòng**
260. Tổ chuyên môn
261. Hội đồng thi đua và khen thưởng
262. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng
263. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Ai là người quy định cụ thể số học sinh trong mỗi lớp học theo hướng giảm sĩ số học sinh trên lớp?
264. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
265. Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo
266. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**
267. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
268. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của cơ quan nào phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, nhà trường?
269. Nhà nước
270. Chính phủ
271. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh
272. **Bộ Giáo dục và Đào tạo**
273. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Trường trung học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông do ai nào ban hành?
274. Chủ tịch Nhà nước
275. Chủ tịch Quốc hội
276. **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**
277. Thủ tướng Chính phủ
278. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Sách giáo khoa sử dụng trong trường trung học do Ai phệ phê duyệt?
279. **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**
280. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
281. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
282. Chủ tịch Hội đồng Giáo dục Quốc Gia
283. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Cơ quan nào tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo?
284. Sở giáo dục và Đào tạo
285. **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**
286. Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo
287. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện
288. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Đơn vị nào  hướng dẫn giáo viên, học sinh sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật?
289. **Trường trung học**
290. Phòng Giáo dục và Đào tạo
291. Sở Giáo dục và Đào tạo
292. Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo
293. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Thiết bị dạy học sử dụng trong nhà trường thuộc danh mục thiết bị dạy học do cơ quan nào ban hành và các thiết bị dạy học khác theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông?
294. Bộ Giáo dục và Đào tạo và  Sở Giáo dục và Đào tạo
295. **Bộ Giáo dục và Đào tạo**
296. Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo
297. Sở Giáo dục và Đào tạo
298. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Đơn vị nào lựa chọn, trang bị thiết bị dạy học, xuất bản phẩm tham khảo phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo?
299. Sở Giáo dục và Đào tạo
300. Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo
301. Bộ Giáo dục và Đào tạo và  Sở Giáo dục và Đào tạo
302. **Nhà trường**
303. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Nhà trường lựa chọn, trang bị thiết bị dạy học, xuất bản phẩm tham khảo phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục theo quy định của Ai?
304. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo và Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
305. **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**
306. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh
307. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
308. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông do Ai ban hành?
309. **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**
310. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
311. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
312. Giám đốc sở  Giáo dục và Đào tạo hoặc Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
313. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường đối với giáo viên không làm công tác chủ nhiệm, không có hồ sơ nào sau đây ?
314. **Sổ ghi chép dự giờ, thăm lớp**
315. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh
316. Kế hoạch giáo dục của giáo viên (theo năm học).
317. Kế hoạch bài dạy (giáo án).
318. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT.  Đối với nhà trường trung học cơ sở có bao nhiêu loại Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường?
319. 13
320. 12
321. 14
322. **13 hoặc 14**
323. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT.  Đối với nhà trường trung học phổ thông có bao nhiêu loại Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường?
324. **12 hoặc 13**
325. 13
326. 12
327. 11
328. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT.  Đối với nhà trường có bao nhiêu loại Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường
329. **12 hoặc 13 hoặc 14**
330. 13
331. 14
332. 12
333. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT.  Đối với tổ chuyên môn có bao nhiêu loại Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường?
334. 5
335. 3
336. **2**
337. 4
338. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT.  Đối với giáo viên có bao nhiêu loại Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường?
339. 5
340. 4
341. 3
342. **4 hoặc 3**
343. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Đối với giáo viên chủ nhiệm có bao nhiêu loại Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường?
344. 5
345. 6
346. 3
347. **4**
348. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Đối với giáo viên không làm chủ nhiệm có bao nhiêu loại Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường?
349. 5
350. 4
351. **3**
352. 2
353. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh" là hồ sơ của?
354. Tổ chuyên môn
355. Tổ văn phòng
356. Giáo viên chủ nhiệm
357. **Nhà trường**
358. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Sổ ghi đầu bài" là hồ sơ của?
359. **Nhà trường**
360. Tổ văn phòng
361. Tổ chuyên môn
362. Giáo viên chủ nhiệm
363. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục, loại hồ sơ nào được thực hiện theo lộ trình?
364. hồ sơ số hoá
365. hồ sơ giấy
366. **hồ sơ điện tử**
367. hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ giấy
368. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Ai là người  xác nhận vào học bạ việc hoàn thành chương trình tiểu học của học sinh tiểu học?
369. **hiệu trưởng**
370. trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
371. giáo viên chủ nhiệm
372. trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc hiệu trưởng
373. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Ai là người cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cho học sinh trung học cơ sở đủ điều kiện theo qui định?
374. Hiệu trưởng
375. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Hiệu trưởng
376. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện
377. **Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo**
378. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/9/2020. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Ai cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông?
379. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh
380. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
381. **Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo**
382. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
383. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/9/2020. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp không đạt yêu cầu thì được Ai cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông?
384. giáo viên chủ nhiệm
385. giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
386. trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
387. **hiệu trưởng**
388. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/9/2020. Khẳng định ở phương án nào sau đây là sai?
389. **Trường trung học có trách nhiệm phát triển kỹ năng nghe, kỹ năng viết, kỹ năng đọc và kỹ năng tìm kiếm thông tin cho giáo viên, học sinh**
390. Học sinh cũ của trường được thành lập ban liên lạc để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường, huy động các nguồn lực để giúp đỡ nhà trường trong việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục
391. Trường trung học tạo điều kiện cho giáo viên, học sinh tiếp cận và sử dụng thông tin từ thư viện, các nguồn thông tin hữu ích khác để phát triển văn hóa đọc
392. Trường trung học được phát triển các chương trình hợp tác quốc tế phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của nhà trường theo quy định của pháp luật
393. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Giáo viên của trường trung học có bao nhiêu nhiệm vụ?
394. **8 nhiệm vụ**
395. 5 nhiệm vụ
396. 7 nhiệm vụ
397. 6 nhiệm vụ
398. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục" là nhiệm vụ của ai?
399. Nhân viên
400. Giáo viên làm công tác chủ nhiệm
401. Giáo viên và nhân viên
402. **Giáo viên**
403. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Thực hiện kế hoạch công việc được duyệt" là nhiệm vụ của ai?
404. Giáo viên và Nhân viên
405. Giáo viên
406. **Nhân viên**
407. Giáo viên làm công tác chủ nhiệm
408. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Nhân viên của trường trung học có bao nhiêu nhiệm vụ?
409. 6
410. **8**
411. 7
412. 5
413. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Giáo viên, nhân viên có bao nhiêu quyền?
414. 5 quyền
415. 4 quyền
416. 6 quyền
417. **7 quyền**
418. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Giáo viên làm công tác chủ nhiệm có bao nhiêu quyền?
419. 7 quyền
420. **12 quyền**
421. 5 quyền
422. 6 quyền
423. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể." là quyền của ai?
424. Giáo viên làm công tác chủ nhiệm
425. Nhân viên
426. **Giáo viên; nhân viên; Giáo viên làm công tác chủ nhiệm**
427. Giáo viên
428. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. "Được quyền cho phép cá nhân học sinh có lý do chính đáng nghỉ học không quá 03 ngày liên tục." là quyền của ai?
429. **Giáo viên làm công tác chủ nhiệm**
430. Nhân viên
431. Giáo viên
432. Giáo viên làm công tác chủ nhiệm hoặc Tổ trưởng tổ chuyên môn
433. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án sai về quyền của Giáo viên làm công tác chủ nhiệm trường trung học?
434. **Được phê bình học sinh trước lớp**
435. Được dự các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề về công tác chủ nhiệm.
436. Được dự các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp do mình làm chủ nhiệm
437. Được dự các cuộc họp của hội đồng khen thưởng và hội đồng kỷ luật khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến học sinh của lớp do mình làm chủ nhiệm.
438. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án sai về quyền của Giáo viên trường trung học?
439. Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể
440. Không có phương án nào sai
441. Được hưởng lương, chế độ phụ cấp, chính sách ưu đãi (nếu có) theo quy định; được thay đổi chức danh nghề nghiệp; được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định
442. **Được nhận xét, so sánh kết quả học tập của học sinh**
443. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên được quy định?
444. **Phương án (1) hoặc (2)**
445. Giáo viên trường trung học phải có bằng cử nhân (bằng tốt nghiệp đại học) chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật. (1)
446. Giáo viên trung học cơ sở phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên; Giáo viên trung học phổ thông phải có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên
447. Giáo viên trường trung học phải có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên (hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm). (2)
448. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Có bao nhiêu điều Giáo viên, nhân viên không được làm?
449. **6**
450. 4
451. 5 hoặc 6
452. 5
453. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về hành vi ứng xử của giáo viên, nhân viên không được làm?
454. **Tất cả phương án**
455. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể của học sinh và đồng nghiệp
456. Xuyên tạc nội dung dạy học, giáo dục; dạy sai nội dung kiến thức, sai với quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam.
457. Gian lận trong kiểm tra, thi, tuyển sinh; gian lận trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; bỏ giờ, bỏ buổi dạy, tùy tiện cắt xén nội dung dạy học, giáo dục.
458. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về hành vi ứng xử của giáo viên, nhân viên không được làm?
459. Hút thuốc lá, uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi đang tham gia các hoạt động dạy học, giáo dục
460. Cản trở, gây khó khăn trong việc hỗ trợ, phục vụ công tác dạy học, giáo dục học sinh và các công việc khác
461. **Tất cả phương án**
462. Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền; lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ cho giáo dục để ép buộc đóng góp tiền hoặc hiện vật
463. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là bao nhiêu tuổi?
464. 12 tuổi
465. 13 tuổi
466. 10 tuổi
467. **11 tuổi**
468. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là bao nhiêu tuổi?
469. 13 tuổi
470. 14 tuổi
471. 16 tuổi
472. **15 tuổi**
473. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn bao nhiêu tuổi so với tuổi quy định.
474. 04 tuổi
475. 05 tuổi
476. 02 tuổi
477. **03 tuổi**
478. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Học sinh không được lưu ban quá bao nhiêu lần trong một cấp học?
479. 01 lần
480. 02 lần
481. 04 lần
482. **03 lần**
483. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Học sinh trung học có bao nhiệm vụ?
484. 3 nhiệm vụ
485. **5 nhiệm vụ**
486. 5 nhiệm vụ hoặc 4 nhiệm vụ
487. 4 nhiệm vụ
488. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Học sinh trung học có bao quyền?
489. 5 quyền
490. 6 quyền hoặc 5 quyền
491. **6 quyền**
492. 4 quyền
493. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tùy điều kiện của từng trường, hiệu trưởng có thể quyết định để học sinh mặc đồng phục nếu được nhà trường và ai của nhà trường nhất trí?
494. Hội đồng tư vấn
495. Hội đồng trường
496. **Ban đại diện cha mẹ học sinh**
497. Hội phụ huynh học sinh của trường
498. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Có bao nhiêu hành vi học sinh không được làm?
499. 6
500. 5
501. 4
502. **7**
503. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về **Các hành vi học sinh không được làm?**
504. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi, tuyển sinh.
505. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác
506. **Tất cả phương án**
507. Mua bán, sử dụng rượu, bia, thuốc lá, chất gây nghiện, các chất kích thích khác và pháo, các chất gây cháy nổ
508. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về **Các hành vi học sinh không được làm?**
509. Sử dụng, trao đổi sản phẩm văn hóa có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy; sử dụng đồ chơi hoặc chơi trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của bản thân.
510. Đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng
511. **Tất cả phương án**
512. Sử dụng điện thoại di động, các thiết bị khác khi đang học tập trên lớp không phục vụ cho việc học tập và không được giáo viên cho phép
513. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được giáo viên, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục khen thưởng bằng hình thức nào?
514. Tuyên dương trước tập thể giáo viên
515. Tuyên dương trước toàn trường
516. **Tuyên dương trước lớp hoặc trước toàn trường**
517. Tuyên dương trước lớp
518. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được giáo viên, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục khen thưởng bằng hình thức nào?
519. Tất cả phương án đều đúng
520. Cấp giấy chứng nhận, giấy khen, huân chương
521. Cấp giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương
522. **Cấp giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen**
523. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án đúng về Học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện được giáo dục hoặc xử lý kỷ luật theo các hình thức nào sau đây?
524. Phê bình; Khiển trách; Tạm dừng học ở trường có thời hạn
525. Nhắc nhở; Cảnh cáo; Tạm dừng học ở trường có thời hạn
526. Nhắc nhở; Khiển trách; đuổi học
527. **Nhắc nhở; Khiển trách; Tạm dừng học ở trường có thời hạn**
528. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án sai về Học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện được giáo dục hoặc xử lý kỷ luật theo các hình thức?
529. Nhắc nhở
530. **Cảnh cáo**
531. Tạm dừng học ở trường có thời hạn
532. Khiển trách
533. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Xác định phương án sai về Học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện được giáo dục hoặc xử lý kỷ luật theo các hình thức?
534. Tạm dừng học ở trường có thời hạn
535. Nhắc nhở
536. Khiển trách
537. **Đuổi học**
538. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Địa điểm, quy mô, diện tích của trường phải đáp ứng theo quy định của cơ quan nào?
539. Viện quy hoạch và thiết kế của các địa phương
540. Chính quyền địa phương
541. **Bộ Giáo dục và Đào tạo**
542. Sở Giáo dục và Đào tạo
543. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Tài sản, tài chính của trường trung học được đầu tư, cung cấp, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của cơ quan nào?
544. Bộ Tài chính
545. Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính
546. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
547. **Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.**
548. Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT; 15/92020, ban hành Điều lệ trường THCS;THPT. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp, từng trường trung học được thực hiện theo Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh do Ai ban hành?
549. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh
550. **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**
551. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
552. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện
553. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. Thông tư này Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh nào?
554. **Học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.**
555. Học sinh trung học phổ thông.
556. Học sinh trung học cơ sở; học sinh trung học phổ thông và học sinh Giáo dục thường xuyên
557. Học sinh trung học cơ sở
558. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểi học sinh?
559. kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và của xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường
560. **Tất cả phương án**
561. biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức
562. ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên, với gia đình, bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập
563. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục đánh giá bằng hình thức nào?
564. Nhận xét và cho điểm
565. **Nhận xét**
566. Cho điểm
567. Cho điểm hoặc nhận xét
568. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Kết quả nhận xét các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung dạy học môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do cơ quan nào ban hành?
569. Hiệu trưởng trường ban hành
570. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
571. Tất cả phương án
572. **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**
573. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Hạnh kiểm học sinh được xếp thành bao nhiêu loại?
574. 5 loại
575. **4 loại**
576. 3 loại
577. 2 loại
578. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Hạnh kiểm học sinh được xếp thành loại nào?
579. Tốt; Khá; Trung bình; Yếu; Kém
580. Tốt; Khá; Trung bình; Kém
581. **Tốt; Khá; Trung bình; Yếu**
582. Tốt; Khá; Trung bình khá; Trung bình; Yếu
583. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Việc xếp loại hạnh kiểm cả năm học chủ yếu căn cứ vào xếp loại hạnh kiểm học kỳ nào và sự tiến bộ của học sinh?
584. kỳ II và kỳ I
585. kỳ I
586. **kỳ II**
587. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Có bao nhiêu **Tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm tốt?**
588. 8 tiêu chuẩn
589. 6 tiêu chuẩn
590. **7 tiêu chuẩn**
591. 9 tiêu chuẩn
592. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Chọn phương án đúng về Căn cứ đánh giá, xếp loại học lực học sinh?
593. **Tất cả phương án**
594. Kết quả đạt được của các bài kiểm tra
595. Mức độ hoàn thành chương trình các môn học và hoạt động giáo dục trong Kế hoạch giáo dục cấp THCS, cấp THPT
596. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Học lực của học sinh được xếp thành bao nhiêu loại?
597. 6 loại
598. .4 loại hoặc 5 loại
599. **5 loại**
600. 4 loại
601. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về Học lực của học sinh được xếp thành những loại?
602. Giỏi, khá, trung bình khá, trung bình, yếu, kém
603. **Giỏi, khá, trung bình, yếu, kém**
604. Giỏi, khá, trung bình khá, trung bình yếu, yếu, kém
605. Xuất sắc, Giỏi, khá, trung bình, yếu, kém
606. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Môn học nào đánh giá bằng nhận xét?
607. **môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục**
608. môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục; Giáo dục công dân
609. môn Âm nhạc, Mỹ thuật
610. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. Thông tư này có hiệu lực vào thời gian nào?
611. từ ngày 31 tháng 012 năm 201
612. từ ngày 26 tháng 02 năm 2012
613. từ ngày 01 tháng 09 năm 2012
614. **từ ngày 26 tháng 01 năm 2012**
615. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục đánh giá bằng bao nhiêu mức?
616. **2 mức**
617. 5 mức
618. 3 mức
619. 4 mức
620. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục đánh giá những mức nào?
621. Đạt giỏi (ĐG); Đạt khá (ĐK); Đạt trung bình (ĐTB); chưa đạt (CĐ)
622. Đạt khá (ĐK); Đạt (Đ); chưa đạt (CĐ)
623. **Đạt (Đ); chưa đạt (CĐ)**
624. Đạt giỏi (ĐG); Đạt khá (ĐK); Đạt (Đ); chưa đạt (CĐ)
625. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Hình thức đánh giá học sinh Môn Giáo dục công dân?
626. Cho điểm
627. Nhận xét
628. **Nhận xét và cho điểm**
629. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Các bài kiểm tra được cho điểm theo thang điểm bao nhiêu?
630. Tất cả phương án
631. từ điểm 0 đến điểm 100
632. từ điểm 0 đến điểm 50
633. **từ điểm 0 đến điểm 10**
634. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm?
635. **Tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học**
636. Tính điểm trung bình môn học
637. tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kỳ
638. tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học
639. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về Hình thức kiểm tra?
640. Kiểm tra miệng; kiểm tra viết; kiểm tra thực hành; Kiểm tra kỹ năng
641. Tất cả phương án
642. Kiểm tra miệng; kiểm tra viết; kiểm tra thực hành; kiểm tra thuyết trình
643. **Kiểm tra miệng; kiểm tra viết; kiểm tra thực hành**
644. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về các loại bài kiểm tra?
645. **Kiểm tra thường xuyên; Kiểm tra định kỳ**
646. Kiểm tra thường xuyên; Kiểm tra định kỳ; Kiểm tra học kỳ; kiểm tra cuối năm
647. Kiểm tra thường xuyên; Kiểm tra định kỳ; Kiểm tra học kỳ
648. Kiểm tra thường xuyên; Kiểm tra định kỳ; Kiểm tra giữa kỳ; Kiểm tra học kỳ; Kiểm tra cuối năm
649. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Kiểm tra thường xuyên (KTtx) gồm?
650. **Kiểm tra miệng; kiểm tra viết dưới 1 tiết; kiểm tra thực hành dưới 1 tiết**
651. Kiểm tra miệng; kiểm tra viết dưới 1 tiết; kiểm tra thực hành dưới 1.5 tiết
652. Kiểm tra miệng; kiểm tra viết dưới 1 tiết; kiểm tra thực hành dưới 2 tiết
653. Kiểm tra miệng; kiểm tra viết dưới 0.5 tiết; kiểm tra thực hành dưới 1 tiết
654. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Kiểm tra định kỳ (KTđk) gồm?
655. **Kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên; kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên; kiểm tra học kỳ (KThk).**
656. Kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên; kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên; kiểm tra học kỳ (KThk); Kiểm tra cuối năm
657. Kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên; kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên; Kiểm tra giưuax kỳ; kiểm tra học kỳ (KThk).
658. Kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên; kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên; Kiểm tra đầu kỳ; kiểm tra học kỳ (KThk).
659. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Quy chế này quy định về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở (THCS) và học sinh trung học phổ thông (THPT) bao gồm?
660. Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm; đánh giá, xếp loại học lực
661. Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại
662. **Tất cả phương án**
663. Trách nhiệm của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục.
664. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Hệ số điểm các loại bài kiểm tra?
665. **Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên tính hệ số 2; điểm kiểm tra học kỳ tính hệ số 3.**
666. Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 2; điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên tính hệ số 3; điểm kiểm tra học kỳ tính hệ số 4.
667. Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên tính hệ số 2; điểm kiểm tra học kỳ tính hệ số 4.
668. Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên tính hệ số 3; điểm kiểm tra học kỳ tính hệ số 4.
669. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về Hệ số điểm các loại bài kiểm tra?
670. Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1
671. **Tất cả phương án đều đúng**
672. điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên tính hệ số 2
673. điểm kiểm tra học kỳ tính hệ số 3.
674. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Điểm kiểm tra nào hệ số 2?
675. điểm kiểm tra học kỳ và Điểm kiểm tra thường xuyên
676. Điểm kiểm tra thường xuyên
677. **điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên**
678. điểm kiểm tra học kỳ
679. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Điểm kiểm tra nào hệ số 3?
680. điểm kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên
681. điểm kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên
682. điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở
683. **điểm kiểm tra học kỳ**
684. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Điểm kiểm tra nào hệ số 1?
685. **.Điểm kiểm tra thường xuyên**
686. điểm kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên và điểm kiểm tra thường xuyên
687. điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên
688. điểm kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên và điểm kiểm tra thường xuyên
689. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Trong mỗi học kỳ một học sinh phải có số lần KIểm tra thường xuyên (KTtx )của từng môn học bao gồm cả kiểm tra các loại chủ đề tự chọn như sau?
690. Môn học có từ trên 1 tiết đến dưới 3 tiết/tuần: Ít nhất 3 lần;
691. **Tất cả phương án**
692. Môn học có từ 3 tiết trở lên/tuần: Ít nhất 4 lần
693. Môn học có 1 tiết trở xuống/tuần: Ít nhất 2 lần
694. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Điểm trung bình môn cả năm (ĐTBmcn) là trung bình cộng của ĐTBmhkIvới ĐTBmhkII, trong đó ĐTBmhkII tính hệ số bao nhiêu?
695. Hệ số 2 hoặc Hệ số 3
696. Hệ số 3
697. Hệ số 1
698. **Hệ số 2**
699. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét, Xếp loại cả năm?
700. Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Cả hai học kỳ xếp loại CĐ hoặc học kỳ I xếp loại Đ, học kỳ II xếp loại CĐ
701. **Tất cả phương án**
702. Đạt yêu cầu (Đ): Cả hai học kỳ xếp loại Đ hoặc học kỳ I xếp loại CĐ, học kỳ II xếp loại Đ.
703. Những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ.
704. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng?
705. Điểm trung bình các môn cả năm học (ĐTBcn) là trung bình cộng của điểm trung bình cả năm của các môn học đánh giá bằng cho điểm.
706. Điểm trung bình các môn học kỳ (ĐTBhk) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ của các môn học đánh giá bằng cho điểm
707. **Tất cả các phương án đều đúng**
708. Điểm trung bình các môn học kỳ hoặc cả năm học là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.
709. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Ai là người cho phép học sinh được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật trong một học kỳ hoặc cả năm học?
710. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
711. **Hiệu trưởng nhà trường**
712. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
713. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
714. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Quy chế này áp dụng đối với học sinh?
715. học sinh cấp THCS và cấp THPT trong trường phổ thông có nhiều cấp học
716. học sinh các trường THCS, trường THPT
717. học sinh trường THPT chuyên; học sinh cấp THCS và cấp THPT trong trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú.
718. **Tất cả phương án**
719. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Ai là người ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn GDQP-AN?
720. **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**
721. Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng
722. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng
723. Thủ tướng Chính phủ
724. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại học sinh cả năm học đối với loại giỏi?
725. Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ
726. **Thoã mãn tất cả các phương án**
727. Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 8,0 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 8,0 trở lên
728. Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5
729. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại học sinh cả năm học đối với loại khá?
730. Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.
731. Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0
732. Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 6,5 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 6,5 trở lên
733. **Đáp ứng được tất cả phương án**
734. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại học sinh cả năm học đối với loại trung bình?
735. Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 5,0 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 5,0 trở lên
736. **Đáp ứng được tất cả các phương án**
737. Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ
738. Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5
739. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại học sinh cả năm học đối với loại Yếu?
740. **Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0**
741. Điểm trung bình các môn học từ 4,0 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0
742. Điểm trung bình các môn học từ 3,0 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0
743. Điểm trung bình các môn học từ 2,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 1,5
744. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại học sinh cả năm học đối với trường hợp kết quả học tập của học sinh "Điểm trung bình các môn học dưới 3,5"
745. **Kém**
746. Yếu
747. Yếu hoặc kém
748. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại học sinh cả năm học đối với trường hợp kết quả học tập của học sinh "Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0."
749. **Yếu**
750. .Kém
751. Yếu hoặc kém
752. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại học sinh cả năm học đối với trường hợp kết quả học tập của học sinh "Điểm trung bình các môn học dưới 3,5 hoặc có môn học điểm trung bình dưới 2,0."
753. **Kém**
754. Yếu hoặc kém
755. Yếu
756. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng?
757. Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.
758. **Tất cả phương án đều đúng**
759. Học sinh khuyết tật không đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục THCS, THPT được đánh giá dựa trên sự nỗ lực, tiến bộ của học sinh và không xếp loại đối tượng này
760. Học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục THCS, THPT được đánh giá, xếp loại theo các quy định như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập
761. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Học sinh được lên lớp?
762. **Đáp ứng đủ các phương án**
763. Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên
764. Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).
765. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về mục đích đánh giá xếp loại?
766. Bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng, công khai, đúng chất lượng trong đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, học lực học sinh.
767. Tất cả phương án
768. Kết quả rèn luyện và học tập của học sinh
769. **Đánh giá chất lượng giáo dục đối với học sinh sau mỗi học kỳ, mỗi năm học nhằm thúc đẩy học sinh rèn luyện, học tập**
770. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Chọn phương án đúng về trường hợp Học sinh được không được lên lớp?
771. Hạnh kiểm và học lực từ khá trở lên và Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).
772. **Nghỉ quá 45 buổi học trong năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại);**
773. Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên và Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).
774. Hạnh kiểm và học lực từ khá trở lên và Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).
775. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Chọn phương án đúng về trường hợp Học sinh được không được lên lớp?
776. Hạnh kiểm cả năm xếp loại yếu, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè nên vẫn bị xếp loại yếu về hạnh kiểm
777. Sau khi đã được kiểm tra lại một số môn học, môn đánh giá bằng điểm có điểm trung bình dưới 5,0 hay môn đánh giá bằng nhận xét bị xếp loại CĐ, để xếp loại lại học lực cả năm nhưng vẫn không đạt loại trung bình.
778. Học lực cả năm loại Kém hoặc học lực và hạnh kiểm cả năm loại yếu
779. **Một trong phương án**
780. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Học sinh xếp loại hạnh kiểm cả năm học từ trung bình trở lên nhưng học lực cả năm học xếp loại nào, được chọn một số môn học trong các môn học có điểm trung bình cả năm học dưới 5,0 hoặc có kết quả xếp loại CĐ để kiểm tra lại. Kết quả kiểm tra lại được lấy thay thế cho kết quả xếp loại cả năm học của môn học đó để tính lại điểm trung bình các môn cả năm học và xếp loại lại về học lực; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp?
781. Kém hoặc Yếu
782. **yếu**
783. Kém
784. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Học sinh xếp loại học lực cả năm từ trung bình trở lên nhưng hạnh kiểm cả năm học xếp loại nào thì phải rèn luyện thêm hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định. Nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè được thông báo đến gia đình, chính quyền, đoàn thể xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi học sinh cư trú. Cuối kỳ nghỉ hè, nếu được Uỷ ban nhân dân cấp xã công nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng cho xếp loại lại về hạnh kiểm; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.?
785. Kém hoặc Yếu
786. Kém
787. **Yếu**
788. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kỳ hoặc cả năm học?
789. nếu đạt hạnh kiểm loại tốt
790. nếu đạt hạnh kiểm loại tốt hoặc khá và học lực loại giỏi
791. nếu học lực loại giỏi
792. **nếu đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi**
793. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kỳ hoặc cả năm học?
794. **nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên**
795. nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên
796. nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại trung bình khá trở lên
797. nếu học lực từ loại khá trở lên
798. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kỳ hoặc cả năm học?
799. **nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá hoặc tốt trở lên và học lực từ loại khá trở lên.**
800. nếu đạt hạnh kiểm từ loại tốt trở lên và học lực từ loại trung bình khá trở lên.
801. nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên.
802. nếu đạt hạnh kiểm từ loại tốt trở lên và học lực từ loại khá trở lên.
803. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011)"Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra các trường học thuộc quyền quản lý thực hiện Quy chế này; xử lý các sai phạm theo thẩm quyền" là trách nhiệm của?
804. Giáo viên bộ môn
805. Hiệu trưởng
806. **Phòng giáo dục và đào tạo, của sở giáo dục và đào tạo**
807. Giáo viên chủ nhiệm
808. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kỳ, cả năm học và trực tiếp ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ." là trách nhiệm vụ của ai?
809. Giáo viên chủ nhiệm
810. Tất cả phương án
811. **Giáo viên bộ môn**
812. Hiệu trưởng
813. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm từng học kỳ, cả năm học của học sinh." là trách nhiệm vụ của ai?
814. **Giáo viên bộ môn**
815. Hiệu trưởng
816. Giáo viên chủ nhiệm
817. Đoàn thanh niên
818. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Xác định phương án đúng về nguyên tắc đánh giá xếp loại?
819. Chương trình, kế hoạch giáo dục của cấp học
820. Điều lệ nhà trường
821. Mục tiêu giáo dục của cấp học
822. **Khách quan, công bằng, công khai, đúng chất lượng trong đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, học lực học sinh**
823. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp" là trách nhiệm vụ của ai?
824. Giáo viên bộ môn
825. Hiệu trưởng
826. **Giáo viên chủ nhiệm**
827. Phó Hiệu trưởng
828. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "Tính điểm trung bình các môn học theo học kỳ, cả năm học" là trách nhiệm vụ của ai?
829. Hiệu trưởng
830. Phó Hiệu trưởng
831. Giáo viên bộ môn
832. **Giáo viên chủ nhiệm**
833. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ" là trách nhiệm vụ của ai?
834. Phó Hiệu trưởng
835. **Giáo viên chủ nhiệm**
836. Giáo viên bộ môn
837. Hiệu trưởng
838. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực từng học kỳ, cả năm học của học sinh" là trách nhiệm vụ của ai?
839. **Giáo viên chủ nhiệm**
840. Phó Hiệu trưởng
841. Hiệu trưởng
842. Giáo viên bộ môn
843. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận là học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè." là trách nhiệm vụ của ai?
844. Giáo viên bộ môn
845. Hiệu trưởng
846. Phòng giáo dục và đào tạo, của sở giáo dục và đào tạo
847. **Giáo viên chủ nhiệm**
848. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh" là trách nhiệm vụ của ai?
849. **Giáo viên chủ nhiệm**
850. Hiệu trưởng
851. Phó Hiệu trưởng
852. Giáo viên bộ môn
853. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. "Xét duyệt danh sách học sinh được lên lớp, không được lên lớp, danh hiệu thi đua, kiểm tra lại các môn học, rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè" là trách nhiệm của ai?
854. Phó Hiệu trưởng
855. Giáo viên chủ nhiệm
856. **Hiệu trưởng**
857. Trưởng bộ môn
858. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. Phương án nào sau đây là trách nhiệm của Giáo viên bộ môn?
859. **Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kỳ, cả năm học và trực tiếp ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ.**
860. Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại, ghi kết quả vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm
861. Hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào sổ gọi tên và ghi điểm của các lớp.
862. Tính điểm trung bình các môn học theo học kỳ, cả năm học; xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ
863. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. Phương án nào sau đây là trách nhiệm của Giáo viên chủ nhiệm?
864. Tổ chức kiểm tra lại các môn học theo quy định
865. Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm từng học kỳ, cả năm học của học sinh.
866. **Xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ.**
867. Quản lý, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phổ biến đến gia đình học sinh các quy định của Quy chế này
868. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. Phương án nào sau đây là trách nhiệm của Hiệu trưởng?
869. **Hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào sổ gọi tên và ghi điểm của các lớp**
870. Lập danh sách học sinh đề nghị khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học
871. Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.
872. Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp
873. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Có bao nhiêu căn cứ đánh giá xếp loại học sinh?
874. 3 căn cứ
875. 5 căn cứ
876. **4 căn cứ**
877. 6 căn cứ
878. Theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011; Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT. Phương án nào sau đây là trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm?
879. Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực từng học kỳ, cả năm học của học sinh
880. Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp
881. **Tất cả phương án**
882. Tính điểm trung bình các môn học theo học kỳ, cả năm học; xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ.
883. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Phương án nào là căn cứ đánh giá xếp loại học sinh?
884. **Tất cả phương án**
885. Mục tiêu giáo dục của cấp học
886. Kết quả rèn luyện và học tập của học sinh
887. Chương trình, kế hoạch giáo dục của cấp học; Điều lệ nhà trường
888. Theo qui chế Đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT (Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; 12/12/2011). Phương án nào sau đây không phải là căn cứ đánh giá xếp loại học sinh?

Mục tiêu giáo dục của cấp học; Chương trình, kế hoạch giáo dục của cấp học

**Đơn xin đánh giá xếp loại của học sinh**

Kết quả rèn luyện và học tập của học sinh

Điều lệ nhà trường

1. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Phương án nào sau đây là đầu điểm được tính hệ số 2
2. **kiểm tra, đánh giá giữa kì**
3. kiểm tra, đánh giá cuối kì
4. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên
5. kiểm tra một tiết
6. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kỳ được tính hệ số bao nhiêu?
7. **Hệ số 3**
8. Hệ số 2
9. Hệ số 2.5
10. Hệ số 4
11. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Điểm kiểm tra, đánh giá nào tính hệ số 2?
12. **Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ**
13. Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
14. Điểm kiểm tra, đánh giá một tiết
15. Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kỳ
16. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Điểm kiểm tra, đánh giá nào tính hệ số 1?
17. Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kỳ
18. **Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên**
19. Điểm kiểm tra, đánh giá một tiết
20. Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ
21. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện?
22. trực tuyến
23. trực tiếp
24. **trực tiếp hoặc trực tuyến**
25. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua?
26. hỏi - đáp; viết ngắn; thuyết trình; thực hành, thí nghiệm
27. **hỏi - đáp; viết ngắn; thuyết trình; thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập gắn với chủ đề dạy học cụ thể.**
28. thuyết trình; thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập gắn với chủ đề dạy học cụ thể.
29. hỏi - đáp; viết ngắn; thuyết trình; sản phẩm học tập gắn với chủ đề dạy học cụ thể.
30. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Kiểm tra, đánh giá định kỳ, gồm?
31. kiểm tra, đánh giá thường xuyên; kiểm tra, đánh giá cuối kỳ
32. kiểm tra, đánh giá thường xuyên; kiểm tra, đánh giá giữa kỳ
33. **kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá cuối kỳ**
34. kiểm tra, đánh giá một tiết; kiểm tra, đánh giá giữa kỳ
35. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua?
36. bài thực hành, dự án học tập.
37. bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính
38. bài kiểm tra trên máy tính, bài thực hành, dự án học tập.
39. **bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.**
40. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính đối với môn không chuyên, được thực hiện thời gian bao nhiêu phút?
41. từ 30 phút đến 60 phút
42. từ 45 phút đến 60 phút
43. **từ 45 phút đến 90 phút**
44. từ 60 phút đến 90 phút
45. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính đối với môn chuyên, được thực hiện thời gian bao nhiêu phút?
46. **tối đa 120 phút**
47. tối đa 150 phút
48. tối đa 180 phút
49. tối đa 90 phút
50. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Ai ban hành?
51. **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**
52. Hiệu trưởng các trường và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
53. Giám đốc sở  Giáo dục và Đào tạo
54. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
55. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Môn nhiều nhất bao nhiêu đầu điểm?
56. 7 đầu điểm
57. 8 đầu điểm
58. 5 đầu điểm
59. **6 đầu điểm**
60. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ............, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
61. **Ma trận**
62. khung chương trinh
63. Đề cương ôn tập
64. Sách giáo khoa
65. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Xác định phương án đúng?
66. Chỉ có một số môn học được đánh giá bằng nhận xét
67. Tất cả môn học đều có đánh giá bằng nhận xét
68. Chỉ có các môn học Mỹ thuật, Giáo dục công dân, thể dục được đánh giá bằng nhận xét
69. **Tất cả các phương án đều đúng**
70. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Có bao nhiêu danh hiệu học sinh?
71. 8
72. **3**
73. 7
74. 2
75. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kì hoặc cả năm học, nếu đạt?
76. học lực loại xuất sắc hạnh kiểm khá hoặc tốt
77. hạnh kiểm loại tốt và học lực loại xuất sắc
78. **hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi**
79. hạnh kiểm loại giỏi và học lực loại giỏi
80. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kì hoặc cả năm học, nếu đạt?
81. hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại trung bình khá trở lên
82. hạnh kiểm từ loại trung bình khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên
83. **hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên**
84. hạnh kiểm từ loại trung bình khá trở lên và học lực từ loại giỏi
85. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Học sinh đạt thành tích nổi bật hoặc có tiến bộ vượt bậc trong học tập, rèn luyện được Hiệu trưởng?
86. Khen toàn trường
87. **tặng giấy khen**
88. Biểu dương
89. Tuyên dương
90. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Với môn học có từ 35 tiết trở xuống mỗi năm, học sinh phải có bao nhiêu đầu điểm?
91. **hai đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên**
92. ba đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
93. năm đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
94. bốn đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
95. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Môn học từ trên 35 đến 70 tiết học sinh phải có bao nhiêu đầu điểm?
96. **ba đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên**
97. hai đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
98. năm đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
99. bốn đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
100. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Môn học trên 70 tiết học sinh phải có bao nhiêu đầu điểm?
101. **bốn đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên**
102. ba đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
103. hai đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
104. năm đầu điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên
105. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Trong mỗi học kỳ, một môn học có bao nhiêu điểm?
106. **một điểm kiểm tra giữa kỳ và một điểm cuối kỳ.**
107. bốn điểm kiểm tra giữa kỳ và một điểm cuối kỳ.
108. hai điểm kiểm tra giữa kỳ và một điểm cuối kỳ.
109. ba điểm kiểm tra giữa kỳ và một điểm cuối kỳ.
110. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Môn ít nhất chỉ có bao nhiêu đầu điểm?
111. 5 đầu điểm
112. 3 đầu điểm
113. **4 đầu điểm**
114. 6 đầu điểm
115. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên được tính hệ số bao nhiêu?
116. . hệ số 0.3
117. **hệ số 1**
118. hệ số 0.5
119. hệ số 1.5
120. Theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT 26/8/2020. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS; THPT. Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ được tính hệ số bao nhiêu?
121. **hệ số 2**
122. hệ số 3
123. hệ số 1.0
124. Phương án nào sau đây là Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
125. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực
126. **Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội**
127. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.
128. Tất cả phương án
129. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội” là?
130. Mục tiêu tổng quát
131. Nhiệm vụ, giải pháp
132. Mục tiêu cụ thể
133. **Quan điểm chỉ đạo**
134. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện” là?
135. Nhiệm vụ, giải pháp
136. Mục tiêu cụ thể
137. **Quan điểm chỉ đạo**
138. Mục tiêu tổng quát
139. Phương án nào sau đây là Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
140. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt
141. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo
142. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo
143. **Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện**
144. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.” là?
145. Mục tiêu tổng quát
146. Mục tiêu cụ thể
147. **Quan điểm chỉ đạo**
148. Nhiệm vụ, giải pháp
149. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc.” là?
150. Mục tiêu tổng quát
151. Nhiệm vụ, giải pháp
152. Mục tiêu cụ thể
153. **Quan điểm chỉ đạo**
154. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp” là?
155. Mục tiêu tổng quát
156. **Quan điểm chỉ đạo**
157. Nhiệm vụ, giải pháp
158. Mục tiêu cụ thể
159. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.” là?
160. Mục tiêu tổng quát
161. Nhiệm vụ, giải pháp
162. Mục tiêu cụ thể
163. **Quan điểm chỉ đạo**
164. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.” là?
165. Mục tiêu tổng quát
166. Mục tiêu cụ thể
167. Nhiệm vụ, giải pháp
168. **Quan điểm chỉ đạo**
169. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan” là?
170. Mục tiêu tổng quát
171. Mục tiêu cụ thể
172. **Quan điểm chỉ đạo**
173. Nhiệm vụ, giải pháp
174. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.” là?
175. Mục tiêu tổng quát
176. **Quan điểm chỉ đạo**
177. Nhiệm vụ, giải pháp
178. Mục tiêu cụ thể
179. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo.” là?
180. Mục tiêu cụ thể
181. Nhiệm vụ, giải pháp
182. Mục tiêu tổng quát
183. **Quan điểm chỉ đạo**
184. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo.” là?
185. Mục tiêu tổng quát
186. Mục tiêu cụ thể
187. **Quan điểm chỉ đạo**
188. Nhiệm vụ, giải pháp
189. Phương án nào sau đây là Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
190. **Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo**
191. Bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc
192. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân.
193. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập
194. Phương án nào sau đây là Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
195. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập
196. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân.
197. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học
198. **Phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách.**
199. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách.” là?
200. Nhiệm vụ, giải pháp
201. **Quan điểm chỉ đạo**
202. Mục tiêu cụ thể
203. Mục tiêu tổng quát
204. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.” là?
205. **Quan điểm chỉ đạo**
206. Mục tiêu tổng quát
207. Mục tiêu cụ thể
208. Nhiệm vụ, giải pháp
209. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước” là?
210. Mục tiêu cụ thể
211. **Quan điểm chỉ đạo**
212. Mục tiêu tổng quát
213. Nhiệm vụ, giải pháp
214. Có bao nhiêu Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI.
215. **Hơn 7**
216. 7
217. 5
218. 6
219. Phương án nào sau đây là Mục tiêu tổng quát của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
220. **Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân**
221. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách
222. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.
223. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước
224. Phương án nào sau đây là Mục tiêu tổng quát của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
225. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.
226. Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học
227. Tất cả phương án
228. **Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập**
229. Phương án nào sau đây là Mục tiêu tổng quát của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
230. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan
231. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo.
232. Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.
233. **Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.**
234. Phương án nào sau đây là Mục tiêu tổng quát của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
235. **Bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc**
236. Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc
237. Đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.
238. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.
239. Phương án nào sau đây là Mục tiêu tổng quát của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
240. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.
241. Tất cả phương án
242. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo.
243. **Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.**
244. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân.” là?
245. Mục tiêu cụ thể
246. Nhiệm vụ, giải pháp
247. **Mục tiêu tổng quát**
248. Quan điểm chỉ đạo
249. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả” là?
250. Nhiệm vụ, giải pháp
251. Mục tiêu cụ thể
252. Quan điểm chỉ đạo
253. **Mục tiêu tổng quát**
254. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc" là?
255. Mục tiêu cụ thể
256. Nhiệm vụ, giải pháp
257. Quan điểm chỉ đạo
258. **Mục tiêu tổng quát**
259. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực" là?
260. Mục tiêu cụ thể
261. Quan điểm chỉ đạo
262. Nhiệm vụ, giải pháp
263. **Mục tiêu tổng quát**
264. Phương án nào sau đây là Mục tiêu tổng quát của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
265. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.
266. **Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo**
267. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo
268. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa.
269. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Phấn đấu đến năm 2020, có bao nhiêu phần trăm thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương.
270. 70%
271. **80%**
272. 90%
273. 85%
274. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Mục tiêu cụ thể. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và miễn học phí trước năm nào?
275. năm 2021
276. **năm 2020**
277. năm 2019
278. năm 2022
279. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Mục tiêu cụ thể. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới bao nhiêu tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục?
280. **5 tuổi**
281. 4 tuổi
282. 3 tuổi
283. 5 tuổi hoặc 4 tuổi
284. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Mục tiêu cụ thể. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm nào?
285. **năm 2020**
286. năm 2022
287. năm 2021
288. năm 2019
289. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đối với giáo dục mầm non, giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1" là?
290. **Mục tiêu cụ thể**
291. Mục tiêu tổng quát
292. Quan điểm chỉ đạo
293. Tổ chức thực hiện
294. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh." là?
295. **Mục tiêu cụ thể**
296. Quan điểm chỉ đạo
297. Nhiệm vụ, giải pháp
298. Tổ chức thực hiện
299. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn" là?
300. Tổ chức thực hiện
301. **Mục tiêu cụ thể**
302. Nhiệm vụ, giải pháp
303. Quan điểm chỉ đạo
304. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời" là?
305. **Mục tiêu cụ thể**
306. Quan điểm chỉ đạo
307. Tổ chức thực hiện
308. Mục tiêu tổng quát
309. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015" là?
310. Mục tiêu tổng quát
311. Nhiệm vụ, giải pháp
312. **Mục tiêu cụ thể**
313. Quan điểm chỉ đạo
314. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng" là?
315. Nhiệm vụ, giải pháp
316. **Mục tiêu cụ thể**
317. Quan điểm chỉ đạo
318. Mục tiêu tổng quát
319. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp" là?
320. Mục tiêu tổng quát
321. Nhiệm vụ, giải pháp
322. Quan điểm chỉ đạo
323. **Mục tiêu cụ thể**
324. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế." là?
325. Mục tiêu tổng quát
326. Nhiệm vụ, giải pháp
327. Quan điểm chỉ đạo
328. **Mục tiêu cụ thể**
329. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học." là?
330. **Mục tiêu cụ thể**
331. Mục tiêu tổng quát
332. Quan điểm chỉ đạo
333. Nhiệm vụ, giải pháp
334. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế." là?
335. Nhiệm vụ, giải pháp
336. **Mục tiêu cụ thể**
337. Quan điểm chỉ đạo
338. Mục tiêu tổng quát
339. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế" là?
340. Nhiệm vụ, giải pháp
341. Mục tiêu tổng quát
342. **Mục tiêu cụ thể**
343. Quan điểm chỉ đạo
344. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đối với giáo dục thường xuyên, bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động chuyển đổi nghề; bảo đảm xóa mù chữ bền vững" là?
345. **Mục tiêu cụ thể**
346. Mục tiêu tổng quát
347. Quan điểm chỉ đạo
348. Nhiệm vụ, giải pháp
349. Tổ chức thực hiện
350. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa." là?
351. Tổ chức thực hiện
352. Mục tiêu tổng quát
353. Quan điểm chỉ đạo
354. **Mục tiêu cụ thể**
355. Nhiệm vụ, giải pháp
356. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đối với việc dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài, có chương trình hỗ trợ tích cực việc giảng dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần phát huy sức mạnh của văn hóa Việt Nam, gắn bó với quê hương, đồng thời xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước." là?
357. Mục tiêu tổng quát
358. Nhiệm vụ, giải pháp
359. Quan điểm chỉ đạo
360. **Mục tiêu cụ thể**
361. Phương án nào sau đây là Nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI?
362. **Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo**
363. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện
364. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt
365. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo
366. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo" là?
367. Quan điểm chỉ đạo
368. **Nhiệm vụ, giải pháp**
369. Tổ chức thực hiện
370. Mục tiêu cụ thể
371. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý" là?
372. Quan điểm chỉ đạo
373. **Nhiệm vụ, giải pháp**
374. Mục tiêu cụ thể
375. Tổ chức thực hiện
376. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo" là?
377. Tổ chức thực hiện
378. **Nhiệm vụ, giải pháp**
379. Quan điểm chỉ đạo
380. Mục tiêu cụ thể
381. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo" là?
382. Mục tiêu cụ thể
383. **Nhiệm vụ, giải pháp**
384. Tổ chức thực hiện
385. Quan điểm chỉ đạo
386. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. “Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng" là?
387. **Nhiệm vụ, giải pháp**
388. Tổ chức thực hiện
389. Quan điểm chỉ đạo
390. Mục tiêu cụ thể
391. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. "Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan" là?
392. Mục tiêu cụ thể
393. Tổ chức thực hiện
394. Quan điểm chỉ đạo
395. **Nhiệm vụ, giải pháp**
396. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học" là?
397. Quan điểm chỉ đạo
398. Tổ chức thực hiện
399. Mục tiêu cụ thể
400. **Nhiệm vụ, giải pháp**
401. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo" là?
402. Mục tiêu cụ thể
403. **Nhiệm vụ, giải pháp**
404. Tổ chức thực hiện
405. Quan điểm chỉ đạo
406. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Có bao nhiêu nhóm nhiệm vụ, giải pháp?
407. 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp
408. **9 nhóm nhiệm vụ, giải pháp**
409. 6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp
410. 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp
411. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Phương án nào sau đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp?
412. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.
413. **Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo**
414. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân
415. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập
416. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Phương án nào sau đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp?
417. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.
418. **Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý**
419. Tất cả phương án
420. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt
421. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Phương án nào sau đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp?
422. Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.
423. Tất cả phương án
424. **Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo**
425. Đối với giáo dục mầm non, giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1.
426. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Phương án nào sau đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp?
427. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015
428. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn
429. Tất cả phương án
430. **Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo**
431. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Phương án nào sau đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp?
432. Tất cả phương án
433. **Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng**
434. Phấn đấu đến năm 2020, có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương
435. Đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp.
436. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Phương án nào sau đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp?
437. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo.
438. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.
439. Tất cả phương án
440. **Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập**
441. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Phương án nào sau đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp?
442. **Tất cả phương án**
443. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo
444. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học
445. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan
446. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập" là?
447. Tổ chức thực hiện
448. Mục tiêu cụ thể
449. Quan điểm chỉ đạo
450. **Nhiệm vụ, giải pháp**
451. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Cơ quan, tổ chức đơn vị nào tổ chức việc học tập, quán triệt tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết này. Lãnh đạo kiện toàn bộ máy tham mưu và bộ máy quản lý giáo dục và đào tạo; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, đặc biệt là kiểm tra công tác chính trị, tư tưởng và việc xây dựng nền nếp, kỷ cương trong các trường học, phát hiện và giải quyết dứt điểm các biểu hiện tiêu cực trong giáo dục và đào tạo?
452. Đảng đoàn Quốc hội
453. Ban cán sự đảng Chính phủ
454. **Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân**
455. Ban Tuyên giáo Trung ương
456. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Cơ quan, tổ chức nào lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành mới hệ thống pháp luật về giáo dục và đào tạo, các luật, nghị quyết của Quốc hội, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Nghị quyết và giám sát việc thực hiện?
457. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân
458. **Đảng đoàn Quốc hội**
459. Ban cán sự đảng Chính phủ
460. Ban Tuyên giáo Trung ương
461. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Cơ quan, tổ chức nào  lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản dưới luật; xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.
462. **Ban cán sự đảng Chính phủ**
463. Ban Tuyên giáo Trung ương
464. Đảng đoàn Quốc hội
465. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân
466. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Thành lập Ủy ban quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo do Ai làm Chủ tịch Ủy ban.
467. **Thủ tướng Chính phủ**
468. Chủ tịch Nước
469. Bộ trưởng Bộ nội vụ
470. Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo
471. Theo Nghị quyết 29-NQ/TW; 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI. Cơ quan, tổ chức nào chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết
472. **Ban Tuyên giáo Trung ương**
473. Ban cán sự đảng Chính phủ
474. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân
475. Đảng đoàn Quốc hội
476. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xác định phương án sai về đối tượng áp dụng Nghị định này?
477. Không có phương án nào sai
478. **Các phòng thuộc uỷ ban nhân dân cấp huyện**
479. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ
480. Đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
481. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xác định phương án sai về đối tượng áp dụng Nghị định này?
482. Đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp
483. Không có phương án nào sai
484. **Các phòng chuyên môn thuộc sở**
485. Đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập
486. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. “Chế độ tập sự” là?
487. “Chế độ tập sự” là các quy định liên quan đến quá trình người được tuyển dụng vào viên chức làm quen với môi trường công tác và tập làm quen những công việc của vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp sẽ được bổ nhiệm quy định trong hợp đồng làm việc
488. **“Chế độ tập sự” là các quy định liên quan đến quá trình người được tuyển dụng vào viên chức làm quen với môi trường công tác và tập làm những công việc của vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp sẽ được bổ nhiệm quy định trong hợp đồng làm việc tương lai**
489. “Chế độ tập sự” là các quy định liên quan đến quá trình người được tuyển dụng vào viên chức làm quen với môi trường công tác và tập làm những công việc của vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp sẽ được bổ nhiệm quy định trong hợp đồng làm việc
490. “Chế độ tập sự” là các quy định liên quan đến quá trình người được tuyển dụng vào viên chức thử việc với môi trường công tác và tập làm những công việc của vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp sẽ được bổ nhiệm quy định trong hợp đồng làm việc
491. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. “Thăng hạng chức danh nghề nghiệp” là?
492. “Thăng hạng chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hoặc bằng trong cùng một lĩnh vực nghề nghiệp
493. “Thăng hạng chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng không thấp hơn trong cùng một lĩnh vực nghề nghiệp
494. “Thăng hạng chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức thi đậu và được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn trong cùng một lĩnh vực nghề nghiệp
495. **“Thăng hạng chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn trong cùng một lĩnh vực nghề nghiệp**
496. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. “Hạng chức danh nghề nghiệp” là?
497. **“Hạng chức danh nghề nghiệp” là cấp độ thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp;**
498. “Hạng chức danh nghề nghiệp” là cấp độ thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ
499. “Hạng chức danh nghề nghiệp” là thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp;
500. “Hạng chức danh nghề nghiệp” là vị trí thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp;
501. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. “Thay đổi chức danh nghề nghiệp” là?
502. “Thay đổi chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức thi trúng tuyển và được bổ nhiệm vào một chức danh nghề nghiệp khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm đang đảm nhiệm
503. **“Thay đổi chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm vào một chức danh nghề nghiệp khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm đang đảm nhiệm**
504. “Thay đổi chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm vào một vị trí chức danh nghề nghiệp khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm đang đảm nhiệm
505. “Thay đổi chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm vào một chức danh nghề nghiệp khác theo nguyện vọng phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm đang đảm nhiệm
506. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xác định phương án đúng về loại viên chức được phân theo chức trách, nhiệm vụ?
507. Viên chức lãnh đạo; Viên chức không giữ chức vụ quản lý
508. Viên chức lãnh đạo; Viên chức không lãnh đạo
509. Không có phương án nào đúng
510. **Viên chức quản lý; Viên chức không giữ chức vụ quản lý**
511. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Theo trình độ đào tạo, viên chức được phân bao nhiêu loại?
512. 3 loại
513. **5 loại**
514. 4 loại
515. 7 loại
516. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Theo chức trách, nhiệm vụ, viên chức được phân bao nhiêu loại?
517. 5 loại
518. **2 loại**
519. 4 loại
520. 3 loại
521. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xác định phương án đúng về phân loại viên chức theo trình độ đào tạo?
522. Tiến sĩ; Thạc sĩ; Kỹ sư; Cao đẳng; trung cấp
523. Tiến sĩ; Cao học; Đại học; Cao đẳng; trung cấp
524. Tiến sĩ; Thạc sĩ; Cử nhân; Cao đẳng; trung cấp
525. **Tiến sĩ; Thạc sĩ; Đại học; Cao đẳng; trung cấp**
526. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu căn cứ vào việc tuyển dụng viên chức?
527. 5 căn cứ
528. 3 căn cứ
529. **4 căn cứ**
530. 6 căn cứ
531. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xác định phương án đúng về các căn cứ tuyển dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công chức?
532. Chỉ tiêu biên chế, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương
533. Nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chỉ tiêu biên chế
534. **Nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương**
535. Vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; Chỉ tiêu biên chế và quỹ tiền lương

Khoản 1 Điều 4

1. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức xây dựng kế hoạch tuyển dụng, báo cáo cơ quan nào phê duyệt?
2. Cơ quan có thẩm quyền sử dụng viên chức
3. Bộ Nội vụ hoặc Sở Nội vụ
4. Cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức
5. **Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức**
6. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật?
7. 17 tuổi trở lên
8. **15 tuổi trở lên**
9. 14 tuổi trở lên
10. 16 tuổi trở lên
11. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển được cộng điểm ưu tiên vào kết quả điểm vòng nào?
12. **kết quả điểm vòng 2**
13. kết quả điểm vòng 2 hoặc kết quả điểm vòng 1
14. kết quả điểm vòng 1
15. kết quả điểm vòng 3
16. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng bao nhiêu điểm vào kết quả điểm vòng 2
17. 8,5 điểm
18. 2,5 điểm
19. 5 điểm
20. **7,5 điểm**
21. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng bao nhiêu điểm vào kết quả điểm vòng 2;
22. 8,5 điểm
23. **5 điểm**
24. 7,5 điểm
25. 2,5 điểm
26. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Đối tượng “sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành” được cộng bao nhiêu điểm vào kết quả điểm vòng 2
27. 2,0 điểm
28. **5 điểm**
29. 7,5 điểm
30. 2,5 điểm
31. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Đối tượng “người hưởng chính sách như thương binh” được cộng bao nhiêu điểm vào kết quả điểm vòng 2
32. 7,0 điểm
33. 5,5 điểm
34. **7,5 điểm**
35. 5,0 điểm
36. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chọn phương án đúng về đối tượng được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2
37. **Học viên tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị**
38. Thương binh loại B
39. Người hưởng chính sách như thương binh
40. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong
41. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chọn phương án đúng về đối tượng ưu tiên được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2
42. Thương binh
43. Thương binh loại B
44. Anh hùng Lao động
45. **Con của người hưởng chính sách như thương binh**
46. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chọn phương án đúng về đối tượng ưu tiên được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2
47. Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị
48. Người dân tộc thiểu số
49. **Anh hùng Lực lượng vũ trang**
50. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
51. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng bao nhiêu điểm vào kết quả điểm vòng 2
52. 2,0 điểm
53. 5 điểm
54. **2,5 điểm**
55. 7,5 điểm
56. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Đối tượng “Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị” được cộng bao nhiêu điểm vào kết quả điểm vòng 2
57. 7,5 điểm
58. 2,5 điểm
59. **5 điểm**
60. 7,5 điểm hoặc 5 điểm
61. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên theo quy định thì ................. vào kết quả điểm vòng 2.
62. chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất hoặc được cộng điểm ưu tiên trung bình của các điểm ưu tiên
63. được cộng điểm ưu tiên trung bình của các điểm ưu tiên
64. **chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất**
65. được cộng điểm ưu tiên của tất cả các điểm ưu tiên
66. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên thì Ai là người thực hiện việc tuyển dụng viên chức?
67. **Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập**
68. Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập
69. Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
70. Sở Nội vụ hoặc Bộ Nội vụ
71. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thì cơ quan nào thực hiện việc tuyển dụng viên chức hoặc phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện?
72. Người đứng đầu có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập
73. **Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập**
74. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập
75. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được giao thẩm quyền tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng có bao nhiêu thành viên?
76. 07 thành viên
77. 09 thành viên
78. **05 hoặc 07 thành viên**
79. 05 thành viên
80. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng có bao nhiêu thành viên?
81. 05 hoặc 03 thành viên
82. 07 thành viên
83. 05 thành viên
84. **05 hoặc 07 thành viên**
85. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định" là nhiệm vụ quyền hạn của?
86. Bộ phận kế toán
87. Cơ quan sử dụng viên chức
88. Cơ quan quản lý viên chức
89. **Hội đồng tuyển dụng**
90. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo bao nhiêu vòng thi?
91. 1 vòng thi
92. 3 vòng thi
93. **2 vòng thi**
94. 2 vòng thi hoặc 1 vòng thi
95. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung, gồm?
96. Kiến thức chung; Ngoại ngữ
97. Kiến thức chung;Tin hoc
98. Kiến thức chung; Ngoại ngữ hoặc Kiến thức chung; Tin hoc
99. **Kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin hoc**
100. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1, thi trên máy tính: Thi kiểm tra kiến thức chung, gồm?
101. Kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học hoặc Kiến thức chung; Ngoại ngữ
102. Kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học
103. **Kiến thức chung; Ngoại ngữ**
104. Kiến thức chung; Tin học
105. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1, thi kiểm tra kiến thức chung, Kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học. Thời gian làm bài mỗi môn bao nhiêu phút
106. 60;45;45
107. 60;45;30
108. **60;30;30**
109. 90;45;45
110. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1, thi trên máy tính kiểm tra kiến thức chung thì không có môn thi nào?
111. Tin học hoặc Ngoại ngữ
112. **Tin học**
113. Ngoại ngữ
114. Kiến thức chung
115. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1, thi trắc nghiệm trên giấy kiểm tra kiến thức chung thì có những môn thi nào?
116. Kiến thức chung, 60 câu/60 phút
117. **Tất cả phương án**
118. Tin học, 30 câu/30 phút
119. Ngoại ngữ, 30 câu/30 phút
120. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1, thi kiểm tra kiến thức chung môn Ngoại Ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm, gồm những thứ tiếng nào?
121. **Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định**
122. Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật  hoặc ngoại ngữ khác do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định
123. Do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định
124. Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc; Nhật
125. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1, thi kiểm tra kiến thức chung, môn tin học được miễn thi trong trường hợp nào?
126. có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin
127. **có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin**
128. có chứng chỉ tin học
129. có bằng tốt nghiệp từ sơ cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin
130. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1, thi kiểm tra kiến thức chung. Kết quả thi vòng 1 trả lời đúng từ bao nhiêu phần trăm số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.
131. 50% số câu hỏi hoặc 49,9 % số câu hỏi
132. 49,9% số câu hỏi
133. 70% số câu hỏi
134. **50% số câu hỏi**
135. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi Vòng 1, thi kiểm tra kiến thức chung, thi theo hình thức nào sau đây?
136. Thi viết
137. Thi phỏng vấn
138. Thi thực hành
139. **Thi trắc nghiệm**
140. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng.  Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành theo một trong ba hình thức nào sau đây?
141. Trắc nghiệm; thực hành; thi viết.
142. Phỏng vấn; trắc nghiệm; thi viết.
143. Trắc nghiệm; thực hành; phỏng vấn
144. **Phỏng vấn; thực hành; thi viết.**
145. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng.  Vòng 2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức có yêu cầu cao hơn về nội dung, hình thức, thời gian thi tại vòng 2 thì thống nhất ý kiến với cơ quan nào trước khi thực hiện?
146. Sở Nội vụ
147. Chính phủ
148. **Bộ Nội vụ**
149. Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
150. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi. Xác định phương án đúng về Môn thi vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung
151. Kiến thức chung; Tin học
152. Kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học
153. **Kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học hoặc Kiến thức chung; Ngoại ngữ**
154. Kiến thức chung; Ngoại ngữ
155. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng.  Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành, Thời gian thi: Thi phỏng vấn bao nhiêu phút
156. **30 phút**
157. 30 phút hoặc 45 phút
158. 60 phút
159. 45 phút
160. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng.  Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành, Thời gian thi: Thi thi viết là bao nhiêu phút
161. 90 phút
162. 180 phút hoặc 120 phút
163. 120 phút
164. **180 phút**
165. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng.  Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành, thời gian thi thực hành do ai là người quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển?
166. người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức
167. người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức
168. chủ tịch hội đồng tuyển dụng viên chức
169. **người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng**
170. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng. Vòng 1:
171. Thi trắc nghiệm môn kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học hoặc Thi trắc nghiệm môn kiến thức chung; Ngoại ngữ
172. Thi trắc nghiệm môn kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học
173. **Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển**
174. Thi phỏng vấn hoặc thi thực hành hoặc tự luận
175. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng. Vòng 2 được thực hiện một trong ba hình thức thi nào sau đây?
176. Phỏng vấn; thực hành; trắc nghiệm.
177. Trắc nghiệm; thực hành; thi viết.
178. **Phỏng vấn; thực hành; thi viết.**
179. Phỏng vấn; trắc nghiệm; thi viết.
180. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Tiếp nhận vào làm viên chức. Người đủ điều kiên tiếp nhân vào viên chức không giữ chức vụ quản lý, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải thành lập Hội đồng nào?
181. **Hội đồng kiểm tra, sát hạch**
182. Hội đồng tiếp nhận viên chức
183. Hội đồng tuyển dụng viên chức
184. Hội đồng sử dụng viên chức
185. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Khi tiếp nhận vào làm viên chức, Hội đồng kiểm tra, sát hạch có bao nhiêu thành viên?
186. **05 hoặc 07 thành viên**
187. 05 hoặc 03 thành viên
188. 07 thành viên
189. 05 thành viên
190. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Khi tiếp nhận vào làm viên chức quản lý, người có thẩm quyền phải ra quyết định nào?
191. **Quyết định bổ nhiệm**
192. Quyết định đề bạt
193. Quyết định tiếp nhận
194. Quyết định phân công công tác
195. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Quy trình xem xét tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý thì nhiệm vụ của Hội đồng kiểm tra, sát hạch, tổ chức sát hạch viên chức về ?
196. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ
197. **Trình độ hiểu biết chung và Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ**
198. Trình độ hiểu biết chung  hoặc Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ
199. Trình độ hiểu biết chung
200. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Quy trình xem xét tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý. Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định bằng cách nào?
201. **Biểu quyết**
202. Tất cả phương án
203. Ý kiến của từng thành viên
204. Phiếu chấm điểm của từng thành viên
205. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm viên chức, gồm bao nhiêu loại?
206. **4 loại**
207. 3 loại
208. 6 loại
209. 5 loại
210. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm viên chức, gồm?
211. **Sơ yếu lý lịch; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ; Giấy chứng nhận sức khỏe; Bản tự nhận xét, đánh giá**
212. Sơ yếu lý lịch; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ; Giấy chứng nhận sức khỏe; Bản tự nhận xét, đánh giá; Quyết định tiếp nhận
213. Sơ yếu lý lịch; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ; Giấy chứng nhận sức khỏe; Bản tự nhận xét, đánh giá; Giấy giới thiệu
214. Đơn xin chuyển; Sơ yếu lý lịch; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ; Giấy chứng nhận sức khỏe; Bản tự nhận xét, đánh giá
215. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Tiếp nhận vào làm viên chức. Người đủ điều kiên tiếp nhân vào viên chức để bổ nhiệm làm viên chức quản lý sẽ thực hiện theo phương án nào sau đây?
216. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức
217. **Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tiếp nhận vào làm viên chức.**
218. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải thành lập Hội đồng  tiếp nhân Viên chức
219. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch
220. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Căn cứ vào điều kiện đăng ký dự tuyển và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng. Phương án nào sau đây được người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét tiếp nhận vào làm viên chức, với đối tượng không yêu cầu đáp ứng các điều kiện:

- Có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp yêu cầu vị trí việc làm;

- Có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc

1. Người đang là cán bộ, công chức cấp xã
2. Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu
3. Người đang ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật
4. **Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống**
5. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Căn cứ vào điều kiện đăng ký dự tuyển và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng. Phương án nào sau đây được người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét tiếp nhận vào làm viên chức, với đối tượng không yêu cầu đáp ứng các điều kiện:

- Có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp yêu cầu vị trí việc làm;

- Có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc

1. Người đang làm việc trong các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp
2. **Người đã từng là cán bộ, công chức, viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp**
3. Người đang làm việc tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
4. Người đang ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật
5. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Căn cứ vào điều kiện đăng ký dự tuyển và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng. Phương án nào sau đây được người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét tiếp nhận vào làm viên chức, với đối tượng đáp ứng các điều kiện:

- Có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp yêu cầu vị trí việc làm;

- Có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

1. Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống
2. **Người đang là cán bộ, công chức cấp xã**
3. Tất cả phương án
4. Người đã từng là cán bộ, công chức, viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu
5. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức là bao nhiêu ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.
6. 20 ngày
7. 45 ngày
8. 15 ngày
9. **30 ngày**
10. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất bao nhiêu lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng theo qui định?
11. 03 lần
12. **01 lần**
13. 05 lần
14. 02 lần
15. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.
16. 07 ngày
17. 05 ngày
18. 20 ngày
19. **15 ngày**
20. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1
21. 20 ngày
22. 05 ngày
23. **15 ngày**
24. 10 ngày
25. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất ....... ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn ...... ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng;
26. 10/25
27. 5/5
28. 07/15
29. **05/15**
30. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất bao nhiêu ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn
31. 07 ngày
32. 10 ngày
33. **15 ngày**
34. 5 ngày
35. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.
36. 07 ngày
37. 10 ngày
38. **05 ngày**
39. 20 ngày
40. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2
41. 5 ngày
42. 20 ngày
43. **15 ngày**
44. 10 ngày
45. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức thi nào?
46. Phỏng vấn
47. Thực hành.
48. Thi viết ( Tự luận)
49. **Phỏng vấn hoặc thực hành.**
50. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức thi nào?
51. Thực hành
52. Phỏng vấn
53. **Thi viết**
54. Phỏng vấn hoặc Thực hành
55. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng
56. 07 ngày
57. 15 ngày
58. **05 ngày**
59. 03 ngày
60. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức thi vòng 2
61. 07 ngày
62. **15 ngày**
63. 5 ngày
64. 10 ngày
65. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.
66. **10 ngày**
67. 15 ngày
68. 20 ngày
69. 30 ngày
70. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.
71. **30 ngày**
72. 45 ngày
73. 10 ngày
74. 15 ngày
75. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển, với trường hợp nào sau đây?
76. **Tất cả phương án**
77. Ngừoi trúng tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển
78. Người trúng tuyển bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển
79. Người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định
80. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định tuyển dụng, đồng thời gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký và đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để biết, thực hiện việc ký hợp đồng làm việc với viên chức
81. **15 ngày**
82. 30 ngày
83. 20 ngày
84. 10 ngày
85. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng viên chức phải đến đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để ký hợp đồng làm việc và nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức đồng ý gia hạn.
86. 45 ngày
87. 10 ngày
88. 15 ngày
89. **30 ngày**
90. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Quá thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng viên chức không đến đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để ký hợp đồng làm việc và nhận việc thì Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức đề nghị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức hủy bỏ quyết định tuyển dụng?
91. **30 ngày**
92. 45 ngày
93. 60 ngày
94. 20 ngày
95. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu loại hợp đồng làm việc?
96. **2**
97. 2 hoặc 3
98. 4
99. 3
100. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chọn phương án đúng về loại hợp đồng làm việc?
101. Hợp đồng làm việc ngắn hạn; Hợp đồng làm việc dài hạn
102. Hợp đồng làm việc ngắn hạn; Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn
103. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn; Hợp đồng làm việc vô thời hạn
104. **Hợp đồng làm việc xác định thời hạn; Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn**
105. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ bao nhiêu tháng đến bao nhiêu tháng?
106. 12 tháng đến 48 tháng
107. **12 tháng đến 60 tháng**
108. 09 tháng đến 60 tháng
109. 12 tháng đến 72 tháng
110. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 nhưng đang thực hiện hợp đồng làm việc xác định thời hạn thì tiếp tục thực hiện hợp đồng làm việc đã ký kết, sau khi kết thúc thời hạn của hợp đồng làm việc đã ký kết thì được ký kết loại hợp đồng làm việc nào, nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật.
111. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn hoặc Hợp đồng làm việc xác định thời hạn
112. Thực hiện thi tuyển hoặc xét tuyển, nếu trúng tuyển sẽ ký loại Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn
113. **Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn**
114. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn
115. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng làm việc, nếu có thay đổi nội dung hợp đồng làm việc thì viên chức hoặc người được tuyển dụng làm viên chức thỏa thuận với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về các nội dung thay đổi đó và được tiến hành bằng việc ký kết hợp đồng làm việc nào?
116. Ký kết hợp đồng làm việc mới có những nội dung thay đổi đó.
117. Ký kết hợp đồng làm việc bổ sung các nội dung thay đổi đó
118. **Ký kết phụ lục hợp đồng làm việc hoặc ký kết hợp đồng làm việc mới có những nội dung thay đổi đó.**
119. Ký kết phụ lục hợp đồng làm việc có những nội dung thay đổi đó.
120. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người được tuyển dụng vào viên chức phải thực hiện chế độ tập sự bao nhiêi tháng với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo đại học?
121. 09 tháng
122. 12 tháng
123. 18 tháng
124. **12 tháng hoặc 09 tháng**
125. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người được tuyển dụng vào viên chức phải thực hiện chế độ tập sự bao nhiêu tháng với chức danh nghề nghiệp bác sĩ?
126. 12 tháng
127. 09 tháng hoặc  12 tháng
128. 18 tháng
129. **09 tháng**
130. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người được tuyển dụng vào viên chức phải thực hiện chế độ tập sự bao nhiêi tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo cao đẳng?
131. 12 tháng
132. 09 tháng hoặc 06 tháng
133. 06 tháng
134. **09 tháng**
135. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người được tuyển dụng vào viên chức phải thực hiện chế độ tập sự bao nhiêu tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo trung cấp?
136. 12 tháng
137. 06 tháng hoặc 09 tháng
138. **06 tháng**
139. 09 tháng
140. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ bao nhiêu ngày trở lên thì không được tính vào thời gian tập sự?
141. 20 ngày
142. **14 ngày**
143. 10 ngày
144. 30 ngày
145. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất sau bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày viên chức đến nhận việc, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải ra quyết định bằng văn bản cử viên chức giữ chức danh nghề nghiệp bằng hoặc cao hơn, có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ để hướng dẫn người tập sự.
146. **05 ngày**
147. 07 ngày
148. 10 ngày
149. 03 ngày
150. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng bao nhiêu phần trăm mức lương theo qui định?
151. 75%
152. **85%**
153. 70%
154. 90%
155. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người hướng dẫn tập sự được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm bằng bao nhiêu mức lương cơ sở trong thời gian hướng dẫn tập sự?
156. 0,5
157. 0,7
158. **0,3**
159. 0,2
160. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người tập sự được hưởng bao nhiêu phần trăm mức lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp, thuộc trường hợp là "đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ"
161. **100%**
162. 95%
163. 85%
164. 90%
165. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người tập sự được hưởng bao nhiêu phần trăm mức lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp, thuộc trường hợp là "học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị"
166. 90%
167. 80%
168. **100%**
169. 95%
170. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người tập sự được hưởng bao nhiêu phần trăm mức lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp, thuộc trường hợp là "học viên tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị"
171. 95%
172. 85%
173. 90%
174. **100%**
175. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của người tập sự và nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn tập sự, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự
176. 10 ngày
177. 15 ngày
178. **05 ngày**
179. 07 ngày
180. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xác định phương án đúng về Người tập sự bị chấm dứt hợp đồng làm việc và hủy bỏ quyết định tuyển dụng khi nào?
181. Có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.
182. Không có phương án nào đúng
183. **Không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật**
184. Không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự
185. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Người tập sự bị chấm dứt hợp đồng làm việc được đơn vị sự nghiệp công lập trợ cấp bao nhiêu tháng lương, phụ cấp hiện hưởng và tiền tàu xe về nơi cư trú?
186. 04 tháng
187. 03 tháng
188. 02 tháng
189. **01 tháng**
190. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu mẫu hợp đồng làm việc?
191. **3 mẫu hợp đồng làm việc**
192. 2 mẫu hợp đồng làm việc
193. 3 mẫu hợp đồng làm việc hoặc 2 mẫu hợp đồng làm việc
194. 4 mẫu hợp đồng làm việc
195. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Ai là người chịu trách nhiệm bố trí, phân công công tác; giao nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức; bảo đảm các điều kiện cần thiết để viên chức thực hiện nhiệm vụ và các chế độ, chính sách đối với viên chức?
196. **Người đứng đầu đơn vị sử dụng viên chức**
197. Người đứng đầu đơn vị quản lý viên chức
198. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức
199. Tất cả phương án
200. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thời hạn biệt phái viên chức không quá bao nhiêu năm?
201. 05 năm
202. 04 năm
203. 02 năm
204. **03 năm**
205. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Ai là người quyết định việc biệt phái viên chức thuộc thẩm quyền quản lý?
206. **Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập**
207. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
208. Bộ Nội vụ hoặc Sở Nội vụ
209. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập
210. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu hạng chức danh nghề nghiệp, của viên chức?
211. 6 hạng
212. 5 hạng hoặc 4 hạng
213. **5 hạng**
214. 4 hạng
215. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức bao gồm bao nhiêu nội dung?
216. 4 nội dung
217. 4 nội dung hoặc 3 nội dung
218. 3 nội dung
219. **5 nội dung**
220. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Hạng chức danh nghề nghiệp, của viên chức nào là hạng cao nhất
221. Hạng I hoặc HạngV
222. Hạng V
223. Hạng I hoặc Hạng IV
224. **Hạng I**

Điều 28

1. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Hạng chức danh nghề nghiệp, của viên chức nào là hạng thấp nhất?
2. **Hạng V**
3. Hạng IV
4. Hạng I hoặc Hạng V
5. Hạng I
6. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Phương án nào sau là hạng của chức danh nghề nghiệp của viên chức?
7. **I; II; III; IV;V**
8. II; III; IV;V
9. I; II; III; IV
10. II; III; IV;V;VI`
11. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Việc thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức được thực hiện trong trường hợp nào sau?
12. Thi hoặc xét thăng hạng
13. **Tất cả phương án**
14. Xét thăng hạng đặc cách
15. Xét chuyển
16. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Ai là người quyết định việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền phân cấp?
17. Chủ tịch Hội đồng xét chuyển thặng viên chức
18. **Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền**
19. Tất cả phương án
20. Người đứng đầu quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quyết định
21. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Phương án nào sau đây là sai?
22. Viên chức được xét chuyển chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được chuyển
23. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền phân cấp
24. Việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp được thực hiện khi viên chức thay đổi vị trí việc làm mà chức danh nghề nghiệp đang giữ không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm mới.
25. **Khi xét chuyển chức danh nghề nghiệp kết hợp nâng bậc lương**
26. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được tổ chức theo nguyên tắc nào?
27. Bảo đảm quyền chủ động và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
28. Tất cả phương án
29. **Bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật**
30. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự thống nhất quản lý của Nhà nước.
31. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi được xếp loại chất lượng ở mức nào trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp?
32. Hoàn thành tốt nhiệm vụ
33. **Hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**
34. Hoàn thành nhiệm vụ
35. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
36. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Việc phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của cơ quan nào?
37. **Cơ quan có thẩm quyền của Đảng.**
38. Chính phủ
39. Ban tổ chức Trung ương
40. Bộ Nội vụ
41. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định về chỉ tiêu thăng hạng nào?
42. **hạng III và hạng IV**
43. hạng II và hạng III
44. hạng IV và hạng V
45. hạng I và hạng II
46. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định về chỉ tiêu thăng hạng và tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng nào?
47. **hạng III và hạng IV.**
48. hạng I và hạng II
49. hạng II và hạng III.
50. hạng IV và hạng V.
51. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng nào, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng
52. hạng II;  hạng I
53. hạng I
54. **hạng II**
55. hạng III
56. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng nào, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng
57. hạng IV
58. hạng I; II
59. hạng III
60. **hạng I**
61. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp?
62. 4
63. **6**
64. 5
65. 5 hoặc 4
66. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu loại Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp?
67. 4
68. **Hơn 4**
69. 10
70. 11
71. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Cơ quan nào ban hành Nội quy, Quy chế tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức?
72. Chính phủ
73. Cơ quan quản lý viên chức
74. **Bộ Nội vụ**
75. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng viên chức
76. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Cơ quan nào chủ trì xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án của môn kiến thức chung trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp?
77. Bộ Giáo dục và Đào tạo
78. **Bộ Nội vụ**
79. Cơ quan quản lý Viên chức
80. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng viên chức
81. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thành lập. Hội đồng có bao nhiêu thành viên?
82. **05 hoặc 07 thành viên**
83. 05 thành viên
84. 03 hoặc 05 thành viên
85. 07 thành viên
86. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Tổ chức thu phí dự thi hoặc xét thăng hạng và sử dụng theo quy định" là nhiệm vụ quyền hạn của?
87. Cơ quan tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
88. Cơ quan quản lý Viên chức
89. Bộ phận kế toán của Cơ quan tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
90. **Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**
91. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Hình thức thi trắc nghiệm cho các môn nào?
92. Môn kiến thức chung; Tin học; Chuyên ngành
93. **Môn kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học**
94. Tin học; Ngoại ngữ; Chuyên ngành
95. Môn kiến thức chung; Ngoại ngữ; Chuyên ngành
96. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp,Môn ngoại ngữ được chọn một trong 5 thứ tiếng nào?
97. Anh, Nga, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc
98. Anh, Nga, Nhật, Đức, Trung Quốc
99. **Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc**
100. Anh, Nga, Pháp, Nhật, Trung Quốc
101. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời gian thi trắc nghiệm Môn ngoại ngữ là bao nhiêu phút?
102. **30**
103. 60
104. 90
105. 45
106. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Số câu hỏi thi trắc nghiệm Môn ngoại ngữ là bao nhiêu câu?
107. **30**
108. 90
109. 45
110. 60
111. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Số câu hỏi thi trắc nghiệm Môn Tin học là bao nhiêu câu?
112. 100
113. 45
114. 60
115. **30**
116. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Số câu hỏi thi trắc nghiệm Môn Kiến thức chung là bao nhiêu câu?
117. 100
118. 30
119. **60**
120. 45
121. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời gian thi thi trắc nghiệm Môn Kiến thức chung là bao nhiêu phút?
122. 30
123. 45
124. 90
125. **60**
126. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời gian thi thi trắc nghiệm Tin học là bao nhiêu phút?
127. 120
128. **30**
129. 45
130. 60
131. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời gian thi thi trắc nghiệm 60 phút là của môn nào?
132. Tin học
133. **Kiến thức chung**
134. Tất cả phương án
135. Ngoại ngữ
136. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời gian thi thi trắc nghiệm 30 phút là của môn nào?
137. **Ngoại ngữ; Tin học**
138. Kiến thức chung
139. Tin học
140. Ngoại ngữ
141. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Chọn phương án đúng về Thi trắc nghiệm trên máy tính thì không có môn thi nào?
142. **Tin học**
143. Kiến thức chung
144. Ngoại ngữ
145. Tin học hoặc Ngoại ngữ
146. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Chọn phương án đúng về các môn thi trắc nghiệm trên máy tính?
147. **Kiến thức chung; Ngoại ngữ**
148. Kiến thức chung; Ngoại ngữ; Tin học
149. Tin học; Ngoại ngữ
150. Kiến thức chung; Tin học
151. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. "Thi viết đề án" Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng bao nhiêu?
152. hạng I hoặc  hạng II
153. hạng II
154. **hạng I**
155. hạng V
156. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. "Thi viết thời gian 180 phút" Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng bao nhiêu?
157. Hạng III
158. Hạng IV
159. Hạng I
160. **Hạng II**
161. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. "Thi viết thời gian 120 phút" Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng bao nhiêu?
162. Hạng III
163. Hạng IV
164. **Hạng III; IV**
165. Hạng II; III
166. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thang điểm chấm môn chuyên ngành là thang điểm bao nhiêu?
167. **100**
168. 40
169. 10
170. 30
171. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Xác định phương án đúng về thi thực hành trên máy tính môn học nào được phúc khảo bài thi?
172. Ngoại ngữ
173. Kiến thức chung
174. **Không có phương án nào đúng**
175. Tin học
176. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Miễn thi môn tin học đối với trường hợp nào?
177. Có bằng tốt nghiệp từ sơ cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.
178. Tất cả phương án
179. **Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.**
180. Có chứng chỉ tốt nghiệp liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.
181. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Miễn thi môn Ngoại ngữ đối với trường hợp nào?
182. **Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác**
183. Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn trên 05 năm công tác
184. Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn 05 năm công tác
185. Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 6 năm công tác
186. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Người không trúng tuyển **kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp**nếu môn nào thi trắc nghiệm bị dưới 50% số câu trả lời đúng?
187. Tin học
188. **Tất cả phương án**
189. Kiến thức chung
190. Ngoại ngữ
191. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.Chậm nhất bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có trách nhiệm thông báo kết quả thi và danh sách viên chức trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị cử viên chức tham dự kỳ thi
192. 03 ngày
193. 07 ngày
194. **05 ngày**
195. 15 ngày
196. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp, với trường hợp nào?
197. Tất cả phương án
198. Viên chức là người dân tộc thiểu số
199. Viên chức là anh hùng lực lượng vũ trang
200. **Viên chức được công nhận, bổ nhiệm chức danh có yêu cầu về hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn chức danh nghề nghiệp hiện giữ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.**
201. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển?
202. 07 ngày
203. 10 ngày
204. 05 ngày
205. **15 ngày**
206. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thời hạn giữ chức vụ quản lý cho mỗi lần bổ nhiệm là bao nhiêu năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực?
207. **05 năm**
208. 04 năm
209. 03 năm
210. 05 năm hoặc 04 năm
211. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Viên chức được đề nghị bổ nhiệm lần đầu giữ chức vụ quản lý hoặc đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý cao hơn thì tuổi bổ nhiệm phải còn đủ bao nhiêu năm công tác tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm?
212. 04 năm
213. 05 năm hoặc 04 năm
214. 06 năm
215. **05 năm**
216. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Viên chức được đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý mà thời hạn giữ chức vụ dưới bao nhiêu năm theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì tuổi công tác phải đủ một nhiệm kỳ?
217. **05 năm**
218. 05 năm hoặc 04 năm
219. 03 năm
220. 04 năm
221. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Viên chức được bổ nhiệm giữ chức vụ mới ............ chức vụ đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm còn đủ 05 năm công tác tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm?
222. thấp hơn
223. cao hơn
224. **tương đương hoặc thấp hơn**
225. tương đương
226. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thẩm fv cán bộ?
227. **người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền**
228. người đứng đầu cấp uỷ đơn vị sự nghiệp công lập
229. đề nghị cấp có thẩm quyền
230. người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
231. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ, có bao nhiêu bước?
232. **5 bước**
233. 6 bước
234. 4 bước
235. 7 bước
236. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu loại Hồ sơ bổ nhiệm?
237. 08 loại
238. 09 loại
239. 07 loại
240. **10 loại**
241. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Viên chức quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm, tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới bao nhiêu năm công tác mà được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định?
242. 06 năm
243. 04 năm
244. **05 năm**
245. 05 năm hoặc 04 năm
246. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trường hợp tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới bao nhiêu năm công tác, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
247. 03 năm
248. 05 năm
249. **02 năm**
250. 04 năm
251. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Quyết định bổ nhiệm lại hoặc quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất bao nhiêu ngày làm việc?
252. 03 ngày
253. 07 ngày
254. 05 ngày
255. **01 ngày**
256. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chọn phương án đúng về trường hợp chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý?
257. Viên chức quản lý đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử
258. Viên chức quản lý đang trong thời gian được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử đi học tập, công tác ở nước ngoài 03 tháng trở lên
259. **Tất cả phương án**
260. Viên chức quản lý đang trong thời gian điều trị nội trú từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở y tế hoặc đang trong thời gian nghỉ chế độ thai sản
261. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Mức xếp chất lượng nào viên chức trong thời hạn giữ chức vụ quản lý được bổ nhiệm lại?
262. Hoàn thành tốt nhiệm vụ
263. **Tất cả phương án**
264. Hoàn thành nhiệm vụ
265. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
266. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Thời hạn viên chức giữ một chức vụ quản lý không quá bao nhiêu nhiệm kỳ liên tiếp được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành?
267. ba nhiệm kỳ
268. bốn nhiệm kỳ
269. hai nhiệm kỳ hoặc ba nhiệm kỳ
270. **hai nhiệm kỳ**
271. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm phải ra thông báo thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại đối với viên chức
272. 120 ngày
273. **90 ngày**
274. 30 ngày
275. 60 ngày
276. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất bao nhiêu ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm phải ra thông báo thực hiện việc xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với viên chức?
277. 30 ngày
278. 45 ngày
279. **90 ngày**
280. 60 ngày
281. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu loại Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu?
282. 6 loại
283. 5 loại
284. **8 loại**
285. 7 loại
286. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn bao nhiêu tháng thuộc loại Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu?
287. **06 tháng**
288. 09 tháng
289. 03 tháng
290. 04 tháng
291. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. ảnh màu khổ 4x6, chụp trong thời gian không quá bao nhiêu tháng để dán lên Sơ yếu lý lịch thuộc loại Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu?
292. 04 tháng
293. 05 tháng
294. 03 tháng
295. **06 tháng**
296. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu loại Hồ sơ xem xét cho viên chức thôi giữ chức vụ quản lý?
297. Hơn 2 loại
298. 2 loại
299. **Hơn 3 loại**
300. 2 loại hoặc 3 loại
301. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ. Chậm nhất sau bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận đơn xin thôi giữ chức vụ quản lý của viên chức, bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nơi viên chức đang công tác phải trao đổi với viên chức có đơn đề nghị thôi giữ chức vụ.
302. 07 ngày
303. 15 ngày
304. **10 ngày**
305. 05 ngày
306. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ. Chậm nhất sau bao nhiêu ngày kể từ ngày bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ có văn bản đề xuất, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải thảo luật, biểu quyết bằng phiếu kín.
307. 5 ngày
308. **15 ngày**
309. 7 ngày
310. 10 ngày
311. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ. Việc quyết định cho viên chức thôi giữ chức vụ quản lý phải được trên bao nhiêu phần trăm tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý
312. 75%
313. 30%
314. **50%**
315. 70%
316. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xác định phương án đúng về Viên chức quản lý không được thôi giữ chức vụ?
317. Do không đủ sức khỏe, hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao
318. Tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ quản lý
319. Tất cả phương án
320. **Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật.**
321. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Xác định phương án đúng về Viên chức quản lý không được thôi giữ chức vụ?
322. Tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ quản lý
323. Tất cả phương án
324. **Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; đang đảm nhận nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; phòng chống thiên tai, dịch bệnh**
325. Do không đủ sức khỏe, hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao
326. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ" viên chức quản lý sẽ bị?
327. Cách chức
328. **MIễn nhiệm**
329. Bãi nhiệm
330. Giáng chức
331. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một thời hạn bổ nhiệm" viên chức quản lý sẽ bị?
332. Bãi nhiệm
333. Giáng chức
334. Cách chức
335. **MIễn nhiệm**
336. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ" viên chức quản lý sẽ bị?
337. **MIễn nhiệm**
338. Bãi nhiệm
339. Cách chức
340. Giáng chức
341. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế " viên chức quản lý sẽ bị?
342. Từ chức
343. Giáng chức
344. **Miễn nhiệm**
345. Bãi chức
346. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Chậm nhất sau bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất việc miễn nhiệm, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín
347. 60 ngày
348. 45 ngày
349. 7 ngày
350. **30 ngày**
351. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Việc quyết định miễn nhiệm đối với viên chức phải được trên bao nhiêu phần trăm tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý
352. 80%
353. 75%
354. 70%
355. **50%**
356. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trường hợp viên chức bị miễn nhiệm do xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong bao nhiêu năm liên tiếp thì đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền cho thôi việc theo quy định của pháp luật
357. hai năm hoặc ba năm
358. ba năm
359. **hai năm**
360. bốn năm
361. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ khi có đủ cơ sở kết luận việc miễn nhiệm chức vụ quản lý là sai thì cấp có thẩm quyền phải có quyết định bố trí lại chức vụ quản lý và giải quyết các quyền lợi hợp pháp liên quan đến chức vụ cũ của viên chức.
362. 15 ngày
363. 45 ngày
364. 07 ngày
365. **30 ngày**
366. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu trường hợp Viên chức chưa được giải quyết thôi?
367. 5 trường hợp
368. **4 trường hợp**
369. 6 trường hợp
370. 3 trường hợp
371. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của viên chức, nếu đồng ý cho viên chức thôi việc thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết chế độ thôi việc cho viên chức theo quy định
372. 10 ngày
373. 15 ngày
374. 07 ngày
375. **05 ngày**
376. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020.Trợ cấp thôi việc đối với viên chức thôi việc. Đối với thời gian công tác của viên chức từ ngày 31 tháng 12 năm 2008 trở về trước được tính như phương án nào?
377. Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/4 tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ quản lý, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương
378. Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1 tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ quản lý, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương
379. **Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ quản lý, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương**
380. Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/3 tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ quản lý, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương
381. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020.**Thủ tục nghỉ hưu.**Thời điểm nghỉ hưu là ngày bao nhiêu của tháng liền kề sau tháng viên chức đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định?
382. ngày 20
383. ngày 15
384. ngày 31
385. **ngày 01**
386. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trước bao nhiêu tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cơ quan, đơn vị quản lý viên chức phải ra thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu để viên chức biết và chuẩn bị người thay thế?
387. 09 tháng
388. 03 tháng
389. 04 tháng
390. **06 tháng**
391. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Trước bao nhiêu tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cơ quan, đơn vị quản lý viên chức phải ra quyết định nghỉ hưu?
392. 02 tháng
393. 04 tháng
394. 06 tháng
395. **03 tháng**
396. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Viên chức được nghỉ hưu có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu và những công việc đang làm cho người được phân công tiếp nhận ít nhất trước bao nhiêu ngày làm việc tính đến thời điểm nghỉ hưu?
397. 07 ngày
398. **03 ngày**
399. 05 ngày
400. 10 ngày
401. Theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. Có bao nhiêu nội dung quản lý viên chức?
402. 10 nội dung
403. **11 nội dung**
404. 8 nội dung
405. 7 nội dung
406. Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Có ý kiến về chương trình khung bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức" là nhiệm vụ quyền hạn của?
407. Đơn vị sự nghiệp công lập
408. **Bộ Nội vụ**
409. Các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành
410. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
411. Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quy định về lập hồ sơ, quản lý hồ sơ; số hiệu viên chức; thẻ viên chức" là nhiệm vụ quyền hạn của?
412. **Bộ Nội vụ**
413. Đơn vị sự nghiệp công lập
414. Các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành
415. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
416. Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý" là nhiệm vụ quyền hạn của?
417. Bộ nội vụ
418. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
419. **Các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành**
420. Đơn vị sự nghiệp công lập
421. Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo phân công, phân cấp và theo quy định của Đảng và của pháp luật" là nhiệm vụ quyền hạn của?
422. Các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành
423. Bộ Nội vụ
424. Đơn vị sự nghiệp công lập
425. **Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**
426. Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định" là nhiệm vụ quyền hạn của?
427. Bộ Nội vụ
428. Các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành
429. **Đơn vị sự nghiệp công lập**
430. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
431. Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020. "Quyết định cử viên chức tham dự các cuộc hội thảo, hội nghị, nghiên cứu khảo sát và học tập kinh nghiệm ở nước ngoài theo phân cấp" là nhiệm vụ quyền hạn của?
432. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
433. **Đơn vị sự nghiệp công lập**
434. Bộ Nội vụ
435. Các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành
436. Nghị định 115/2020/NĐ-CP; 25/9/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày nào.
437. **ngày 29 tháng 9 năm 2020**
438. ngày 25 tháng 9 năm 2020
439. ngày 31 tháng 12 năm 2020
440. ngày 25 tháng 10 năm 2020
441. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả cao, trong đó ít nhất 50% nhiệm vụ hoàn thành vượt mức.” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức nào?
442. Hoàn thành nhiệm vụ
443. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
444. **Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**
445. Hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc Hoàn thành nhiệm vụ
446. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
447. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
448. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
449. **Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**
450. Hoàn thành tốt nhiệm vụ
451. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ?
452. **Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả cao, trong đó ít nhất 50% nhiệm vụ hoàn thành vượt mức.**
453. Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả
454. Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả
455. Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp.
456. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
457. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
458. **Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**
459. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
460. Hoàn thành tốt nhiệm vụ
461. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ?
462. Có ít nhất 70% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.
463. Tất cả phương án
464. Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả
465. **Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức**
466. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ?
467. Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 80% hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng
468. Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành trên 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ
469. **100% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 70% hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.**
470. Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả
471. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ?
472. Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 40% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức
473. **Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao**
474. Tất cả phương án
475. 100% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 50% hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
476. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “100% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 70% hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
477. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
478. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
479. **Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ**
480. Hoàn thành tốt nhiệm vụ
481. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý "Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả cao, trong đó ít nhất bao nhiêu phần trăm nhiệm vụ hoàn thành vượt mức"
482. 70%
483. 80%
484. 30%
485. **50%**
486. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất bao nhiêu phần trăm chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức"?
487. 45%
488. 70%
489. 30%
490. **50%**
491. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "100% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất bao nhiêu phần trăm hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ."?
492. 30%
493. 50%
494. 85%
495. **70%**
496. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức nào?
497. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
498. **Hoàn thành tốt nhiệm vụ**
499. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
500. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
501. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 80% hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
502. Hoàn thành nhiệm vụ
503. **Hoàn thành tốt nhiệm vụ**
504. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
505. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
506. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ?
507. Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả;
508. Tất cả phương án
509. **Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.**
510. Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp.
511. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ?
512. Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 80% hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng
513. **Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả**
514. 100% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 70% hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
515. Tất cả phương án
516. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ?
517. Có ít nhất 70% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên
518. **Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 80% hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng**
519. Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả
520. Tất cả phương án
521. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành tốt nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý "Hoàn thành bao nhiêu phần trăm nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả"
522. 90% hoặc 100%
523. **100%**
524. 90%
525. 95%
526. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành tốt nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất bao nhiêu phần trăm hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng"
527. 85%
528. **80%**
529. 70%
530. 90%
531. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành tốt nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "100% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất bao nhiêu phần trăm hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
532. **70%**
533. 30%
534. 50%
535. 80%
536. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức nào?
537. **Hoàn thành nhiệm vụ**
538. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc không Hoàn thành nhiệm vụ
539. Hoàn thành tốt nhiệm vụ
540. Không hoàn thành nhiệm vụ
541. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành trên 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
542. Không hoàn thành nhiệm vụ
543. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
544. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ
545. **Hoàn thành nhiệm vụ**
546. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Có ít nhất 70% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên” là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
547. **Hoàn thành nhiệm vụ**
548. Không hoàn thành nhiệm vụ
549. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Hoàn thành tốt nhiệm vụ
550. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
551. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức hoàn thành nhiệm vụ?
552. Tất cả phương án
553. **Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp**
554. Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả
555. Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành dưới 50% các chỉ tiêu, nhiệm vụ
556. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức hoàn thành nhiệm vụ?
557. Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp
558. Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành trên 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ
559. Có ít nhất 70% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên
560. **Tất cả phương án**
561. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là một trong những tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức hoàn thành nhiệm vụ?
562. Có ít nhất 50% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.
563. Tất cả phương án
564. Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành dưới 50% các chỉ tiêu, nhiệm vụ
565. **Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành trên 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ**
566. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý "Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá bao nhiêu phần trăm tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp"
567. 10%
568. 15%
569. 5%
570. **20%**
571. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá bao nhiêu phần trăm tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp"
572. 5%
573. **20%**
574. 10%
575. 15%
576. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành trên bao nhiêu phần trăm các chỉ tiêu, nhiệm vụ"?
577. 50%
578. 30%
579. 80%
580. **70%**
581. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Một trong những tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "Có ít nhất bao nhiêu phần trăm đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên."?
582. 50%
583. 30%
584. **70%**
585. 80%

Điều 14

1. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa theo đánh giá của cấp có thẩm quyền” là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức nào?
2. .Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
3. **Không hoàn thành nhiệm vụ**
4. Hoàn thành nhiệm vụ
5. Không có phương án đúng
6. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả” là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức nào?
7. **Không hoàn thành nhiệm vụ**
8. Hoàn thành nhiệm vụ
9. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
10. Không có phương án đúng
11. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Có hành vi vi phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá.” là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức nào?
12. Hoàn thành nhiệm vụ
13. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
14. **Không hoàn thành nhiệm vụ**
15. Không có phương án đúng
16. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa theo đánh giá của cấp có thẩm quyền” là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
17. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
18. **Không hoàn thành nhiệm vụ**
19. Hoàn thành nhiệm vụ
20. Không có phương án đúng
21. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả” là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
22. Hoàn thành nhiệm vụ
23. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
24. **Không hoàn thành nhiệm vụ**
25. Không có phương án đúng
26. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành dưới 50% các chỉ tiêu, nhiệm vụ” là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
27. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
28. Hoàn thành nhiệm vụ
29. **Không hoàn thành nhiệm vụ**
30. Không có phương án đúng
31. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp liên quan đến tham ô, tham nhũng, lãng phí và bị xử lý theo quy định của pháp luật.” là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
32. Hoàn thành nhiệm vụ
33. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
34. **Không hoàn thành nhiệm vụ**
35. Không có phương án đúng
36. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020.Tiêu chí “Có hành vi vi phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá.” là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức nào?
37. Hoàn thành nhiệm vụ
38. Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ
39. **Không hoàn thành nhiệm vụ**
40. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức không hoàn thành nhiệm vụ?
41. **Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả**
42. Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả
43. Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp
44. Một trong phương án
45. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý ở mức không hoàn thành nhiệm vụ?
46. Có hành vi vi phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá.
47. Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả
48. Có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa theo đánh giá của cấp có thẩm quyền
49. **Một trong các phương án**
50. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức không hoàn thành nhiệm vụ?
51. Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp
52. Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành trên 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ;
53. **Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả**
54. Một trong phương án
55. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức không hoàn thành nhiệm vụ?
56. Có ít nhất 70% đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.
57. Một trong phương án
58. **Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành dưới 50% các chỉ tiêu, nhiệm vụ**
59. Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp
60. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Phương án nào là tiêu chí xếp loại chất lượng Viên chức quản lý ở mức không hoàn thành nhiệm vụ?
61. Có hành vi vi phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá.
62. Đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp liên quan đến tham ô, tham nhũng, lãng phí và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
63. Có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa theo đánh giá của cấp có thẩm quyền
64. **Một trong các phương án**
65. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Tiêu chí không hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức không giữ chức vụ quản lý "Có trên bao nhiêu phần trăm các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả;"
66. **50%**
67. 70%
68. 30%
69. 20%
70. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Tiêu chí không hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "Có trên bao nhiêu phần trăm các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả"
71. 70%
72. 30%
73. **50%**
74. 20%
75. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Tiêu chí không hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại chất lượng Viên chức quản lý "Đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành dưới bao nhiêu phần trăm các chỉ tiêu, nhiệm vụ"
76. **50%**
77. 20%
78. 30%
79. 10%
80. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Đối với viên chức. Ai là người có trách nhiệm tổ chức việc đánh giá viên chức thuộc thẩm quyền quản lý?
81. **Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập**
82. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Người đứng đầu quản lý trực tiếp đơn vị sự nghiệp công lập
83. Người đứng đầu quản lý trực tiếp đơn vị sự nghiệp công lập
84. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP; 13/8/2020. Đối với viên chức. Ai là người chịu trách nhiệm đánh giá viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập?
85. Người đứng quản lý trực tiếp vị đơn vị sự nghiệp công lập
86. **Người có thẩm quyền bổ nhiệm**
87. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
88. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Người đứng đầu quản lý trực tiếp đơn vị sự nghiệp công lập
89. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP;  13/8/2020. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức. Đối với viên chức là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu có bao nhiêu bước?
90. 7 bước
91. 4 bước
92. 6 bước
93. **5 bước**

1. Theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP;  13/8/2020. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý có bao nhiêu bước?
2. 6 bước
3. 7 bước
4. **4 bước**
5. 5 bước
6. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây là một trong những nguyên tắc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức?
7. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
8. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát.
9. **Khách quan, công bằng; công khai, minh bạch; nghiêm minh, đúng pháp luật**
10. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước.
11. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn bao nhiêu tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm?
12. 12 tháng
13. 18 tháng
14. 36 tháng
15. **24 tháng**
16. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà ngoài thời hạn bao nhiêu tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì hành vi vi phạm đó được coi là vi phạm lần đầu nhưng được tính là tình tiết tăng nặng khi xem xét xử lý kỷ luật?
17. 30 tháng
18. 18 tháng
19. **24 tháng**
20. 36 tháng
21. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định phương án đúng về nguyên tắc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức?
22. **Tất cả phương án đều đúng**
23. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm
24. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm trong quá trình xử lý kỷ luật.
25. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính
26. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án sai về nguyên tắc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức?
27. **Thực hiện bình đẳng giới.**
28. Khách quan, công bằng; công khai, minh bạch; nghiêm minh, đúng pháp luật
29. Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thái độ tiếp thu và sửa chữa, việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả đã gây ra.
30. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm trong quá trình xử lý kỷ luật.
31. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây là một trong những nguyên tắc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức?
32. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng nhiều hình thức kỷ luật
33. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật cao nhất
34. **Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật**
35. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định phương án sai về nguyên tắc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức?
36. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm
37. **Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính**
38. Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thái độ tiếp thu và sửa chữa, việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả đã gây ra
39. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng.
40. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020.Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu cán bộ, công chức, viên chức có từ bao nhiêu hành vi vi phạm trở lên thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm, buộc thôi việc; không tách riêng từng nội dung vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức để xử lý kỷ luật nhiều lần với các hình thức kỷ luật khác nhau?
41. 02 hành vi vi phạm hoặc 03 hành vi vi phạm
42. **02 hành vi vi phạm**
43. 04 hành vi vi phạm
44. 03 hành vi vi phạm
45. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật. Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật .............. một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành
46. nặng hơn hoặc bằng
47. **nặng hơn**
48. bằng
49. nhẹ hơn hoặc bằng
50. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật. Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật ........... một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm mới
51. bằng
52. **nặng hơn**
53. nặng hơn hoặc bằng
54. nhẹ hơn hoặc bằng
55. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Không áp dụng hình thức nào thay cho hình thức kỷ luật hành chính?
56. hình thức kỷ luật đảng
57. hạ bậc lương
58. **xử phạt hành chính hoặc hình thức kỷ luật đảng**
59. xử phạt hành chính
60. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hình thức xử lý kỷ luật nào không thay cho truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm đến mức bị xử lý hình sự.
61. xử lý kỷ luật hành chính và  hình thức kỷ luật đảng
62. **xử lý kỷ luật hành chính**
63. hình thức kỷ luật đảng
64. hình thức kỷ luật đảng hoặc xử lý kỷ luật hành chính
65. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính?
66. 15 ngày
67. 60 ngày
68. 45 ngày
69. **30 ngày**
70. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Có bao nhiêu trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức?
71. 3
72. 4
73. **Hơn 4**
74. Hơn 3
75. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. "Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian nghỉ nào được cấp có thẩm quyền cho phép" thì chưa xem xét xử lý kỷ luật?
76. **nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng**
77. nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ
78. nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng
79. nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng
80. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. "Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian nào" thì chưa xem xét xử lý kỷ luật?
81. đang mất khả năng nhận thức
82. bị ốm điều trị ngoại trú hoặc đang mất khả năng nhận thức
83. **điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức**
84. điều trị bệnh hiểm nghèo
85. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. "Cán bộ, công chức, viên chức là nữ giới đang trong thời gian nào" thì chưa xem xét xử lý kỷ luật?
86. **mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi**
87. mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 24 tháng tuổi
88. mang thai, nghỉ thai sản
89. mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi
90. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. "Cán bộ, công chức, viên chức là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới bao nhiêu tháng tuổi" thì chưa xem xét xử lý kỷ luật?
91. dưới 18 tháng tuổi
92. dưới 09 tháng tuổi
93. dưới 24 tháng tuổi
94. **dưới 12 tháng tuổi**
95. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. "Cán bộ, công chức, viên chức đang ................ chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp theo quyết định của cấp có thẩm quyền" thì chưa xem xét xử lý kỷ luật?
96. **bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam**
97. bị khởi tố, tạm giữ
98. tạm giữ, tạm giam
99. bị khởi tố, tạm giữ, bệnh hiểm nghèo
100. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Có bao nhiêutrường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật?
101. 2
102. **4**
103. 4 hoặc 3
104. 3
105. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định phương án đúng vềtrường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật?
106. **Tất cả phương án đều đúng**
107. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm
108. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời.
109. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự khi thi hành công vụ.
110. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định phương án sai vềtrường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật?
111. **Cán bộ, công chức, viên chức là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi**
112. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự khi thi hành công vụ.
113. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm
114. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thờibáo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.
115. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Trường hợp vụ việc có liên quan đến nhiều người, có tang vật, phương tiện cần giám định hoặc có tình tiết phức tạp khác cần thời gian để làm rõ thêm thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật, nhưng không quá bao nhiêu ngày.
116. 90 ngày.
117. **150 ngày.**
118. 60 ngày.
119. 120 ngày.
120. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nào thì bị xem xét xử lý kỷ luật?
121. vi phạm các quy định về nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức
122. vi phạm đạo đức, lối sống hoặc vi phạm pháp luật khác khi thi hành công vụ
123. vi phạm những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị
124. **Vi phạm một trong các hành vi ở một trong các phương án**
125. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Có bao nhiêu mức độ hành vi vi phạm của Cán bộ, công chức, viên chức đến mức phải xử lý kỷ luật?
126. 2
127. **4**
128. 4 hoặc 3
129. 3
130. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Xác định phương án đúng về mức độ hành vi vi phạm của Cán bộ, công chức, viên chức, gây hậu quả?
131. nghiêm trọng vừa; nghiêm trọng; rất nghiêm trọng; đặc biệt nghiêm trọng
132. ít nghiêm trọng; nghiêm trọng vừa; rất nghiêm trọng; đặc biệt nghiêm trọng
133. nghiêm trọng; rất nghiêm trọng; đặc biệt nghiêm trọng; cực kỳ nghiêm trọng
134. **ít nghiêm trọng; nghiêm trọng; rất nghiêm trọng; đặc biệt nghiêm trọng**
135. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Xác định phương án đúng về Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng?
136. vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động sâu rộng đến toàn xã hội, gây dư luận đặc biệt bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác
137. **vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi nội bộ, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.**
138. vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động ngoài phạm vi nội bộ, gây dư luận xấu trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác
139. vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác
140. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Xác định phương án đúng về Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng?
141. vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.
142. **vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động ngoài phạm vi nội bộ, gây dư luận xấu trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác**
143. vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi nội bộ, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.
144. vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động sâu rộng đến toàn xã hội, gây dư luận đặc biệt bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác
145. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Vi phạm "vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác" là gây hậu quả ở mức độ nào?
146. nghiêm trọng
147. **rất nghiêm trọng**
148. ít nghiêm trọng
149. đặc biệt nghiêm trọng
150. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Vi phạm "vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động ngoài phạm vi nội bộ, gây dư luận xấu trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác" là gây hậu quả ở mức độ nào?
151. ít nghiêm trọng
152. **nghiêm trọng**
153. đặc biệt nghiêm trọng
154. rất nghiêm trọng
155. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Có bao nhiêu hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý?
156. **3**
157. 4
158. 5
159. 2
160. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây không phải là hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức quản lý?
161. Khiển trách
162. Cách chức
163. Cảnh cáo
164. **Giáng chức**
165. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây không phải là hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức quản lý?
166. Buộc thội việc
167. **Miễn nhiệm**
168. Cách chức
169. Cảnh cáo
170. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây không phải là hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức quản lý?
171. Cảnh cáo
172. Buộc thôi việc
173. Cách chức
174. **Từ chức**
175. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây là hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức quản lý?
176. **Cách chức**
177. Từ chức
178. Bãi nhiệm
179. Giáng chức
180. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây là hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức quản lý?
181. Buộc thôi việc; Miễn nhiệm
182. Cảnh cáo; Bãi nhiệm
183. **Cách chức; Buộc thôi việc**
184. Cách chức; giáng chức
185. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định Phương án đúng về hình thức xử lý kỷ luật nào mà Viên chức bị kỷ luật còn có thể bị hạn chế thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật có liên quan?
186. Khiển trách
187. Cảnh cáo
188. **Tất cả phương án**
189. Buộc thôi việc
190. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định Phương án đúng về hình thức xử lý kỷ luật nào mà Viên chức bị kỷ luật còn có thể bị hạn chế thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật có liên quan?
191. **Tất cả phương án**
192. Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức;Buộc thôi việc
193. Khiển trách; Cảnh cáo; Buộc thôi việc
194. Buộc thôi việc
195. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây không phải là hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý?
196. Buộc thôi việc
197. Khiển trách
198. **Hạ bậc lương**
199. Cảnh cáo
200. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định phương án đúng về hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức?
201. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương;Buộc thôi việc hoặc Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức;Buộc thôi việc
202. **Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức;Buộc thôi việc hoặc Khiển trách; Cảnh cáo;Buộc thôi việc**
203. Khiển trách; Cảnh cáo; Buộc thôi việc
204. Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức;Buộc thôi việc
205. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Có bao nhiêu hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức?
206. 5
207. 3
208. 4
209. **3 hoặc 4**
210. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Có bao nhiêu hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức quản lý?
211. 3 hoặc 4
212. 3
213. **4**
214. 5
215. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định phương án đúng về hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý?
216. **Khiển trách; Cảnh cáo; Buộc thôi việc**
217. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương
218. Tất cả phương án đều đúng
219. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Buộc thôi việc
220. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định phương án đúng về hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức quản lý?
221. **Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức; Buộc thôi việc**
222. Khiển trách; Cảnh cáo; Bãi nhiệm; Cách chức;Buộc thôi việc
223. Khiển trách; Cảnh cáo; Giáng chức; Cách chức;Buộc thôi việc
224. Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức;Hạ bậc lương; Buộc thôi việc
225. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây không phải là hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức quản lý?
226. Cảnh cáo
227. Cách chức
228. Buộc thôi việc
229. **Bãi nhiệm**
230. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Phương án nào sau đây không phải là hình thức xử lý kỷ luật đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý?
231. **Bãi nhiệm**
232. Khiển trách
233. Buộc thôi việc
234. Cảnh cảo
235. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
236. Giáng chức
237. Cảnh cáo
238. Phê bình
239. **Khiển trách**
240. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
241. Cảnh cáo
242. Buộc thôi việc
243. **Khiển trách**
244. Phê bình
245. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
246. Cảnh cáo
247. Cách chức
248. Buộc thôi việc
249. **Khiển trách**
250. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
251. Hạ bậc lương
252. Cảnh cáo
253. **Khiển trách**
254. Phê bình
255. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Không chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong đơn vị" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
256. Phê bình
257. Nhắc nhở
258. Cảnh cáo
259. **Khiển trách**
260. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
261. Hạ bậc lương
262. Phê bình
263. **Khiển trách**
264. Cảnh cáo
265. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
266. Phê bình
267. Giáng chức
268. Cảnh cáo
269. **Khiển trách**
270. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức  bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
271. Miễn nhiệm
272. Phê bình
273. Hạ bậc lương
274. **Khiển trách**
275. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức"  thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
276. Bãi nhiệm
277. Cảnh cáo
278. Phê bình
279. **Khiển trách**
280. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức  bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
281. Hạ bậc lương
282. **Cảnh cáo**
283. Buộc thôi việc
284. Cách chức
285. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
286. **Cảnh cáo**
287. Buộc thôi việc
288. Hạ bậc lương
289. Cách chức
290. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
291. **Cảnh cáo**
292. Buộc thôi việc
293. Hạ bậc lương
294. Cách chức
295. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
296. Cách chức
297. Hạ bậc lương
298. **Cảnh cáo**
299. Buộc thôi việc
300. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
301. **Cảnh cáo**
302. Cách chức
303. Buộc thôi việc
304. Khiển trách
305. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
306. Cách chức
307. Hạ bậc lương
308. **Cảnh cáo**
309. Buộc thôi việc

Đ

1. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách về hành vi vi phạm theo quy định mà tái phạm thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
2. Buộc thôi việc
3. Cách chức
4. Hạ bậc lương
5. **Cảnh cáo**
6. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
7. Buộc thôi việc
8. Cách chức
9. **Cảnh cáo**
10. Khiển trách
11. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
12. Cách chức
13. Buộc thôi việc
14. **Cảnh cáo**
15. Khiển trách
16. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức quản lý đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định mà tái phạm thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
17. **Cách chức**
18. Hạ bậc lương
19. Buộc thôi việc
20. Giáng chức
21. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
22. Hạ bậc lương
23. Giáng chức
24. Buộc thôi việc
25. **Cách chức**
26. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo" thì viên chức quản lý  bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
27. Cảnh cáo
28. Buộc thôi việc
29. Hạ bậc lương
30. **Cách chức**
31. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
32. Cảnh cáo
33. Hạ bậc lương
34. **Cách chức**
35. Buộc thôi việc
36. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
37. Giáng chức
38. Hạ bậc lương
39. Buộc thôi việc
40. **Cách chức**
41. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức quản lý "Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
42. Cảnh cáo
43. Hạ bậc lương
44. **Cách chức**
45. Buộc thôi việc
46. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
47. Cảnh cáo
48. **Cách chức**
49. Buộc thôi việc
50. Khiển trách
51. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
52. Buộc thôi việc
53. Hạ bậc lương
54. **Cách chức**
55. Cảnh cáo
56. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Không chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong đơn vị" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
57. **Cách chức**
58. Giáng chức
59. Bãi nhiệm
60. Buộc thôi việc
61. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
62. Hạ bậc lương
63. **Cách chức**
64. Buộc thôi việc
65. Cảnh cáo
66. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
67. Cảnh cáo
68. **Cách chức**
69. Buộc thôi việc
70. Hạ bậc lương
71. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức"  thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
72. Buộc thôi việc
73. Hạ bậc lương
74. Cảnh cáo
75. **Cách chức**
76. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất  nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
77. Hạ bậc lương
78. Buộc thôi việc
79. Giáng chức
80. **Cách chức**
81. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức quản lý bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
82. Buộc thôi việc
83. Hạ bậc lương
84. Cảnh cáo
85. **Cách chức**
86. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
87. Cảnh cáo
88. **Buộc thôi việc**
89. Hạ bậc lương
90. Cách chức
91. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
92. Buộc thôi việc
93. Hạ bậc lương
94. Cách chức
95. Cảnh cáo
96. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
97. **Buộc thôi việc**
98. Cảnh cáo
99. Hạ bậc lương
100. Cách chức
101. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
102. Cách chức
103. **Buộc thôi việc**
104. Cảnh cáo
105. Hạ bậc lương
106. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
107. Hạ bậc lương
108. **Buộc thôi việc**
109. Cách chức
110. Cảnh cáo
111. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo" thì viên chức  bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
112. Cảnh cáo
113. Cách chức
114. Hạ bậc lương
115. **Buộc thôi việc**
116. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
117. Cảnh cáo
118. Cách chức
119. **Buộc thôi việc**
120. Hạ bậc lương
121. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với hành vi vi phạm "Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức"  thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
122. Hạ bậc lương
123. Cách chức
124. Cảnh cáo
125. **Buộc thôi việc**
126. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với viên chức quản lý hoặc cảnh cáo đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý mà tái phạm thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
127. Hạ bậc lương
128. Cảnh cáo
129. Giáng chức
130. **Buộc thôi việc**
131. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thuộc về trường hợp "Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
132. Hạ bậc lương
133. Cách chức
134. **Buộc thôi việc**
135. Cảnh cáo
136. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thuộc về trường hợp "Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng." thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
137. Cảnh cáo
138. Hạ bậc lương
139. **Buộc thôi việc**
140. Cách chức
141. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm "Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
142. **Buộc thôi việc**
143. Cách chức
144. Truy cứu trách nhiệm hình sự
145. Cảnh cáo
146. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hành vi vi phạm "Nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có xác nhận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền" thì viên chức bị xử lý hình thức kỷ luật nào sau đây?
147. Cảnh cáo
148. Truy cứu trách nhiệm hình sự
149. **Buộc thôi việc**
150. Cách chức
151. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý, Ai là người tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật?
152. Tất cả phương án
153. **Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức**
154. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
155. Giám đốc sở Nội vụ
156. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Đối với viên chức làm việc trong Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân thì thẩm quyền xử lý kỷ luật được thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của cơ quan nào?
157. Cơ quan sử dụng viên chức
158. Tất cả phương án
159. **Cơ quan quản lý viên chức**
160. Sở Nội vụ hoặc Bộ Nội vụ
161. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Xác định phương án đúng về các bước xử lý kỷ luật đối với viên chức?
162. Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật; Tổ chức họp kiểm điểm; Thành lập Hội đồng kỷ luật;
163. **Tổ chức họp kiểm điểm; Thành lập Hội đồng kỷ luật; Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật**
164. Tất cả phương án đều đúng
165. Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật;Thành lập Hội đồng kỷ; Tổ chức họp kiểm điểm
166. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Trường hợp người có hành vi vi phạm vắng mặt thì cuộc họp kiểm điểm được tiến hành sau bao nhiêu lần gửi thông báo triệu tập họp?
167. 03 lần
168. **02 lần**
169. 04 lần
170. 01 lần
171. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp kiểm điểm, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm gửi báo cáo và biên bản cuộc họp kiểm điểm đến cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật.
172. 05 ngày
173. 07 ngày
174. **03 ngày**
175. 04 ngày
176. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Hội đồng kỷ luật viên chức họp khi có đủ bao nhiêu thành viên trở lên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng?
177. **03 thành viên**
178. 07 thành viên
179. 05 thành viên
180. 09 thành viên
181. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý và đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức không có đơn vị cấu thành, Hội đồng kỷ luật có bao nhiêu thành viên?
182. 05 thành viên
183. 04 thành viên
184. **03 thành viên**
185. 07 thành viên
186. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý và đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức có đơn vị cấu thành, Hội đồng kỷ luật có bao nhiêu thành viên?
187. **05 thành viên**
188. 03 thành viên
189. 07 thành viên
190. 04 thành viên
191. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Đối với viên chức quản lý có hành vi vi phạm, Hội đồng kỷ luật có bao nhiêu thành viên?
192. 07 thành viên
193. **05 thành viên**
194. 03 thành viên
195. 04 thành viên
196. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Chậm nhất là bao nhiêu ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp của Hội đồng kỷ luật, giấy triệu tập họp phải được gửi tới viên chức có hành vi vi phạm?
197. 10 ngày
198. 05 ngày
199. 15 ngày
200. **07 ngày**
201. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật trong trường hợp thành lập Hội đồng kỷ luật hoặc biên bản cuộc họp kiểm điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật hoặc văn bản đề xuất của cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kỷ luật hoặc kết luận viên chức không vi phạm?
202. 07 ngày
203. 15 ngày
204. 30 ngày
205. **05 ngày**
206. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Trường hợp viên chức có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng, trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc?
207. 30 ngày
208. 07 ngày
209. 05 ngày
210. **15 ngày**
211. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Quyết định kỷ luật viên chức có hiệu lực bao nhiêu tháng kể từ ngày có hiệu lực thi hành. Trong thời gian này, nếu viên chức không tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.
212. 18 tháng
213. **12 tháng**
214. 24 tháng
215. 36 tháng
216. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian bị điều tra, truy tố, xét xử mà đến tuổi nghỉ hưu thì giải quyết như thế nào?
217. vẫn thực hiện giải quyết thủ tục hưởng chế độ hưu trí hoặc không thực hiện giải quyết thủ tục hưởng chế độ hưu trí.
218. **vẫn thực hiện giải quyết thủ tục hưởng chế độ hưu trí.**
219. chờ hình thức kỷ luật
220. không thực hiện giải quyết thủ tục hưởng chế độ hưu trí.
221. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020. Trường hợp Hội đồng kỷ luật đã có văn bản kiến nghị về việc xử lý kỷ luật nhưng chưa ra quyết định kỷ luật mà phát hiện thêm các tình tiết liên quan đến vi phạm kỷ luật hoặc phát hiện cán bộ, công chức, viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật có hành vi vi phạm pháp luật khác thì ...................... xem xét kiến nghị lại hình thức kỷ luật.
222. Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật
223. Hội đồng tuyển dụng
224. **Hội đồng kỷ luật**
225. Hội đồng quản lý cán bộ, công chức, viên chức
226. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Viên chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc thì .................. nhưng được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thời gian làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.
227. được hưởng chế độ thôi việc 6 tháng
228. được hưởng chế độ thôi việc 3 tháng
229. **không được hưởng chế độ thôi việc**
230. được hưởng chế độ thôi việc 1 tháng
231. Theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP; 18/9/2020. Sau bao nhiêu tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật buộc thời việc có hiệu lực, viên chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc được quyền đăng ký dự tuyển vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước?
232. 18 tháng
233. **12 tháng**
234. 36 tháng
235. 24 tháng
236. Theo Nghị định số 112/2020; 18/9/2020.  Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị tạm đình chỉ chức vụ thì được hưởng bao nhiêu phần trăm phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý?
237. 100%
238. 50%
239. **0%**
240. 30%
241. Nghị định số 112/2020; 18/9/2020 có hiệu lực từ ngày nào?
242. từ ngày 18 tháng 10 năm 2020.
243. **từ ngày 20 tháng 9 năm 2020.**
244. từ ngày 20 tháng 11 năm 2020.
245. từ ngày 18 tháng 9 năm 2020.